

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



**HPU**

ISO 9001:2015

**HOÀNG THỊ HƯƠNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Hải Phòng - 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

**HOÀNG THỊ HƯƠNG**

**GIẢI PHÁP CHỐNG GIAN LẬN THUẾ THU NHẬP DOANH  
NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN LÊ CHÂN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**MÃ SỐ: 60 34 01 02**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG ĐAN**

**Hải Phòng - 2020**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của bản thân tôi, được hoàn thành với sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn. Mọi số liệu, thông tin trích dẫn đều có ghi rõ nguồn gốc. Nếu có sai sót, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2020*

**TÁC GIẢ**

**Hoàng Thị Hương**

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu, toàn thể quý thầy cô trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng những người đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và viết luận văn tốt nghiệp.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc và chân thành nhất đến cô giáo tiến sĩ Nguyễn Thị Hoàng Đan đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, động viên tôi thực hiện và hoàn thành luận văn này.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn tới cơ quan, gia đình, bạn bè đã luôn chia sẻ, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

*Hải Phòng, ngày      tháng 6 năm 2020*

**TÁC GIẢ**

**Hoàng Thị Hương**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN .....</b>	<b>i</b>
<b>LỜI CẢM ƠN.....</b>	<b>ii</b>
<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>iii</b>
<b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>vi</b>
<b>DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ .....</b>	<b>viii</b>
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ CÔNG TÁC CHỐNG GIAN LẬN THUẾ TNDN ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>8</b>
1.1. Lý luận chung về thuế TNDN .....	8
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế TNDN .....	8
1.1.2. Vai trò của thuế TNDN .....	9
1.1.3. Nội dung cơ bản của Chính sách thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam	11
1.2. Doanh nghiệp và vai trò của doanh nghiệp đối với kinh tế-xã hội.....	21
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm chung của các doanh nghiệp .....	21
1.2.2. Vai trò doanh nghiệp đối với kinh tế - xã hội .....	23
1.3 Công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các DN.....	25
1.3.1 Khái niệm gian lận thuế .....	25
1.3.2 Các hình thức gian lận thuế TNDN.....	25
1.3.3 Sự cần thiết phải chống gian lận thuế TNDN đối với các DN.....	28
1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các DN .....	30
1.5 Kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại một số Chi cục Thuế và bài học cho Chi cục Thuế quận Lê Chân .....	31
1.5.1 Kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại một số Chi cục thuế.....	31
1.5.2 Bài học kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại	

Chi cục Thuế quận Lê Chân.....	36
1.6. Quy trình quản lý thuế.....	39
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHỐNG GIAN LẬN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN LÊ CHÂN .....</b>	<b>41</b>
2.1. Giới thiệu về quận Lê Chân và tổ chức bộ máy quản lý thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân.....	41
2.1.1. Giới thiệu về quận Lê Chân .....	41
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý thuế tại Chi cục thuế quận Lê Chân .....	42
2.1.3. Kết quả thu NSNN tại Chi cục thuế quận Lê Chân .....	45
Biểu đồ 2.3: Biểu kết quả thu NSNN Chi cục giai đoạn 2015-2019 .....	38
2.2 Thực trạng và công tác chống gian lận thuế TNDN của các DN trên địa bàn quận Lê Chân .....	40
Tăng cường công tác chống gian lận thuế TNDN của các DN trên địa bàn quận Lê Chân, cần tập trung tăng cường công tác kiểm tra thuế. ....	43
2.2.1 Hình thức gian lận thuế TNDN chủ yếu của các DN và các loại sai phạm về thuế .....	44
2.2.2 Công tác chống gian lận thuế TNDN đối với DN.....	53
2.3 Đánh giá công tác chống gian lận thuế TNDN.....	64
2.3.1 Kết quả đạt được .....	64
2.3.2 Một số hạn chế, tồn tại .....	66
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>71</b>
<b>BIỆN PHÁP CHỐNG GIAN LẬN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>71</b>
3.1. Mục tiêu, yêu cầu chung của công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các DN trên địa bàn quận Lê Chân.....	71
3.2. Một số biện pháp chống gian lận thuế TNDN đối với DN trên địa bàn quận Lê Chân .....	72
3.2.1 Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế .....	72

3.2.2 Tăng cường công tác quản lý hóa đơn, chứng từ.....	75
3.2.3 Tăng cường công tác kiểm tra.....	77
3.2. Tăng cường công tác quản lý thu nộp, nợ đọng thuế.....	85
3.2.5 Nâng cao năng lực của cán bộ thuế và phối hợp hoạt động với các ban ngành chức năng khác .....	87
3.2.6 Một số biện pháp khác .....	90
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>94</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>100</b>

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Giải thích</b>
DN	Doanh nghiệp
NSNN	Ngân sách Nhà nước
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TNCN	Thu nhập cá nhân
NNT	Người nộp thuế
KH & CN	Khoa học và công nghệ
DTPL	Dự toán pháp lệnh
HĐ	Hóa đơn
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
SDĐ	Sử dụng đất
TSCĐ	Tài sản cố định
CNTT	Công nghệ thông tin



## DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
2.1	Tình hình kết quả thu Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2015-2019	37
2.2	Kết quả thực hiện thu thuế TNDN các DN trong 5 năm (2013 - 2017)	41
2.3	Bảng tình hình biến động của DN qua 5 năm (2015-2019)	43
2.4	Kết quả công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ	46
2.5	Tình hình đăng ký thuế DN trên địa bàn quận Lê Chân	47
2.6	Tình hình kiểm tra hồ sơ khai thuế đối với DN địa bàn quận Lê Chân	51
2.7	Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở DN tại quận Lê Chân	51
2.8	Bảng tổng kết hóa đơn gửi đi xác minh tại Chi cục	53
2.9	Bảng tổng kết hóa đơn nhận xác minh tại Chi cục	54

## DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

<i>Số sơ đồ</i>	<i>Tên sơ đồ</i>	<i>Trang</i>
2.1	Quy trình quản lý thuế và cưỡng chế nợ thuế	33
2.2	Cơ cấu tổ chức bộ máy tại Chi cục thuế quận Lê Chân	36
2.3	Biểu kết quả thu NSNN Chi cục giai đoạn 2015-2019	38
2.3	Biểu kết quả thu thuế TNDN DN giai đoạn 2015-2019	41

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc cho Nhà nước do luật pháp qui định đối với các pháp nhân và thể nhân thuộc đối tượng chịu thuế nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước. Thuế là hình thức phân phối lại bộ phận nguồn tài chính của xã hội, không mang tính hoàn trả trực tiếp cho người nộp. Thuế không chỉ đơn thuần là một nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước mà thuế còn gắn liền với các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế, về sự công bằng trong phân phối và sự ổn định xã hội. Trong phạm vi nghiên cứu các vấn đề của tài chính và Ngân sách Nhà nước, chúng ta sẽ xem xét thuế với các vai trò cơ bản của nó là: tạo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, kích thích tăng trưởng kinh tế và điều chỉnh thu nhập.

Thực hiện công cuộc cải cách thuế trong những năm gần đây, ngành thuế nói chung và Chi cục Thuế quận Lê Chân nói riêng đã không ngừng thực hiện hàng loạt các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế. Tuy nhiên trong quá trình quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp cũng đang phát sinh nhiều vấn đề cần sớm khắc phục như tình trạng gian lận thuế, trốn thuế,... Hơn nữa, Doanh nghiệp là bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Doanh nghiệp đóng vai trò mở đường, dẫn dắt, cải tạo thúc đẩy và quyết định sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Điều này được thể hiện ở quy mô doanh nghiệp lớn, đồ sộ, sự độc tôn. Doanh nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong việc cung cấp lượng của cải trong xã hội, trong tạo việc làm và thu nhập chủ yếu cho người lao động; doanh nghiệp là tấm gương trên các lĩnh vực, là hình thức tổ chức có khả năng đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, không ít các doanh nghiệp đã lợi dụng những kẽ hở để vi phạm pháp luật, đặc biệt là pháp luật về thuế, vốn là vấn đề căn bản của bất kỳ nền kinh tế nào. Do thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng không chỉ là công cụ tạo nguồn thu cho Nhà nước mà nó còn tác động đến kết quả

hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, do đó thuế TNDN luôn là một trong những mục tiêu gian lận của doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp, nguồn vốn giữ vai trò quan trọng trong việc sản xuất, đầu tư và mở rộng quy mô doanh nghiệp, do đó số thuế TNDN phải nộp gián tiếp quyết định quy mô nguồn vốn tái đầu tư của doanh nghiệp trong những chu kỳ kinh doanh sau. Đặc biệt, với môi trường thể chế và kinh tế chưa hoàn chỉnh như ở Việt Nam hiện nay, cùng với quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng lớn thì rủi ro gian lận về thuế sẽ càng lớn.

Rủi ro trong gian lận thuế đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: không tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật thuế; chính sách thuế chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; công tác quản lý thuế còn lỏng lẻo, thiếu đồng bộ; sự hiểu biết của người dân về chính sách thuế còn hạn chế; công tác kiểm soát hệ thống thanh toán trung gian và hệ thống chứng từ còn yếu kém...Doanh nghiệp có nhiều hình thức để gian lận về số thuế TNDN phải nộp như : giấu bớt doanh thu tính thuế; kê khai những khoản chi phí bất hợp lý vào chi phí được trừ; sử dụng hóa đơn, chứng từ giả; thực hiện chế độ kế toán không thống nhất trong kỳ kinh doanh của doanh nghiệp,...Nói chung, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến rủi ro trong gian lận về thuế, có nguyên nhân chủ quan và khách quan, và để hạn chế, giảm thiểu và ngăn chặn những rủi ro đó, chúng ta cần phải có những biện pháp quản lý và kiểm soát nó một cách hiệu quả và phù hợp nhất. Trong điều kiện ngành thuế chưa đầy đủ phương tiện để quản lý kịp thời, chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật thuế của các hộ kinh doanh, nguồn lực kiểm tra còn thiếu về lực lượng và yếu về chuyên môn nghiệp vụ, thì rủi ro để xảy ra tình trạng kê khai thiếu thuế, trốn thuế, gian lận thuế với mục đích chiếm đoạt tiền thuế quay vòng vốn trong sản xuất kinh doanh là một điều không thể tránh khỏi.

Do vậy, từ những lý do trên, trong quá trình công tác tại Chi cục Thuế quận Lê Chân cùng với quá trình tìm hiểu thực tế, tôi đã đi sâu nghiên cứu đề tài: ***“Giải pháp chống gian lận Thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn***

*quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng”.*

## **2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

Chính sách thuế là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, động viên được các nguồn lực, thúc đẩy phát triển nhanh sản xuất, khuyến khích xuất khẩu, đầu tư, đổi mới công nghệ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng cao, bền vững góp phần ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước, đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, hệ thống chính sách thuế phải phù hợp với tiến trình hội nhập, thực hiện bảo hộ hợp lý, có chọn lọc, có thời hạn và có điều kiện, qua đó tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển và đảm bảo lợi ích quốc gia, tạo môi trường pháp lý bình đẳng, công bằng. Đẩy mạnh cải cách hệ thống thuế theo hướng đơn giản, minh bạch, công khai, nhanh chóng hiện đại hóa và nâng cao năng lực bộ máy quản lý thuế, khắc phục hiện tượng tiêu cực, yếu kém, từng bước kiện toàn bộ máy trong sạch, vững mạnh. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước, là một hình thức động viên mang tính bắt buộc, chuyển quyền sở hữu một phần thu nhập của các thể nhân, pháp nhân trở thành sở hữu của Nhà nước, đây là mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với các thể nhân và pháp nhân. Qua việc điều chỉnh các mối quan hệ về kinh tế một bộ phận thể nhân và pháp nhân mất đi một phần thu nhập, theo quy luật chung thì ý muốn của các thể nhân và pháp nhân này không muốn mất đi phần thu nhập đó mà luôn muốn cho thu nhập của mình ngày càng nhiều hơn. Xuất phát từ đó mà việc thực hiện chính sách thuế gặp khó khăn, cản trở và đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến các hành vi, vi phạm chính sách thuế. Ngành Thuế đã có nhiều đổi mới, với những quy trình, biện pháp quản lý ngày càng chặt chẽ đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thu đúng, thu đủ, thu sát với tình hình phát sinh

thực tế của địa bàn mình quản lý.

Gian lận thuế nói chung cũng như gian lận thuế TNDN là hành vi thuộc nội tại của doanh nghiệp do đó khó có thể định lượng một cách chính xác tình hình gian lận thuế của các doanh nghiệp. Vì vậy đề tài không đi sâu vào định lượng tình hình gian lận thuế, mà trên cơ sở nhận thức rõ các quy định về Luật thuế TNDN, cũng như nắm bắt được các đặc điểm của các doanh nghiệp, tập trung vào nhận diện thủ đoạn, hình thức gian lận thuế TNDN, chỉ ra các nguyên nhân của chúng để đề xuất các giải pháp chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Đối tượng nghiên cứu là công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu là công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân do Chi cục Thuế quận Lê Chân quản lý giai đoạn 2015 - 2019.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

*- Phương pháp thập tài liệu sơ cấp:*

Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu đã có sẵn, không phải do mình thu thập, đã công bố nên dễ thu thập, ít tốn thời gian, tiền bạc trong quá trình thu thập nhưng là loại tài liệu quan trọng trong việc nghiên cứu tiếp thị cũng như các ngành khoa học xã hội khác. Để nghiên cứu thực trạng tình hình gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa bàn quận Lê Chân, chúng tôi sẽ tiến hành thu thập số liệu, tài liệu từ các nguồn thứ cấp như: sách, báo chí, cục Hải quan, bộ tài chính, tổng cục thuế, cục thuế thành phố Hải Phòng, chi cục thuế quận Lê Chân... Các tài liệu chúng tôi tiến hành sưu tầm, thu thập đều được tìm kiếm trên mạng internet, trong sách, báo, tạp chí, tài liệu là báo cáo của Cục hải quan thành phố, cục thuế thành phố, chi cục thuế quận Lê Chân và các chi cục

thuế quận Kiến An, Hải An, Ngô Quyền, Hồng Bàng. Sau đó sẽ so sánh, phân tích và đưa ra những nhận định dựa vào cơ sở lý thuyết của việc chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp để thấy được thực trạng gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp tại địa bàn quận Lê Chân.

- *Phương pháp chuyên gia, tư duy trừu tượng*: Theo tôi, phương pháp chuyên gia rất cần thiết cho người nghiên cứu không chỉ trong quá trình nghiên cứu mà còn cả trong quá trình nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu, hoặc thậm chí cả trong quá trình đề xuất giả thuyết nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, củng cố các luận cứ. Vì vậy, đây là phương pháp sử dụng trí tuệ tư duy trừu tượng, khai thác ý kiến đánh giá của các chuyên viên tài chính thuế vụ, các thầy cô và các doanh nghiệp để xem xét, nhận định về công tác gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay.

- *Phương pháp quan sát, phân tích, so sánh, tổng hợp*: Thông tin thu thập được chúng tôi sẽ tiến hành phân tích, đánh giá so sánh theo trình tự thời gian và so sánh đánh giá về thực trạng gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp giữa lý luận và thực tiễn. Từ đó chúng tôi tổng hợp, liên kết, sắp xếp các tài liệu, thông tin, số liệu đã thu thập được để tạo ra một hệ thống lý thuyết và thực tiễn đầy đủ, sâu sắc về tình hình gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân.

## **5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, nội dung chính của luận văn được trình bày trong 3 chương cơ bản:

*Chương 1: Lý luận chung về thuế TNDN và công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp.*

*Chương 2: Thực trạng gian lận thuế TNDN của các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân.*

*Chương 3: Biện pháp chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh*

*nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân.*

## **6. Tổng quan nghiên cứu**

- “Thuế TNDN là một sắc Thuế trong hệ thống Thuế của Việt Nam. Loại Thuế này đã được hầu hết các quốc gia trên thế giới áp dụng vì nó mang lại hiệu quả cao và bao quát được nguồn thu”

“Thuế TNDN là một loại thuế đánh vào thu nhập phát sinh của cơ sở sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định thường là một kỳ kinh doanh”

Qua tham khảo và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến công tác quản lý hành chính công, công tác quản lý và xây dựng các sắc thuế trong đó có thuế Thu nhập doanh nghiệp, công tác quản lý và chống gia lận thuế Thu nhập doanh nghiệp, tác giả thấy rằng đã có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về chính sách thuế và chính sách thuế TNDN dưới dạng luận án, luận văn, các công trình nghiên cứu khoa học hoặc các bài báo khoa học đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành. Các công trình nghiên cứu được thực hiện ở những giai đoạn và môi trường kinh tế, văn hóa, chính trị và thể chế cụ thể mà các công trình nghiên cứu thực hiện. Từ nhận thức không thể có sự đồng nhất về môi trường và hoàn cảnh lịch sử ở những quốc gia khác nhau, ở những thời kỳ lịch sử khác nhau. Bên cạnh đó tồn tại sự khác nhau về nền tảng chính trị, văn hóa, kinh tế, trình độ giáo dục nên tác giả cho rằng nghiên cứu về thuế TNDN ở một quốc gia cụ thể, trong một giai đoạn cụ thể là cần thiết để phục vụ hoàn thiện chính sách thuế TNDN cũng như việc quản lý thuế TNDN phù hợp với đặc trưng của từng quốc gia theo thời kỳ. Những vấn đề lý luận về thuế TNDN cần được phát triển bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn. Do vậy, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các giải pháp cụ thể và có kết quả thiết thực hơn.

Có một số công trình khoa học của các nhà khoa học, nhà quản lý, nghiên cứu sinh và học viên cao học nghiên cứu có liên quan với vấn đề thực



trạng gian lận và chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp này. Bên cạnh những kết quả đạt được, các công trình khoa học đó cũng vẫn có những nội dung liên quan liên quan đến quản lý thuế TNDN hay chính sách thuế TNDN nhưng chưa được đề cập, đặc biệt chưa có công trình nào phân tích về thực trạng gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp và công tác chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân.

## **7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn**

### *\* Ý nghĩa khoa học:*

Luận văn đã hệ thống hóa và làm rõ hơn những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách quản lý thuế và quy trình chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp. Đây là những vấn đề quan trọng làm cơ sở cho việc đánh giá và hoàn thiện chính sách thuế và quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Luận văn đã vận dụng cơ sở lý thuyết và đánh giá thực trạng gian lận thuế Thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân.

Luận văn đã đề xuất các giải pháp quan trọng để nhằm góp phần chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp.

### *\* Ý nghĩa thực tiễn:*

Luận văn có giá trị tham khảo tốt trong giảng dạy và nghiên cứu về chính sách thuế TNDN, quản lý thuế TNDN. Các đề xuất trong luận văn có giá trị tham khảo đối với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong nghiên cứu xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình cải cách thuế, chống gian lận thuế Thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tới.

Các đề xuất có giá trị thực tiễn cho công tác chống gian lận thuế Thu nhập doanh nghiệp, góp phần chống thất thu Thuế, tăng ngân sách và tạo ra sự công bằng trong môi trường hoạt động của các doanh nghiệp.

# CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ CÔNG TÁC CHỐNG GIAN LẬN THUẾ TNDN ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP

## 1.1. Lý luận chung về thuế TNDN

### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế TNDN

#### 1.1.1.1. Khái niệm về thuế TNDN

"Thuế TNDN xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển của thuế. Hiện nay ở các nước phát triển, thuế TNDN giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN và thực hiện phân phối thu nhập"

Ở Việt Nam, trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được hiểu là sắc thuế tính trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế. Đây là sắc thuế chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu Ngân sách Nhà nước, do đó công tác quản lý thuế TNDN luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm.

#### 1.1.1.2. Đặc điểm của thuế TNDN

Thuế TNDN có các đặc điểm cơ bản sau:

*Thứ nhất*, thuế TNDN là thuế trực thu, đối tượng nộp thuế TNDN là các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là người chịu thuế.

*Thứ hai*, thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Thuế GTGT, thuế TTĐB là một số tiền cộng thêm vào giá bán của hàng hóa, dịch vụ, người bán hàng hoặc người cung cấp dịch vụ là người tập hợp thuế và nộp vào kho bạc, bởi vậy, nó chủ yếu phụ thuộc vào mức độ tiêu dùng hàng hóa. Thuế TNDN được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, nên chỉ khi các doanh nghiệp kinh doanh có lợi nhuận mới phải nộp thuế TNDN.

*Thứ ba*, thuế TNDN là thuế khấu trừ trước thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập mà các cá nhân nhận được từ hoạt động đầu tư như: Lợi tức cổ phần, lãi

tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận góp vốn liên doanh, liên kết... là phần thu nhập được chia sau khi nộp thuế TNDN. Do vậy, thuế TNDN cũng có thể coi là một biện pháp quản lý thuế thu nhập cá nhân.

*Thứ tư*, thuế TNDN là thuế trực thu song không gây phản ứng mạnh mẽ bằng thuế thu nhập cá nhân.

### **1.1.2. Vai trò của thuế TNDN**

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, do đó thuế TNDN có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau:

*Thứ nhất*, thuế TNDN đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong những loại thuế trực thu. Thuế TNDN và thuế TNCN chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu Ngân sách Nhà nước. Ở các nước phát triển hai loại thuế chủ yếu này đã làm cho thuế trực thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu Ngân sách Nhà nước. Thuế TNDN là một sắc thuế trong hệ thống thuế Việt Nam, đây là một khoản thu quan trọng góp phần huy động nguồn vốn tài chính vào NSNN. Với sự phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là của khối doanh nghiệp, cho phép khả năng huy động nguồn tài chính vào NSNN thông qua thuế TNDN ngày càng cao. Số thu thuế TNDN hàng năm chiếm trên 20% tổng thu nội địa...

*Thứ hai*, thuế TNDN là công cụ góp phần quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, định hướng đầu tư, giúp Nhà Nước thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội.

Ngoài việc huy động nguồn thu cho NSNN, thuế TNDN còn có vai trò quan trọng trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thuế TNDN điều tiết trực tiếp vào thu nhập của doanh nghiệp, vì vậy, căn cứ vào tình hình kinh tế cụ thể, Nhà nước có thể sử dụng công cụ này để chủ động điều hành về kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển quá nóng thì việc tăng thuế TNDN sẽ có tác dụng kiềm chế sự tăng trưởng này. Ngược lại, khi nền kinh tế suy thoái, sản xuất đình trệ thì việc hạ thấp thuế TNDN có tác dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, giúp nền kinh tế hồi phục và phát triển. Tuy nhiên,

trên thực tế, thuế TNDN ở các nước thường có xu hướng giảm để phù hợp với thuế suất trung bình của khu vực và trên thế giới.

Ngoài ra, thông qua các kênh ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế đã khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các địa bàn khó khăn hay các lĩnh vực trọng điểm, mũi nhọn. Khi đó, Nhà nước thực hiện được việc định hướng đầu tư và thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của mình, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, tạo nên sự phát triển bền vững cho đất nước.

*Thứ ba*, thuế TNDN thể hiện vai trò đặc trưng của thuế là đảm bảo công bằng xã hội.

Thuế TNDN là thuế trực thu, cùng với thuế thu nhập cá nhân có khả năng đảm bảo công bằng theo chiều dọc. Theo đó người nộp thuế có thu nhập chịu thuế cao thì phải nộp thuế nhiều, người nộp thuế có thu nhập chịu thuế thấp thì nộp thuế ít; người nộp thuế gặp khó khăn thì được miễn, giảm thuế, được chuyển lỗ năm sang các năm sau.

Luật thuế TNDN được ban hành thống nhất trên cả nước, tạo ra cơ sở pháp lý mà mọi doanh nghiệp phải tuân theo nên đảm bảo được sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp, góp phần thực hiện công bằng xã hội.

*Thứ tư*, thuế TNDN là công cụ thúc đẩy việc nâng cao trình độ hạch toán kế toán đối với người nộp thuế.

Luật thuế TNDN còn thể hiện vai trò trong việc thúc đẩy doanh nghiệp tăng cường công tác hạch toán kinh doanh. Bằng việc quy định các khoản chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ đã đòi hỏi doanh nghiệp quan tâm hơn đến việc tiết kiệm chi phí, tăng cường sản xuất kinh doanh, củng cố công tác kế toán, chấp hành quy định về hóa đơn chứng từ.

Theo quy định của luật thuế, người nộp thuế có nghĩa vụ tự tính, tự khai, tự nộp thuế, đồng thời phải tự chịu trách nhiệm về các số liệu kê khai, tính toán đó. Sự trung thực, chính xác của số liệu phụ thuộc vào chất lượng của công tác hạch toán ở đơn vị. Để đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế TNDN, cơ

quan thuế phải chú trọng công tác kiểm tra người nộp thuế qua đó phát hiện những sai sót hoặc biểu hiện tiêu cực trong quá trình hạch toán kế toán của đơn vị và tùy vào từng trường hợp sai phạm mà cán bộ thuế sẽ áp dụng các biện pháp xử lý cho phù hợp. Vì vậy, ý thức của người nộp thuế sẽ dần được nâng cao và công tác hạch toán cũng từng bước được hoàn thiện hơn.

*Thứ năm*, thuế TNDN là công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động của người nộp thuế.

Nhìn vào số thuế TNDN mà đơn vị phải nộp, so sánh với số thuế TNDN mà các doanh nghiệp khác cùng quy mô, lĩnh vực, ngành nghề hoạt động có thể đánh giá khái quát hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Do doanh nghiệp làm ăn có lãi thì mới phát sinh thuế phải nộp và số thuế TNDN càng cao thì điều đó có thể chứng tỏ hoạt động của doanh nghiệp càng hiệu quả. Nếu số thuế TNDN phải nộp tăng lên theo các năm thì chứng tỏ doanh nghiệp có mức tăng trưởng khá và ngược lại. Như vậy, thuế TNDN là một công cụ đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách khá chính xác.

### ***1.1.3. Nội dung cơ bản của Chính sách thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam***

Thuế TNDN hiện hành của Việt Nam được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) *Luật số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008 của Quốc hội về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.*

b) *Luật thuế số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.*

c) *Luật thuế TNDN 71/2014/QH13 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13*

d) *Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*

e) Nghị định 91/2014/NĐ- CP ban hành ngày 01/10/2014

i) Nghị định 12/2015/NĐ- CP ban hành ngày 12/02/2015

Theo đó, nội dung chủ yếu của Luật Thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam như sau:

#### 1.1.3.1. Người nộp thuế

Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

(1) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Luật Dầu khí, Luật Thương mại và các văn bản quy phạm pháp luật khác dưới các hình thức: Công ty cổ phần; Công ty trách nhiệm hữu hạn; Công ty hợp danh; Doanh nghiệp tư nhân; Văn phòng Luật sư, Văn phòng công chứng tư; Các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh; Các bên trong hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí, Xí nghiệp liên doanh dầu khí, Công ty điều hành chung.

(2) Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế trong tất cả các lĩnh vực.

(3) Tổ chức được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

(4) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam.

(5) Tổ chức khác ngoài các tổ chức nêu tại các điểm (1), (2), (3), và (4) Khoản 1 Phần này có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa hoặc dịch vụ, có thu nhập chịu thuế.

(6) Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

#### 1.1.3.2. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế và thuế

suất thuế TNDN. Thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = (\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KHCV (nếu có)}) \times \text{suất thuế TNDN}$$

Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng. Kỳ tính thuế đầu tiên đối với doanh nghiệp mới thành lập và kỳ tính thuế cuối cùng đối với doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản được xác định phù hợp với kỳ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

- *Thu nhập tính thuế*

Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{(Thu nhập được miễn thuế)} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}$$

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

a) Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế là doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng là doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ mà khách hàng trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế việc xác định số thuế được ưu đãi phải căn cứ vào tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của số năm thu tiền trước chia (:) cho số năm thu tiền trước.

*Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:*

- Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

Trường hợp thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế được tính theo thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

- Đối với hoạt động vận tải hàng không là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua.

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

Nguyên tắc xác định các khoản chi được trừ:

Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế phải đảm bảo nguyên tắc sau:

- Khấu hao TSCĐ

- Chi phí vật tư

- Chi phí tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca, các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công



- Chi phí nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, bảo vệ môi trường, giáo dục, đào tạo, y tế trong nội bộ doanh nghiệp
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí cho lao động nữ, chi bảo hộ lao động, bảo vệ cơ sở, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn
- Chi trả tiền lãi vay vốn sản xuất kinh doanh
- Trích các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng công nợ khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán.
- Trợ cấp thôi việc cho người lao động theo chế độ.
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết, chi phí giao dịch, hội nghị và chi phí khác
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng).
- Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:
  - Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện, trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường;
  - Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;
  - Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;
  - Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ

do pháp luật Việt Nam quy định;

- Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;
- Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay;
- Khoản trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật;
- Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật;
- Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; thù lao trả cho sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán chi khác để chi trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- Phần chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu;
- Phần thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ, thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học, khắc phục hậu quả thiên tai, làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
- Phần trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động vượt mức quy định theo quy định của pháp luật;
- Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán và một số hoạt động kinh doanh đặc thù khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các khoản thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác gồm 23 khoản thu nhập như: thu nhập từ chuyên nhượng vốn, chuyên nhượng chứng khoán, thu nhập từ chuyên nhượng dự án (không gắn liền với chuyên quyền sử dụng đất, chuyên quyền thuê đất); thu nhập từ chuyên quyền thực hiện dự án, chuyên nhượng quyền thăm dò, thu nhập từ khoản chênh lệch do mua bán chứng khoán, lãi từ hoạt động cho vay vốn, hay từ hoạt động liên doanh liên kết, góp vốn đất đai và bằng tiền hàng hóa vật tư mang lại...

Thu nhập được miễn thuế:

Thu nhập được miễn bao gồm: thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật hợp tác xã; thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp; thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm và thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ của DN có số lao động là người khuyết tật, người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV bình quân trong năm chiếm từ 30% trở lên trong tổng số lao động bình quân trong năm của doanh nghiệp; Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam;...

Các khoản lỗ được kết chuyển

Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về thu nhập tính thuế chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển sang.

Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế TNDN để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nếu có Quỹ phát triển khoa học và công nghệ chưa sử

dụng hết khi chia, tách thì doanh nghiệp mới thành lập từ việc chia, tách được kế thừa và chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp trước khi chia, tách. Việc phân chia Quỹ phát triển khoa học và công nghệ do doanh nghiệp quyết định và đăng ký với cơ quan thuế.

c) Thuế suất thuế TNDN

- Năm 2015 có 2 mức thuế suất thuế TNDN cơ bản:

+ Thuế suất 20%: đối với các DN có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ.

+ Thuế suất 22%: đối với các DN có tổng doanh thu năm trước liền kề lớn hơn 20 tỷ.

- Năm 2016 mức thuế suất phổ thông thuế TNDN là 20%.

+ Theo khoản 1 điều 11 của thông tư 78/2014/TT-BTC thì kể từ ngày 01/01/2016, trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20% không phân biệt mức doanh thu của DN là bao nhiêu.

+ Các mức thuế suất ưu đãi là 10%; 17%

*1.1.3.3. Đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNDN*

*Đăng ký thuế*

Cơ sở kinh doanh phải đăng ký thuế TNDN với cơ quan quản lý thuế (cục thuế, chi cục thuế) khi tiến hành đăng ký thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

*Kê khai thuế*

Theo thông tư 78/2014/TT-BTC từ năm 2016 thuế TNDN sẽ không phải làm tờ khai tạm tính thuế TNDN theo quý nữa mà chỉ phải tạm tính ra số tiền thuế phải nộp và cơ sở kinh doanh đi nộp theo số thuế tạm tính (nếu có) rồi đến cuối năm làm tờ khai quyết toán thuế TNDN.

*Nộp thuế*

Căn cứ kết quả sản xuất, kinh doanh, người nộp thuế thực hiện tạm nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp của quý chậm nhất vào ngày thứ ba mươi của

quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế; doanh nghiệp không phải nộp tờ khai thuế TNDN tạm tính hàng quý.

#### *Quyết toán thuế*

Kết thúc kỳ tính thuế, cơ sở kinh doanh phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế trên cơ sở phải tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của tờ khai quyết toán thuế TNDN. Cơ sở kinh doanh phải nộp tờ khai quyết toán thuế cho cơ quan trực tiếp quản lý trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.

Nếu số tạm nộp trong năm lớn hơn số thuế phải nộp theo báo cáo quyết toán thuế thì cơ sở kinh doanh được trừ số thuế nộp thừa vào số thuế phải nộp kỳ tiếp theo. Trường hợp tổng số thuế tạm nộp trong kỳ tính thuế thấp hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán từ 20% trở lên thì doanh nghiệp phải nộp tiền chậm nộp đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán tính từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế quý bốn của doanh nghiệp đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.

Đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp theo quý thấp hơn số thuế phải nộp theo quyết toán dưới 20% mà doanh nghiệp chậm nộp so với thời hạn quy định (thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm) thì tính tiền chậm nộp kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày thực nộp số thuế còn thiếu so với số quyết toán.

#### *1.1.3.4. Ưu đãi thuế TNDN*

□ Ưu đãi về thuế suất:

- *Thuế suất ưu đãi 10%:*

+ Trong 15 năm: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại: địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao, Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực bảo vệ môi

trường, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao...

+ Trong suốt thời gian hoạt động: Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp, Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn; Nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn...

- *Thuế suất ưu đãi 15%*: Thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn

- *Thuế suất ưu đãi 17%*:

+ Trong 10 năm: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp...

+ Trong suốt thời gian hoạt động: Đối với Quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng hợp tác xã và Tổ chức tài chính vi mô thành lập mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

□ Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế:

Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

DN mới thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; DN mới thành lập từ dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực: công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm; DN mới thành lập hoạt động trong

lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với DN thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

## **1.2. Doanh nghiệp và vai trò của doanh nghiệp đối với kinh tế-xã hội**

### **1.2.1. Khái niệm và đặc điểm chung của các doanh nghiệp**

#### **a) Khái niệm**

Theo luật doanh nghiệp Nhà nước và luật khuyến khích đầu tư trong nước được Quốc hội thông qua có quy định:

Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Kinh doanh là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là toàn bộ các đơn vị sản xuất kinh doanh của tư nhân đứng ra thành lập, đầu tư kinh doanh và tổ chức quản lý.

Kinh tế ngoài quốc doanh là loại hình kinh tế khá phong phú, bao gồm mọi loại hình kinh doanh cá thể, tổ hợp, hợp tác xã, công ty TNHH, công ty Cổ phần... hoạt động trên tất cả các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ

#### **b) Thành phần của các khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:**

Theo hình thức sở hữu tài sản, Việt Nam chia thành hai loại hình doanh nghiệp sau:

- Doanh nghiệp Nhà nước
- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh bao gồm:

- Doanh nghiệp tư nhân

- Các công ty:
- + Công ty cổ phần
- + Công ty trách nhiệm hữu hạn:
- + Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- + Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên
- + Công ty hợp doanh
- + Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:
- + Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài
- + Doanh nghiệp liên doanh
- + Doanh nghiệp tập thể
- + Doanh nghiệp đoàn thể

### ***c) Đặc điểm của kinh tế ngoài quốc doanh trong nền kinh tế thị***

#### ***trường***

##### ***- Những đặc điểm về khả năng tài chính***

Trong khu vực kinh tế tư nhân, ngoại trừ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nguồn tài chính ban đầu chủ yếu dựa vào tích lũy cá nhân, gia đình, bạn bè. Trong quá trình hoạt động, nhu cầu vốn được huy động phần lớn từ các nguồn: lợi nhuận gửi lại, vay của người thân, vay của khu vực thị trường tín dụng không chính thức, chỉ một phần nhỏ được tài trợ bởi tín dụng ngân hàng. Việc tiếp cận nguồn tín dụng ngân hàng là rất khó khăn đối với khu vực kinh tế, đặc biệt là nguồn tín dụng trung dài hạn.

##### ***- Đặc điểm về trình độ, công nghệ sản xuất .***

Do hạn chế về vốn nên năng lực sản xuất thấp kéo theo trình độ kỹ thuật công nghệ của kinh tế ngoài quốc doanh còn lạc hậu, chủ yếu vẫn là kỹ thuật công nghệ sử dụng nhiều lao động. Công nghệ lạc hậu là một trong những nguyên nhân chính làm cho các sản phẩm kém sức cạnh tranh và thị phần hàng hoá bị giới hạn trong khuôn khổ chật hẹp.

##### ***- Đặc điểm về trình độ quản lý, kinh doanh, kỹ năng người lao động.***

Thành phần xuất thân của các chủ doanh nghiệp thuộc kinh tế ngoài



quốc doanh có từ nhiều nguồn khác nhau: nông dân, thợ thủ công, tầng lớp trí thức. Hơn nữa, kinh tế nước ta mới chuyển sang kinh tế thị trường nên những kiến thức về kinh tế, những hiểu biết về quy luật kinh doanh không phải ai cũng có thể nắm bắt được. Bên cạnh đó, đội ngũ người lao động phần lớn trình độ học vấn còn nhiều hạn chế nên kỹ năng cũng như kỷ luật lao động còn thấp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu cho công việc.

*- Đặc điểm về môi trường kinh doanh.*

Các chính sách chế độ của Nhà nước còn thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ, chưa có quy định rõ ràng để các doanh nghiệp có thể yên tâm hơn khi đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh và giảm bớt rủi ro trong hoạt động.

Thủ tục hành chính còn nhiều phiền hà, nhũng nhũn. Tình trạng quan liêu, cửa quyền trong quản lý kinh tế nói chung và đối với kinh tế ngoài quốc doanh nói riêng vẫn đang là nhân tố cản trở không nhỏ đối với sản xuất kinh doanh. Mặt khác, môi trường sản xuất cũng như tiêu thụ sản phẩm cũng gặp nhiều khó khăn do sức cạnh tranh còn kém.

Tóm lại, các đặc điểm nói chung và môi trường kinh doanh của thành phần kinh tế này nói riêng còn nhiều bất cập, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của thành phần kinh tế này. Do đó, cần có sự quan tâm đúng mực của các ngành các cấp và đặc biệt là của ngành ngân hàng tạo để điều kiện cho họ trong việc tiếp cận vốn ngân hàng phục vụ nhu cầu chính đáng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### ***1.2.2. Vai trò doanh nghiệp đối với kinh tế - xã hội***

Trong xu thế mở cửa hội nhập khu vực và quốc tế, nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần được thừa nhận và tạo điều kiện để phát triển. Kinh tế xã hội đã và đang chứng tỏ được vai trò quan trọng của mình trong nền kinh tế nước ta hiện nay. Điều này được thể hiện ở:

Sự phát triển của kinh tế xã hội đã tạo điều kiện khai thác tối đa nguồn lực của đất nước.

Việc khuyến khích thành phần kinh tế xã hội phát triển sẽ huy động

được một lượng vốn lớn đang nằm trong dân, tạo điều kiện cho năng lực con người được giải phóng và phát huy mạnh mẽ. Mọi cá nhân, tổ chức đều cố gắng phát huy tối đa khả năng của mình, tìm kiếm, khai thác các nguồn lực vì lợi ích của chính bản thân. Đó là động lực kích thích sự phát triển của lực lượng sản xuất, thúc đẩy xã hội phát triển.

□ Kinh tế xã hội phát triển tạo điều kiện thu hút lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp trong xã hội.

Việt Nam là một nước có dân số trẻ, lực lượng lao động đông đảo, kinh tế Nhà nước không thể tạo ra đầy đủ công ăn việc làm cho tất cả. Bên cạnh đó, do tính đa dạng trong loại hình của kinh tế của doanh nghiệp, nó có mặt trong tất cả mọi ngành nghề lĩnh vực, có mặt ở cả nông thôn và thành thị, có thể dễ dàng thành lập bởi một cá nhân, một gia đình, hay một số cổ đông liên kết lại dưới dạng công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần cùng với việc sử dụng kỹ thuật sản xuất cần tương đối nhiều lao động. Do vậy, kinh tế của DN là nơi tạo việc làm nhanh nhất, dễ dàng hơn so với kinh tế Nhà nước.

□ Kinh tế của doanh nghiệp tạo ra sự cạnh tranh, góp phần tạo ra sự phát triển sôi động của nền kinh tế.

Từ những thực tế cho ta thấy sự phát triển kinh tế của DN đã làm tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Bởi vì, kinh tế doanh nghiệp triển trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề làm cho thị trường hàng hoá trở nên phong phú, đa dạng, sôi động, tạo ra sự thu hút. Trước sự tồn tại và phát triển của kinh tế xã hội, các doanh nghiệp Nhà nước buộc phải phân tích, hoạch định chiến lược kinh doanh cho phù hợp hơn nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của mình. Thành phần kinh tế doanh nghiệp đóng vai trò hỗ trợ cho kinh tế Nhà nước phát triển, giải quyết những yêu cầu của nền kinh tế đặt ra mà kinh tế quốc doanh không đảm nhận hết.

Kinh tế ngoài quốc doanh vừa là đối thủ cạnh tranh quyết liệt vừa là đối tác làm ăn trong quá trình cung cấp sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm, tiêu thụ

sản phẩm, cung cấp đầu vào cho kinh tế Nhà nước. Trong quá trình đổi mới nền kinh tế, kinh tế ngoài quốc doanh ngày càng phát triển nhanh chóng, đóng góp ngày càng lớn vào tỷ trọng GDP của quốc gia.

□ Sự phát triển kinh tế ngoài quốc doanh góp phần vào quá trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước

Kinh tế ngoài quốc doanh mở rộng là nơi tập trung vốn, nhân lực vào các ngành kinh tế đòi hỏi nhiều hàm lượng tri thức như công nghệ thông tin, điện tử... cũng như có thể lấp đầy những khoảng trống trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh không cần nhiều vốn, có mức lợi nhuận không cao mà các nhà đầu tư lớn ít quan tâm tới.

### **1.3 Công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các DN**

#### **1.3.1 Khái niệm gian lận thuế**

Gian lận nói chung là hành vi mang tính chủ ý, thường gắn liền với tính vụ lợi cho cá nhân hoặc nhóm người. Tuy nhiên nếu xem xét gian lận theo cách hiểu và lĩnh vực hoạt động khác nhau thì gian lận được định nghĩa khác nhau.

Còn xét theo lĩnh vực thuế thì có thể định nghĩa: *Gian lận thuế là hành vi của cá nhân, tổ chức cố ý làm sai lệch nghĩa vụ thuế đáng lẽ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước (đó là: làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm).*

Như vậy, theo cách hiểu về gian lận thuế nói chung, ta có thể rút ra khái niệm về gian lận Thuế Thu nhập doanh nghiệp, đó là: *Gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp là hành vi của cá nhân, tổ chức cố ý làm sai lệch nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đáng lẽ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước (đó là: làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn hoặc được miễn, giảm).*

#### **1.3.2 Các hình thức gian lận thuế TNDN**

Mục đích chủ yếu của hành vi gian lận thuế nói chung là làm giảm số

thuế phải nộp cho NSNN, do đó xét về mặt lý thuyết thì hành vi gian lận thuế TNDN sẽ thường tác động (làm tăng hoặc giảm) căn cứ tính thuế để giảm số thuế phải nộp, và các hình thức đó là:

*a. Gian lận về doanh thu*

Doanh thu tính thuế TNDN là căn cứ tính thuế TNDN làm tăng số thuế TNDN phải nộp của doanh nghiệp. Do đó, nguyên tắc chủ đạo của hành vi gian lận thuế về doanh thu là doanh nghiệp tìm mọi cách để làm giảm doanh thu tính thuế TNDN. Các hành vi gian lận về doanh thu, đó là: doanh nghiệp khai giảm doanh thu; Bỏ ngoài sổ sách kế toán một số khoản doanh thu và thu nhập; Ghi giá bán trên hóa đơn, sổ sách thấp hơn giá bán thực tế; Hạch toán sai chế độ kế toán để che giấu doanh thu; Hạch toán doanh thu sai kỳ tính thuế để chiếm dụng tiền thuế...

*b. Gian lận về chi phí*

Cùng với doanh thu thì chi phí được trừ cũng là một trong những căn cứ quan trọng để xác định thu nhập tính thuế (yếu tố làm giảm số thuế TNDN). Việc hạch toán chi phí và xác định chính xác chi phí được trừ góp phần đảm bảo doanh nghiệp tính đúng số thuế TNDN phải nộp. Tuy nhiên, để làm giảm số thuế TNDN phải nộp, doanh nghiệp tìm mọi cách để tăng chi phí lên hay hợp thức hóa các khoản chi phí mà doanh nghiệp không thực tế chi ra, hoặc thực tế có chi ra nhưng không được pháp luật thuế công nhận.

Các hành vi gian lận về chi phí, đó là: Khai tăng chi phí; Hạch toán sai tài khoản kế toán, sai quy định của Luật thuế TNDN để tăng chi phí được trừ; Xác định chi phí sai định mức, phân bổ chi phí sai quy định; kê khai trùng để tăng chi phí tính thuế TNDN; Mua hóa đơn chứng từ của doanh nghiệp mà để kê khai khống chi phí; Sai phạm trong trích lập dự phòng...

*c. Nợ đọng thuế*

Nợ đọng thuế được liệt kê vào nhóm hành vi gian lận thuế, bởi lẽ: việc nợ thuế đã giúp doanh nghiệp giảm bớt được một khoản tiền lãi tương ứng nếu phải vay Ngân hàng, hơn nữa nợ đọng tiền thuế không những làm ảnh

hưởng tới thu NSNN mà còn làm méo mó cơ chế thị trường, tạo môi trường cạnh tranh không bình đẳng giữa các doanh nghiệp tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật thuế với các doanh nghiệp nợ đọng tiền thuế.

Cách thức phổ biến mà các doanh nghiệp sử dụng là kê khai lỗ trong kỳ tính thuế để không phải nộp thuế TNDN. Nếu cán bộ thuế không theo dõi và nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách liên tục thì khó có thể phát hiện ra và yêu cầu doanh nghiệp kê khai lại.

#### *d. Gian lận thông qua chuyển giá*

*Chuyển giá được hiểu là việc thực hiện chính sách giá đối với hàng hóa, dịch vụ và tài sản được chuyển dịch giữa các thành viên trong tập đoàn qua biên giới không theo giá thị trường nhằm tối thiểu hóa số thuế của các công ty đa quốc gia trên toàn cầu.*

Hay bản chất của chuyển giá là thủ thuật phân bổ lợi nhuận của các tập đoàn hoặc của các công ty có quan hệ mẹ - con nhằm giảm bớt nghĩa vụ thuế ở một quốc gia có công ty con hay chính là việc lựa chọn nơi ưu đãi nhất để nộp thuế của một doanh nghiệp mà không làm trái các quy định pháp luật hiện hành.. Sở dĩ có hiện tượng này là do nước ta vẫn đang thực hiện chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo ngành nghề kinh doanh và địa bàn đầu tư. Lợi dụng chính sách ưu đãi này, các DN trong nước thành lập một số công ty con hoạt động trong những lĩnh vực và địa bàn được ưu đãi thuế TNDN và tìm cách chuyển lợi nhuận trước thuế sang công ty con để hưởng ưu đãi thuế hoặc chuyển lợi nhuận trước thuế từ DN có lãi sang DN bị lỗ để điều hòa lãi lỗ, tránh thuế TNDN.

#### *e. Gian lận thông qua lợi dụng các ưu đãi về thuế*

Gian lận thông qua lợi dụng các ưu đãi về thuế là việc các doanh nghiệp lợi dụng các chính sách ưu đãi thuế (ưu đãi về thời gian nộp thuế, ưu đãi về thuế suất, ...) của Nhà nước theo vùng miền đầu tư hay lĩnh vực đầu tư... để giảm số thuế phải nộp.

Nhiều trường hợp doanh nghiệp do không xác định đúng thuế suất ưu

đãi hay số năm miễn giảm thuế nhưng cũng có doanh nghiệp cố tình khai tăng số thuế được miễn giảm nhằm nộp thuế ít đi.

### ***1.3.3 Sự cần thiết phải chống gian lận thuế TNDN đối với các DN***

#### ***1.3.3.1 Khái niệm chống gian lận thuế TNDN***

Từ khái niệm gian lận thuế TNDN, ta có thể đưa ra khái niệm: “*Chống gian lận thuế TNDN là hoạt động của cơ quan thuế và các cơ quan Nhà nước có liên quan nhằm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi gian lận thuế TNDN nhằm đảm bảo kỷ cương pháp luật, đảm bảo nguyên tắc thu thuế “thu đúng, thu đủ và thu kịp thời” vào Ngân sách Nhà nước và đảm bảo công bằng xã hội*”.

Bất kỳ doanh nghiệp nào khi sản xuất kinh doanh đều hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, xét dưới góc độ tuân thủ pháp luật, đặc biệt là pháp luật thuế, tình trạng gian lận thuế của các doanh nghiệp diễn ra tương đối phổ biến với các hành vi ngày càng tinh vi, điều đó đặt ra cho công tác chống gian lận thuế đối với các doanh nghiệp này gặp không ít khó khăn, thách thức.

Bằng hình thức thanh tra, kiểm tra thuế, ngành thuế liên tục phát hiện được các hành vi sai phạm, cố ý gian lận thuế TNDN của các doanh nghiệp bao gồm cả khối các doanh nghiệp, với thủ đoạn ngày càng đa dạng và tinh vi hơn. Các thủ đoạn mà các doanh nghiệp này sử dụng đa phần với mục đích giảm doanh thu, tăng chi phí được trừ và chuyển giá. Mặt khác, bản thân cơ chế chính sách còn nhiều kẽ hở dễ bị lợi dụng, công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả cũng là điều kiện để gian lận thuế tồn tại.

#### ***1.3.3.2 Sự cần thiết phải chống gian lận thuế TNDN đối với các DN***

*a. Chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp góp phần đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước.*

Hầu hết các quốc gia trên thế giới, thuế đóng vai trò là nguồn thu chủ yếu và quan trọng nhất. Tỷ trọng các khoản thu từ thuế thường chiếm trên 80% tổng thu của Ngân sách. Nhà nước thông qua thu thuế để tập trung một

phần nguồn lực của xã hội, tài trợ cho các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên của mình. Việc gian lận thuế nói chung và gian lận thuế TNDN nói riêng gây ra thất thu thuế, do đó việc chống gian lận thuế là yêu cầu tất yếu để đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước.

*b. Chống gian lận thuế TNDN đảm bảo tính hiệu lực của pháp luật thuế*

Gian lận thuế TNDN ảnh hưởng tới tính hiệu lực của pháp luật mà trước hết là pháp luật thuế. Như vậy, ngoài những kẻ thực hiện hành vi gian lận thuế vốn dĩ là kẻ xem thường pháp luật, coi nhẹ kỷ cương Nhà nước thì những người đã chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước sẽ ngày càng mất lòng tin vào chính sách, chế độ pháp luật thuế, từ đó làm giảm hoặc thậm chí làm mất tính hiệu lực của pháp luật. Vì vậy, ngành thuế nói riêng và các ban ngành có liên quan nói chung cần chung tay đẩy lùi và tiến tới ngăn chặn được gian lận thuế để đảm bảo tính hiệu lực của pháp luật.

*c. Chống gian lận thuế TNDN góp phần đảm bảo công bằng xã hội, góp phần tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể của quá trình sản xuất, kinh doanh*

Gian lận thuế TNDN làm mất tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, góp phần tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh giữa các chủ thể của quá trình sản xuất, kinh doanh. Nếu tình trạng gian lận thuế TNDN ngày càng gia tăng mà không có sự tích cực chống gian lận thuế TNDN sẽ góp phần tạo ra môi trường kinh doanh không bình đẳng, không lành mạnh, và hậu quả tiếp theo của nó là kìm hãm sự phát triển của sản xuất, kinh doanh.

*d. Chống gian lận thuế TNDN góp phần đảm bảo mục tiêu điều chỉnh, định hướng cơ cấu kinh tế*

Bằng chính sách thuế, Nhà nước có thể điều chỉnh cơ cấu nền kinh tế theo vùng, theo lãnh thổ, theo lĩnh vực đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Theo đó, với mục tiêu phát triển một vùng

kinh tế lạc hậu, thông qua thi hành chính sách ưu đãi về thuế suất, hay miễn giảm thuế trong thời gian dài, Nhà nước sẽ kêu gọi được các nhà đầu tư vào vùng kinh tế đó. Tuy nhiên, nếu các nhà đầu tư thấy sự hưởng ưu đãi thuế này không giúp họ có nhiều thuận lợi hơn bằng việc trốn thuế, gian lận thuế, tại nơi mà họ đang đầu tư, thì mục tiêu của Nhà nước sẽ khó mà đạt được.

Do đó, việc chống gian lận sẽ góp phần đảm bảo mục tiêu điều chỉnh, định hướng cơ cấu kinh tế của Nhà nước.

#### **1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các DN**

Công tác chống thất thu thuế TNDN trong quá trình thực hiện thường bị ảnh hưởng bởi một số nhân tố nhất định.

##### *a) Nhóm nhân tố khách quan:*

- Thứ nhất, tình hình kinh tế xã hội có ảnh hưởng nhất định đến công tác chống thất thu thuế TNDN.

- Thứ hai, đặc điểm của nền kinh tế cũng là một yếu tố tác động đến công tác chống thất thu thuế TNDN.

- Thứ ba, chính sách, pháp luật là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến công tác chống thất thu thuế TNDN.

##### *b) Nhóm nhân tố chủ quan*

Nhóm nhân tố này chủ yếu xuất phát từ phía cơ quan quản lý thuế, cụ thể như sau:

- Thứ nhất, quy trình quản lý nợ của cơ quan thuế. Đó là thực hiện theo các bước đã quy định mà cán bộ thuế phải làm trong công tác quản lý nợ thuế, Nó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả trong công tác quản lý nợ.

- Thứ hai, các công cụ hỗ trợ quản lý thuế như hệ thống phần mềm hỗ trợ về kê khai kế toán thuế, quản lý nợ thuế, quản lý hóa đơn cũng là yếu tố quan trọng tác động đến chống thất thu thuế TNDN.

- Thứ ba, sự phối hợp của các cơ quan hữu quan với cơ quan thuế trong công tác chống thất thu thuế TNDN cũng rất quan trọng.



- Thứ tư, trình độ nghiệp vụ, đạo đức của cán bộ làm công tác quản lý thuế. Trong điều kiện các doanh nghiệp ngày càng phát triển về quy mô lẫn ngành nghề kinh doanh, đòi hỏi cán bộ thuế phải nắm chắc nghiệp vụ để kiểm soát tốt doanh nghiệp, phát hiện kịp thời những sai phạm của doanh nghiệp nhằm ngăn chặn kịp thời tránh thất thoát NSNN.

- Thứ năm, công tác tuyên truyền hỗ trợ doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp không ngừng tăng lên, số cán bộ thuế lại tăng không tương xứng, do đó công tác tuyên truyền, hỗ trợ tốt làm tăng ý thức chấp hành của người nộp thuế, làm giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, hạn chế thất thu cho NSNN.

- Thứ sáu, quy trình thanh tra, kiểm tra. Đó là các quy định mà khi thanh tra, kiểm tra các cán bộ thuế phải làm theo. Các quy định đó giúp công tác thanh tra kiểm tra được hiệu quả.

- Thứ bảy, nhận thức của chủ doanh nghiệp và trình độ của kế toán doanh nghiệp. Doanh nghiệp là đối tượng trực tiếp nộp thuế, trực tiếp ảnh hưởng đến tình hình thu NSNN, khi chủ doanh nghiệp nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế thì sẽ không tìm cách trốn thuế và ngược lại thì doanh nghiệp sẽ tìm mọi cách để trốn thuế nhằm tăng nguồn thu của mình.

- Thứ tám, ứng dụng công nghệ thông tin. Việc áp dụng công nghệ thông tin giúp người nộp thuế tránh được những sai sót trong quá trình khai thuế của mình. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế giúp cơ quan thuế có dữ liệu về thuế của người nộp thuế, giúp cơ quan thuế dễ dàng đối chiếu dữ liệu của người nộp thuế nhằm kiểm tra, xác minh những sai phạm của người nộp thuế.

## **1.5 Kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại một số**

### **Chi cục Thuế và bài học cho Chi cục Thuế quận Lê Chân**

#### ***1.5.1 Kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại một số***

## ***Chi cục thuế***

### ***a) Kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại Chi cục Thuế quận Hải An***

Những năm qua, Chi cục Thuế quận Hải An đã tích cực triển khai đồng bộ các biện pháp thu ngân sách nhà nước, do đó số thu thuế hằng năm, đặc biệt là số thu thuế TNDN đều tăng cao so với dự toán.

Nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, lạm phát gia tăng đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, ảnh hưởng lớn đến hoạt động thu, nộp ngân sách của đối tượng nộp thuế. Để hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách, Chi cục Thuế quận Hải An đã phải đối mặt với không ít khó khăn. Ngay từ đầu năm, Chi cục Thuế quận Hải An đã triển khai đồng bộ các biện pháp, có kế hoạch khai thác tốt các nguồn thu, thực hiện nhiều biện pháp thu hợp lý, hiệu quả. Chi cục luôn coi trọng công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật thuế để các DN để hiểu và chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế. Thường xuyên rà soát các DN sản xuất, kinh doanh trên địa bàn để bổ sung theo dõi thu thuế. Công khai các khoản thu đến từng đối tượng nộp thuế, quản lý theo đúng quy trình đăng ký, cấp mã số thuế. Đối với các DN có doanh số lớn, chi cục yêu cầu kiểm soát chặt chẽ sổ sách kế toán, giá bán từng loại sản phẩm hàng hóa, khi bán hàng phải có đầy đủ hoá đơn, chứng từ. Nghiêm cấm các cơ sở kinh doanh ghi giá bán trên hoá đơn thấp hơn giá thực tế. Thành lập tổ thanh tra, kiểm tra, giám sát các DN. Hằng năm, chi cục tổ chức ít nhất 2 cuộc gặp gỡ, đối thoại với người nộp thuế, góp phần tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp về các chính sách thuế. Đẩy mạnh quản lý thu thuế đối với hoạt động cho thuê mặt bằng, tài sản, chuyển nhượng bất động sản, thuế nhà đất. Khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường... Đến ngày 31/12/2017, tổng thu ngân sách trên địa bàn quận Hải An đạt 86,39% dự toán pháp lệnh, 76,65% dự toán phân đấu, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, nhiều khoản thu đạt cao như thuế ngoài quốc doanh hơn

480 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kì. Bên cạnh đó, Chi cục kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp gian lận, trốn thuế. Đẩy mạnh công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, xác minh các thông tin có liên quan đến doanh nghiệp nhằm phục vụ công tác quản lý thuế. Kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế. Tập trung kiểm tra các đơn vị có số thuế âm lớn, kéo dài. Phối hợp khai thác thông tin trên tài khoản giao dịch và phát lệnh thu qua ngân hàng đối với một số đơn vị nợ đọng thuế kéo dài. Tăng cường xác minh hoá đơn đầu vào, đầu ra của các tổ chức, cá nhân nộp thuế. Giám sát việc thực hiện công khai sử dụng hoá đơn và cam kết cập nhật kịp thời, báo cáo kết quả kinh doanh hằng tháng sát với doanh số và quy mô kinh doanh..., nhằm giảm thiểu tối đa tình trạng nợ cũ, phát sinh nợ mới. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất việc tuân thủ các quy định về thuế của cán bộ, công chức thuế tại các đội thuế để quản lý tốt về số lượng DN, doanh số, đối tượng nộp thuế và đối tượng nghỉ, bỏ, không hoạt động, nợ đọng thuế... Nhờ đó, tình trạng gian lận thuế TNDN của các DN trên địa bàn quận đã được hạn chế nhiều. Đặc biệt, qua công tác thanh tra, kiểm tra, tình trạng gian lận, nợ đọng, chây ỳ nộp ngân sách ngày càng giảm mạnh.

*b/ Kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại Chi cục Thuế quận Hồng Bàng*

Theo báo cáo của ngành Thuế, năm 2019, hoạt động chống gian lận thuế TNDN đối với các DN được sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của hầu hết các cấp chính quyền quận Hồng Bàng nên đã được triển khai kịp thời, có hệ thống gắn kết chặt chẽ với việc phối hợp với các Ban, Ngành có liên quan, từ đó đã đạt được nhiều kết quả khả quan góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch thu ngân sách năm 2019: thanh tra, kiểm tra chống thất thu về thuế TNDN tại 1.939 doanh nghiệp, truy thu, tăng thu và phạt là 132 tỷ đồng, giảm lỗ 167,9 tỷ đồng, giảm khấu trừ 7,1 tỷ đồng, chủ yếu ở các lĩnh vực kinh doanh khách sạn, đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản, doanh nghiệp lỗ và doanh nghiệp có hoạt động liên kết, tập trung và đẩy mạnh triển khai các

biện pháp đôn đốc thu nợ theo quy trình quản lý nợ và triển khai quyết liệt các biện pháp thu nợ thuế, kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế: thu qua thanh toán vốn xây dựng cơ bản, thu qua người thứ ba, đình chỉ hóa đơn, phân tích các khoản nợ, nguyên nhân và lịch sử nợ thuế của từng doanh nghiệp để có biện pháp đôn đốc phù hợp, thành lập các tổ thu nợ để đôn đốc các khoản nợ vào NSNN. Qua các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế, Chi cục thuế quận Hồng Bàng đã thu được 80% nợ có khả năng thu của năm 2018 chuyển sang năm 2019, phối hợp với Cơ quan Công an quận Hồng Bàng điều tra xử lý các doanh nghiệp có hành vi kinh doanh mua, bán hoá đơn GTGT và sử dụng hoá đơn GTGT bất hợp pháp để hợp thức hoá đầu vào, các doanh nghiệp bỏ trốn, chây ỳ nộp thuế, trốn thuế, gian lận hoàn thuế.... cung cấp thông tin về kê khai thuế, xác minh việc mua bán hóa đơn và các tài liệu liên quan khác để hỗ trợ điều tra theo yêu cầu của Công An: 25 trường hợp, chuyển sang cho cơ quan Công an 45 vụ với số tiền đề nghị truy thu là 8,2 tỷ đồng, đến nay một số vụ việc vẫn còn đang tiếp tục hỗ trợ điều tra, tổ chức hội nghị Tổng kết 5 năm thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành Công an - Thuế qua đó tập trung đánh giá kết quả phối hợp, phân tích những hành vi vi phạm, rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó đề ra phương hướng tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp có hiệu quả trong thời gian tới, thường xuyên có sự phối hợp trong việc tổ chức đôn đốc các đơn vị chây ỳ nợ thuế lớn, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền chính sách thuế, tuyên dương các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt luật thuế, duy trì chuyên mục: "Tìm hiểu chính sách thuế", tổ chức giao lưu với người nộp thuế, tổ chức tập huấn lồng ghép với đối thoại doanh nghiệp với hàng nghìn lượt doanh nghiệp tham gia.

*c/ Kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại Chi cục Thuế thành phố Kiến An*

Theo Chi cục Thuế thành phố Kiến An, trong giai đoạn thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trong điều kiện kinh tế có những dấu hiệu phục hồi

nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong khi đó, việc triển khai một số chính sách thuế mới cùng với những khó khăn trong sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đã tác động đến tình trạng gian lận thuế TNDN của các DN. Từ thực tế đó, Chi cục Thuế đã bám sát các văn bản của UBND, cơ quan thuế cấp trên thực hiện các biện pháp chống gian lận thuế trên lĩnh vực hoạt động của các DN, đặc biệt trong các lĩnh vực: xây dựng cơ bản vãng lai, xây dựng nhà tư nhân, kinh doanh vận chuyển khách du lịch... Đây được xem là sự chuyển hướng trong công tác quản lý và thu thuế trong năm nay. Từ đây, các đội kiểm tra và quản lý nợ thuế đã căn cứ chỉ tiêu phân bổ dự toán theo địa bàn để quản lý nguồn thu của các DN. Từ khâu tuyên truyền hỗ trợ, kê khai, đăng ký, hoàn thuế đến việc kiểm tra hồ sơ tại trụ sở người nộp thuế đều được thực hiện đồng bộ. Qua triển khai các quy định về quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế, các đơn vị đã tiếp nhận gần 9 nghìn tờ khai nộp đúng hạn, xử phạt vi phạm hành chính 107 trường hợp chậm nộp hồ sơ khai thuế. Để giúp người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước, ngoài việc duy trì đối thoại với người nộp thuế, hướng dẫn qua điện thoại, email, văn bản, Chi cục Thuế thành phố Kiến An đã triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến hoạt động kê khai và quyết toán thuế. Việc đưa công nghệ thông tin vào công tác thu thuế đã giảm áp lực công việc và sự đi lại phiền hà cho người nộp thuế. Theo đó, công tác thu thuế cũng được tiến hành nhanh gọn hơn. Đặc biệt, để chống thất thu thuế TNDN đối với các DN, thời gian qua ngành thuế thành phố đã tăng cường kiểm tra hồ sơ tại trụ sở người nộp thuế. Qua đó, ban hành quyết định xử lý các đơn vị vi phạm, với số tiền truy thu và phạt lên đến trên 2,5 tỷ đồng. Đại diện lãnh đạo Chi cục Thuế thành phố cho biết, hoạt động kiểm tra, xử lý tại trụ sở người nộp thuế không chỉ điều chỉnh kịp thời sai sót trong thủ tục của người nộp thuế và chống thất thu mà còn tăng hiệu lực pháp lý của các quy định về thuế, nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật đối với người nộp thuế. Qua đây, việc tiếp cận cơ sở, nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, phát hiện, tiếp nhận hồ sơ miễn,

giảm thuế cũng được thực hiện khách quan, minh bạch hơn. Riêng trong công tác thu hồi nợ thuế, từ đầu năm đến nay, ngành thuế đã phát hành 2.600 lượt thông báo tiền nợ thuế hoặc chậm nộp tiền thuế đối với doanh nghiệp và hộ cá thể theo định kỳ hàng tháng, hàng quý. Ngoài ra, các biện pháp như phân loại đối tượng, mời làm việc trực tiếp, gọi điện thoại nhắc nhở, phối hợp với ngân hàng thu thập thông tin, phục vụ việc cưỡng chế nợ thuế cũng đã được áp dụng, qua đó đôn đốc người nộp thuế thực hiện giao nộp được gần 14 tỷ đồng tiền nợ thuế. Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp, nguồn thu thuế đến tháng 12 năm 2017, số thu ngân sách do Chi cục Thuế Kiến An thực hiện trên địa bàn thành phố đạt gần 390 tỷ đồng, bằng 86% dự toán pháp lệnh. Một số chỉ tiêu đã đạt vượt dự toán pháp lệnh, xấp xỉ hoàn thành dự toán phần đầu cả năm, điển hình như nguồn thu thuế TNDN trên lĩnh vực công thương nghiệp của các DN ngoài quốc doanh. Hiện nay, Chi cục Thuế thành phố Kiến An đang rà soát lại nguồn thu, qua đó lưu ý các lĩnh vực còn thất thu hoặc có nguồn thu tiềm năng, tham mưu chính quyền thành phố có các giải pháp khai thác nguồn thu, tạo ngân sách cho địa phương và phần đầu hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách được giao năm 2018.

### ***1.5.2 Bài học kinh nghiệm chống gian lận thuế TNDN đối với các DN tại Chi cục Thuế quận Lê Chân***

Cần đưa nội dung công tác quản lý thuế TNDN vào quản lý một cách chặt chẽ hơn.

Trên cơ sở công tác QLT nói chung và theo hướng dẫn tại công văn số 4930/TCT-TCCB ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Tổng cục thuế, Cục thuế thành phố Hải Phòng đã tham mưu UBND Thành phố ban hành công văn số 188/CV-UB ngày 31 tháng 01 năm 2008 về việc phân cấp quản lý đối với các doanh nghiệp.

Theo đó các phòng thuộc Cục thuế thành phố Hải Phòng tập trung quản lý thuế các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa

phương, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có vốn điều lệ từ 3 (ba) tỷ đồng trở lên; Doanh nghiệp NQD có hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc kinh doanh những ngành nghề có nhiều chi nhánh ở các địa phương khác nhau, thường xuyên phát sinh hoàn thuế. Các Chi cục Quận, Huyện được Cục thuế thành phố Hải Phòng phân cấp quản lý thuế đối với doanh nghiệp NQD có vốn điều lệ dưới 3 (ba) tỷ đồng, doanh nghiệp NQD hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ không có nhiều chi nhánh ở các địa phương khác nhau, không có hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, không thường xuyên phát sinh hoàn thuế.

Thông qua việc phân cấp, ngành Thuế Hải Phòng đã thực hiện quản lý tốt được tình hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ cũng như kiểm soát được tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của tất cả người nộp thuế, các tổ chức, doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp nói riêng trên địa bàn.

Tổng cục thuế ban hành quy trình quản lý thuế đối với doanh nghiệp nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các luật thuế, pháp lệnh thuế, đảm bảo nộp đúng, nộp đủ và kịp thời tiền thuế vào NSNN. Đề cao ý thức tự giác chấp hành chính sách, pháp luật thuế; xoá bỏ các thủ tục không cần thiết gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Mặt khác, nhằm cải tiến thủ tục quản lý thuế, phân công phân nhiệm rõ ràng chuẩn hoá công tác quản lý thuế nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý thuế, nâng cao chất lượng làm việc của đội ngũ cán bộ thuế.

Theo chức năng nhiệm vụ được phân công thì Chi cục thuế quận, huyện là cơ quan có nhiệm vụ quản lý thu các loại thuế đối với doanh nghiệp do Cục thuế các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương phân cấp quản lý.

Chi cục Thuế quận Lê Chân cần làm thực hiện tốt các nội dung của quản lý thuế, thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

- Quản lý về số lượng người nộp thuế.

- Quản lý ngành nghề kinh doanh.
- Quản lý về các căn cứ tính thuế: doanh thu, thu nhập chịu thuế và các khoản chi phí được trừ.
- Quản lý về miễn thuế, giảm thuế TNDN.
- Thanh tra, kiểm tra thuế TNDN: kiểm tra tại cơ quan thuế và kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.
- Xử lý vi phạm về thuế
- Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế

Trong những năm qua tình hình sản xuất kinh doanh của các DN cả nước nói chung và trên địa bàn quận Lê Chân nói riêng gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp không ổn định, phát huy năng lực công suất thấp, sản phẩm sản phẩm sản xuất ra tiêu thụ chậm, thanh toán gặp khó khăn, thiếu vốn dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải ngừng nghỉ, giải thể vì vậy đã ảnh hưởng đến công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các DN của ngành thuế.

Để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp Chính phủ đã có nhiều các giải pháp tích cực như hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu, gia hạn, giảm số thuế TNDN phải nộp.

Chi cục thuế quận Lê Chân cần tập trung thực hiện tốt các nội dung cụ thể sau:

*Thứ nhất*, xu hướng cải cách quản lý thuế trong chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp đó là nâng cao tính tự giác tuân thủ của doanh nghiệp bằng các biện pháp tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, tạo thuận lợi và giảm chi phí thực hiện nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp, công tác này được quan tâm và trở thành một ưu tiên của cơ quan thuế, được thực hiện dưới nhiều hình thức, cùng với nó là nâng cao các biện pháp kiểm tra và chế tài xử lý được tăng cường để bảo đảm rằng các đối tượng không tuân thủ sẽ bị phát hiện và xử lý nghiêm theo qui định của pháp luật.

*Thứ hai*, bám sát các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố, của cơ



quan thuế cấp trên nhằm kiểm soát tốt hơn nguồn thu tránh thất thu thuế.

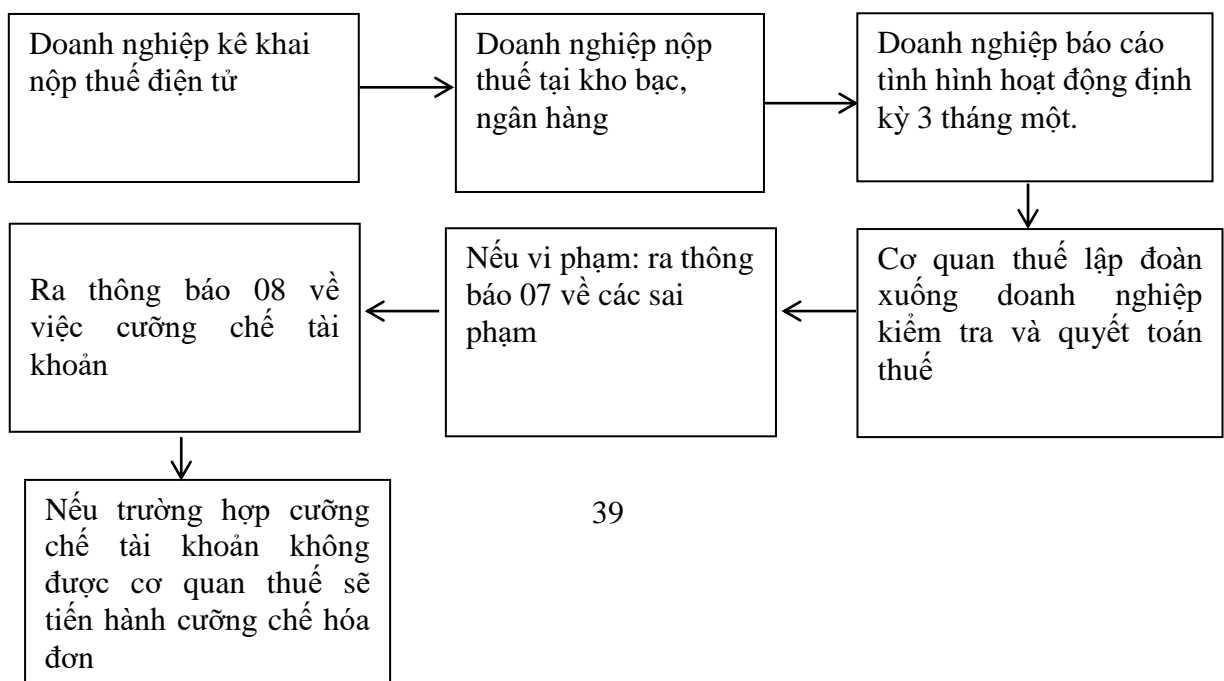
*Thứ ba*, hiện đại hóa ngành thuế bằng công nghệ thông tin, để giúp người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước, ngoài việc duy trì đối thoại với người nộp thuế, hướng dẫn qua điện thoại, email, văn bản, Chi cục Thuế phải triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến hoạt động kê khai và quyết toán thuế.

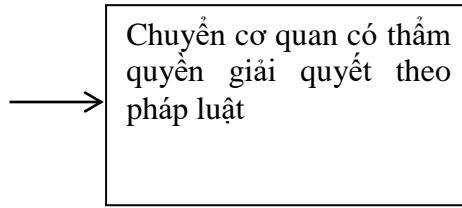
*Thứ tư*, các nước trên thế giới đều tập trung rất lớn nguồn nhân lực trong công tác kiểm tra, ở Chi cục thuế cũng cần tăng cường cán bộ thuế cả về số lượng và chất lượng làm công tác kiểm tra thuế.

*Thứ năm*, một số nước trên thế giới có chức năng và có bộ phận điều tra thuế, có thêm chức năng này sẽ giúp cho công tác chống gian lận thuế có hiệu quả hơn và ngành thuế có thể độc lập điều tra, xử lý các vụ việc nghiêm trọng, như vậy sẽ chủ động hơn trong công tác kiểm tra, xử lý và có tính răn đe cao hơn đối với các doanh nghiệp.

*Thứ sáu*, thường xuyên tổ chức kiểm tra theo chuyên đề như các doanh nghiệp lỗ, doanh nghiệp âm thuế thường xuyên, doanh nghiệp không có sổ thuế nộp ngân sách. Ngoài ra tập trung kiểm tra các doanh nghiệp có độ rủi ro cao về thuế, thường xuyên rút ra các kinh nghiệm bài học, tổ chức hội thảo, tập huấn về công tác kiểm tra.

## 1.6. Quy trình quản lý thuế





## ***Sơ đồ 2.1: Quy trình quản lý thuế và cưỡng chế nợ thuế***

### **Tiểu kết chương 1**

Trong chương 1 đã hệ thống hóa được các vấn đề thuộc cơ sở lý luận về Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản pháp luật quy định về chính sách thuế Thu nhập doanh nghiệp. Hệ thống hóa các vấn đề thuộc về công tác chống gian lận thuế Thu nhập doanh nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp. Đồng thời tác giả cũng khẳng định vai trò của doanh nghiệp và đóng góp của doanh nghiệp trong việc thu ngân sách Nhà nước, cân đối tài khóa và phát triển kinh tế đất nước. Chương 1 cũng nêu ra kinh nghiệm chống gian lận thuế Thu nhập doanh nghiệp tại một số chi cục thuế là Hải An, Hồng Bàng, Kiến An từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm chống gian lận thuế Thu nhập doanh nghiệp cho quận Lê Chân. Căn cứ vào những cơ sở lý luận được hệ thống hóa tại đây sẽ là cơ sở để giải thích thực trạng công tác chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp tại chương 2.

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHỐNG GIAN LẬN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN LÊ CHÂN**

### **2.1. Giới thiệu về quận Lê Chân và tổ chức bộ máy quản lý thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân**

#### **2.1.1. Giới thiệu về quận Lê Chân**

Lê Chân là một quận nội thành của Hải Phòng với vị trí tiếp giáp quận Hải An và một phần quận Dương Kinh ở phía Đông; Quận Kiến An, huyện An Hải ở phía Tây; không có các trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá lớn, song Quận Lê Chân quận Dương Kinh ở phía Nam và Quận Hồng Bàng ở phía Bắc. Là quận duy nhất của thành phố Hải Phòng có diện tích đất tự nhiên nhỏ lại lại là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Thế mạnh ấy chính là động lực giúp Lê Chân vượt qua mọi khó khăn và phát triển mạnh mẽ, với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân luôn ở mức hai con số trong nhiều năm qua (25 - 31%/năm). Diện tích tự nhiên: 12 Km<sup>2</sup>

- Dân số: 21 vạn người
- Đơn vị hành chính: 15 phường
- Tốc độ phát triển kinh tế: 25 - 31%/năm
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp 35% - Thương mại 30% - Dịch vụ 35%

Ngày 20/12/2002, Thủ tướng Phan Văn Khải đã ban hành Nghị định 106/2002/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính quận Lê Chân thành phố Hải Phòng. Theo đó, quyết định sáp nhập nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của hai xã Vĩnh Niệm và Dư Hàng Kênh thuộc huyện An Hải vào quận Lê Chân. Thành lập phường Vĩnh Niệm và Dư Hàng Kênh thuộc quận Lê Chân. Trong đó, diện tích tự nhiên phường Vĩnh Niệm là 562,66ha và 11.202 nhân khẩu, phường Dư Hàng Kênh rộng 246,60ha và 23.373 nhân khẩu. Việc mở rộng diện tích, không gian tạo điều kiện thuận lợi cho Quận Lê Chân phát triển kinh tế - xã hội tích cực hơn.

## Phát huy thế mạnh của một quận công nghiệp

Trong những năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế quận Lê Chân đã trở thành một hiện tượng, một kỳ tích không chỉ với Hải Phòng mà với nền kinh tế cả nước. Mức tăng trưởng GDP bình quân dao động trong khoảng 25 - 31%/năm. Thành công ấy có lẽ xuất phát từ nhận thức đúng đắn của chính quyền địa phương nơi đây khi thấy được vai trò của sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế. Vì thế, trong những năm qua, ủy ban nhân dân Quận Lê Chân luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất -kinh doanh trong hai lĩnh vực xương sống này. Hiện nay, ngành kinh tế này đang chiếm 35% GDP toàn quận.

### **2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý thuế tại Chi cục thuế quận Lê Chân**

Thực hiện Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế quy định Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế và Quyết định số 504/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế quy định Chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuộc Chi cục Thuế. Cơ cấu bộ máy hiện nay của Chi cục thuế quận Lê Chân gồm 11 đội thuế: (Số cán bộ công chức có 92 đồng chí) trong đó:

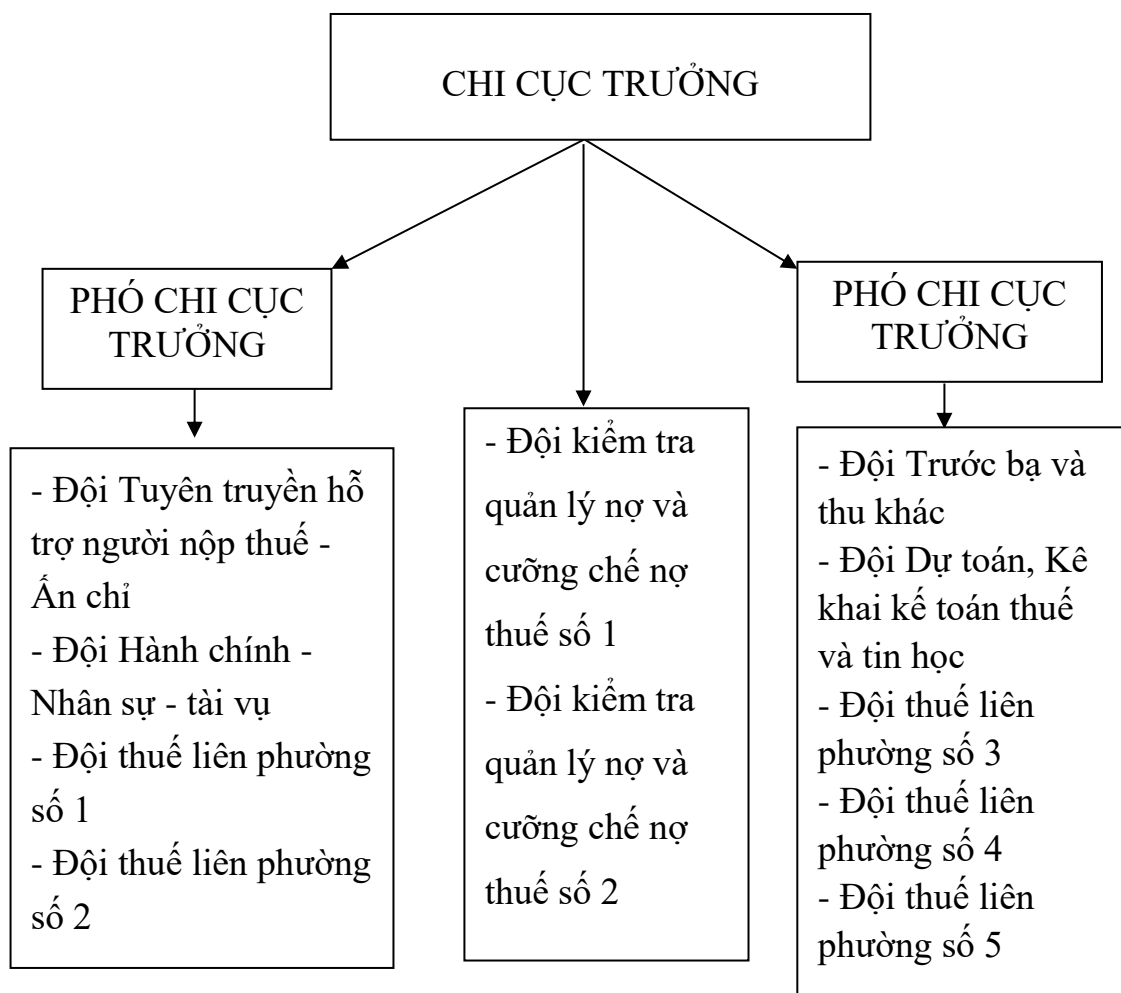
- 1/ Đội Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế (có 3 cán bộ)
- 2/ Đội Dự toán, Kế khai - Kế toán thuế và Tin học (có 9 cán bộ)
- 3/ Đội Kiểm tra, Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế số 1 (có 12 cán bộ)
- 4/ Đội Kiểm tra, Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế số 2 (có 11 cán bộ công chức)
- 5/ Đội Trước bạ và thu khác (có 9 cán bộ)
- 6/ Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ (có 10 cán bộ)
- 7/ Đội thuế liên phường số 1 (An Biên, Cát Dài) (có 6 cán bộ)
- 8/ Đội thuế liên phường số 2 (Trại Cau, Hồ Nam, Hàng Kênh, Dư Hàng) (có 9 cán bộ)

9/ Đội thuế liên phường số 3 (Trần Nguyên Hãn, An Dương, Lam Sơn)  
(có 7 cán bộ)

10/ Đội thuế liên phường số 4 (Vĩnh Niệm, Nghĩa Xá, Niệm Nghĩa) (có  
6 cán bộ)

11/ Đội thuế liên phường số 5 (Dư Hàng Kênh, Đông Hải, Kênh  
Dương) (có 7 cán bộ)

12/ Ban lãnh đạo Chi cục bao gồm có 01 đồng chí Chi cục trưởng và 02  
đồng chí Phó Chi cục trưởng. Cơ cấu bộ máy quản lý của Chi cục thuế quận  
Lê Chân được mô tả theo sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy tại Chi cục thuế quận Lê Chân**

Các đội chức năng bao gồm:

*Đội Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế - Ấn chỉ:* Giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách, Pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế trong việc thực hiện pháp luật thuế. Đây là bộ phận tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ về thuế.

*Đội Dự toán - Kế khai - Kế toán thuế và tin học:* Giúp Chi cục trưởng chi cục thuế hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế cho cán bộ, công chức thuế trong Chi cục thuế, xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu Ngân sách Nhà nước được giao của Chi cục thuế, thực hiện công tác đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, thống kê thuế theo phân cấp quản lý; quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học; triển khai, cài đặt, hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế.

*Đội Kiểm tra thuế, Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế số 1 và số 2:* Giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kê khai thuế; giải quyết tố cáo liên quan đến người nộp thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thuộc phạm vi quản lý của Chi cục thuế, tổ chức thực hiện công tác quản lý nợ thuế, đôn đốc thu tiền thuế nợ và cưỡng chế thu tiền thuế nợ, tiền phạt trong phạm vi quản lý của Chi cục thuế, tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan thuế, công chức thuế), công tác kiểm tra nội bộ: kiểm tra tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ và bảo vệ sự liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế trong phạm vi quản lý của Chi cục trưởng Chi cục thuế.

*Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ:* Giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện các công tác hành chính, văn thư; công tác quản lý tài chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản trị, quản lý ấn chỉ thuế trong toàn Chi cục thuế.

*Đội trước bạ và thu khác:* Giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế quản lý thu lệ phí trước bạ, thuế chuyên quyền sử dụng đất, tiền cấp quyền sử dụng đất, các khoản đấu giá về đất, tài sản, tiền thuê đất, thuế tài sản, phí, lệ phí và các khoản thu khác phát sinh trên địa bàn thuộc phạm vi Chi cục thuế quản lý.

*Đội thuế liên phường số 1,2,3,4 và 5:* Giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế quản lý thu thuế các tổ chức, cá nhân nộp thuế trên địa bàn phường được phân công (bao gồm các hộ SXKD công thương nghiệp và dịch vụ, kể cả hộ nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên...)

### ***2.1.3. Kết quả thu NSNN tại Chi cục thuế quận Lê Chân***

**Bảng 2.1: Tình hình kết quả thu Ngân sách Nhà nước giai đoạn 2015-2019**

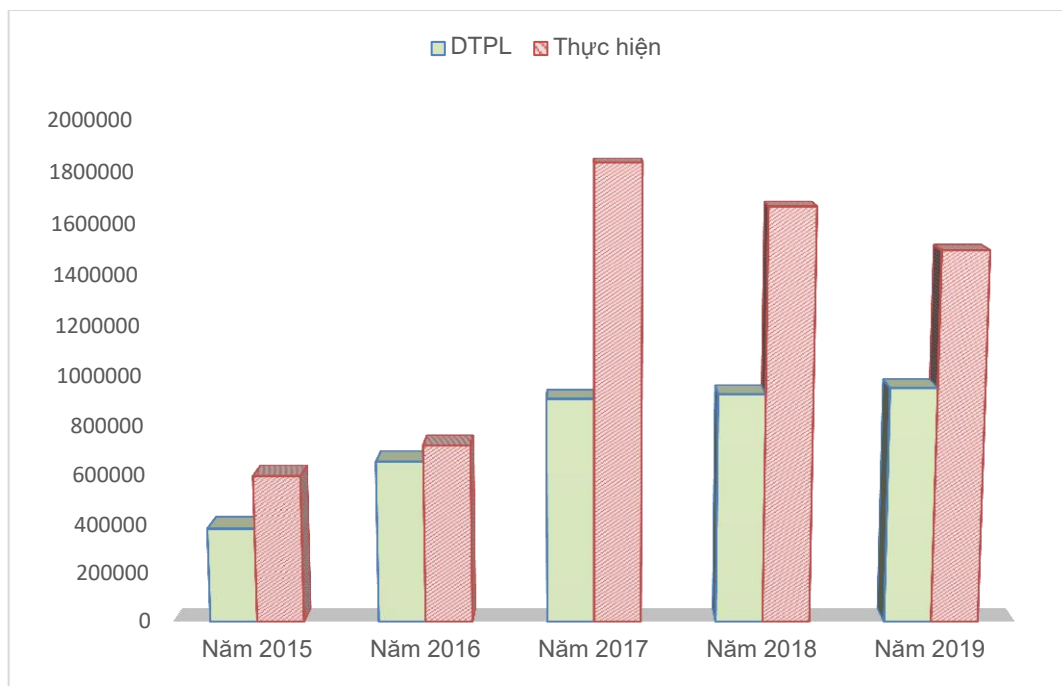
*ĐVT: 1,000,000*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		DTPL	Thực hiện	DTPL	Thực hiện	DTPL	Thực hiện	DTPL	Thực hiện	DTPL	Thực hiện
1	Thuế NQD	200.000	201.823	240.000	244.230	321.000	251.778	330.630	256.814	340.549	259.382
2	Thuế đất + sd PNN	11.000	12.392	11.600	12.844	13.000	13.075	13.390	13.337	13.658	13.603
3	Thu tiền thuê đất	33.000	67.329	83.000	127.012	123.000	449.230	124.230	453.722	125.472	358.260
4	Thu tiền sử dụng đất	25.000	175.783	190.000	184.581	255.000	941.760	257.550	760.595	265.277	679.807
5	Lệ phí trước bạ	79.000	80.072	75.000	91.872	113.000	92.733	115.260	93.660	118.718	95.534
6	Phí, lệ phí	3.900	4.355	4.300	4.443	13.000	13.108	13.260	13.370	13.393	13.504
7	Thuế TNCN	31.000	55.701	52.000	56.290	70.100	72.567	72.203	73.293	74.369	74.026
	<b>Tổng cộng</b>	<b>382.900</b>	<b>597.455</b>	<b>655.900</b>	<b>721.272</b>	<b>908.100</b>	<b>1.834.251</b>	<b>926.523</b>	<b>1.664.791</b>	<b>951.436</b>	<b>1.494.116</b>

*(Nguồn: Tổng kết công tác thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân giai đoạn 2015-2019)*



(Đvt: triệu đồng)



**Biểu đồ 2.3: Biểu kết quả thu NSNN Chi cục giai đoạn 2015-2019**

**a. Tổng kết công tác thuế năm 2015**

□□ Kết quả chung:

Năm 2015 tổng số thu ngân sách là 597.455 triệu đồng, đạt 156,03% DTPL và bằng 166,12% so với năm 2014. Trong đó: Tổng số thu từ tiền thuế NQD là 201.823 triệu đồng đạt 100,91% DTPL và bằng 120,45% so với năm 2014; tiền thuế đất và sử dụng đất PNN là 12.392 triệu đồng đạt 112,65% DTPL và bằng 103,44% so với năm 2014; thu tiền thuê đất đạt 67.329 triệu đồng đạt 204,03% DTPL và bằng 240,93% so với năm 2014; thu tiền sử dụng đất đạt 175.783 đạt 703,13% DTPL và bằng 433,42% so với năm 2014; Lệ phí trước bạ đạt 80.072 triệu đồng đạt 101,36% DTPL và bằng 105,8% so với năm 2014; Phí và lệ phí đạt 4.355 triệu đồng đạt 111,67% DTPL và bằng 110,93% so với năm 2014; Thuế TNCN là 55.701 triệu đồng đạt 179,68% DTPL và bằng 174,06% so với năm 2014.

**b. Tổng kết công tác thuế năm 2016**

□□ Kết quả thu NSNN

Năm 2016 tổng số thu ngân sách là 721.272 triệu đồng, đạt 109,97% DTPL và bằng 120,72% so với năm 2015. Trong đó: Tổng số thu từ tiền thuế NQD là 244.230 triệu đồng đạt 101,76% DTPL và bằng 121,01% so với năm 2015; tiền thuế đất và sử dụng đất PNN là 12.844 triệu đồng đạt 110,72% DTPL và bằng 103,65% so với năm 2015; thu tiền thuê đất đạt 127.012 triệu đồng đạt 153,03% DTPL và bằng 188,64% so với năm 2015; thu tiền sử dụng đất đạt 184.581 đạt 97,15% DTPL và bằng 105,01% so với năm 2015; Lệ phí trước bạ đạt 91.872 triệu đồng đạt 122,5% DTPL và bằng 114,74% so với năm 2015; Phí và lệ phí đạt 4.443 triệu đồng đạt 103,33% DTPL và bằng 102,02% so với năm 2015; Thuế TNCN là 56.290 triệu đồng đạt 108,25% DTPL và bằng 101,06% so với năm 2015.

*c. Tổng kết công tác thu thuế 2017*

□ Kết quả thu NSNN

Chi cục thuế quận Lê Chân đã thu nộp ngân sách nhà nước: 1.834.251 triệu đồng đạt: 201,99% Dự toán pháp lệnh, bằng 254,31% so cùng kỳ.

- Có 5/7 khoản thu đạt và vượt dự toán giao như: Tiền thuế đất và sử dụng đất PNN: 100,58%; Tiền thuê đất: 365,23%; Tiền sử dụng đất: 369,32%; Phí và lệ phí: 100,83%; Thuế TNCN 103,52%.

- Tất cả các khoản thu đều vượt và có tỷ lệ tăng cao so với cùng kỳ như: Tiền thuế NQD tăng 3,09%; Tiền thuế đất và sử dụng đất PNN tăng 1,8%; Thu tiền thuê đất tăng 253,69%; Thu tiền sử dụng đất tăng 410,22%; Lệ phí trước bạ tăng 0,94%; Phí và lệ phí tăng 195,03%; Thuế TNCN tăng 28,92%.

- Có 2/10 khoản thu chưa hoàn thành dự toán pháp lệnh như, thuế ngoài quốc doanh đạt 78,44% dự toán pháp lệnh; Lệ phí trước bạ đạt 82,06% dự toán pháp lệnh.

*d. Tổng kết công tác thu thuế 2018*

□ Kết quả thu NSNN

Chi cục thuế quận Lê Chân đã thu nộp ngân sách nhà nước: 1.664.791 triệu đồng đạt: 179,68% Dự toán pháp lệnh, bằng 90,76% so cùng kỳ.

- Có 4/7 khoản thu đạt và vượt dự toán giao như: Tiền thuê đất: 365.23%; Tiền sử dụng đất: 295.32%; Phí và lệ phí: 100,83%; Thuế TNCN 101,51%.

- Có 3/7 khoản thu chưa hoàn thành dự toán pháp lệnh như, thuế ngoài quốc doanh đạt 77.67% dự toán pháp lệnh; Thuế sử dụng đất PNN đạt 99.6% dự toán pháp lệnh, Lệ phí trước bạ đạt 81.26% dự toán pháp lệnh.

*e. Tổng kết công tác thu thuế 2019*

□ Kết quả thu NSNN

Chi cục thuế quận Lê Chân đã thu nộp ngân sách nhà nước: 1.494.116 triệu đồng đạt: 179.68% Dự toán pháp lệnh, bằng 90.76% so cùng kỳ.

- Có 3/7 khoản thu đạt và vượt dự toán giao như: Tiền thuê đất: 285.53%; Tiền sử dụng đất: 256.26%; Phí và lệ phí: 100,83%.

- Có 3/10 khoản thu chưa hoàn thành dự toán pháp lệnh như, thuế ngoài quốc doanh đạt 76.17% dự toán pháp lệnh; Thuế sử dụng đất PNN đạt 99.6% dự toán pháp lệnh, Lệ phí trước bạ đạt 80.47% dự toán pháp lệnh.

Kết quả thu NSNN trong 5 năm 2015-2019 đạt kết quả cao đặc biệt là kết quả thu NQD tăng đều qua các năm, tiền thuê đất tăng cao do có nhiều dự án lớn được triển khai trên địa bàn. Để đạt được kết quả này có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Chi cục thuế quận Lê Chân, chính quyền địa phương, cùng các ban ngành đoàn thể và kinh tế trên địa bàn quận duy trì ở mức khá, đồng thời Chi cục đã triển khai đồng bộ các biện pháp công tác, tổ chức quản lý thuế đúng quy trình, đảm bảo khai thác mọi nguồn thu.

***2.2 Thực trạng và công tác chống gian lận thuế TNDN của các DN trên địa bàn quận Lê Chân***

Quận Lê Chân là một trong những địa bàn trong cả nước đang trong quá trình đô thị hóa với sự mọc lên của nhiều xí nghiệp lớn tạo thành các khu công nghiệp. Kinh tế - xã hội phát triển nhanh, cuộc sống trở nên sôi động, nhờ đó mà sự phát triển của khu vực kinh tế NQD đều được tổ chức hoạt động dưới những loại hình doanh nghiệp khác nhau: công ty cổ phần, công ty

TNHH, doanh nghiệp tư nhân, HTX, tổ sản xuất, chi nhánh xí nghiệp và các loại hình doanh nghiệp khác.

Do được khuyến khích và hỗ trợ từ các cấp chính quyền địa phương, các doanh nghiệp sản xuất ngoài quốc doanh trên địa bàn phát triển ổn định, thu hút lao động và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho hàng ngàn lao động. Bên cạnh đó, các ngành nghề truyền thống tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, hỗ trợ cũng tiếp tục phát triển theo.

Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của các cấp lãnh đạo cũng như sự nỗ lực không ngừng của người dân trên địa bàn quận, trong những năm qua khu vực kinh tế NQD trên địa bàn quận đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Theo thống kê của Chi cục thuế quận Lê Chân, số doanh nghiệp phát sinh ngày càng tăng, song nhiều doanh nghiệp không có năng lực kinh doanh đã có đơn xin nghỉ và giải thể doanh nghiệp; còn có một số hiện tượng doanh nghiệp tồn tại trên danh nghĩa, trốn thuế Nhà nước; chưa thực hiện đúng luật lao động về mua bảo hiểm xã hội cho người lao động; việc tranh chấp lao động ở một số doanh nghiệp đôi khi chưa được xử lý kịp thời, hiệu quả thấp.

Tuy còn nhiều những khó khăn, nhưng với mục tiêu xác định phát triển doanh nghiệp NQD là chiến lược, mang lại nguồn thu chủ yếu, xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của quận, nên khu vực kinh tế này luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành trong toàn quận.

Từ khi pháp luật thuế TNDN được áp dụng vào thực tiễn, luật thuế GTGT, TNDN đã được triển khai trên địa bàn quận Lê Chân nhanh chóng và hiệu quả, thuế TNDN của các DN luôn có số thu tăng theo từng năm và chiếm tỉ trọng lớn trong tổng số thu NSNN.

Thuế TNDN là sắc thuế tạo ra nguồn thu lớn cho NSNN. Bởi vậy trong quy trình quản lý thuế TNDN thì quản lý thu thuế GTGT là một khâu quan trọng. NNT sẽ thực hiện nộp thuế vào NSNN tại Kho bạc Nhà nước, hoặc thông qua ngân hàng. Trong những năm qua Cục thuế TP Hải Phòng đã thực hiện tốt quy trình quản lý thu nộp thuế giữa cơ quan thuế - Kho bạc Nhà nước –

Hải quan – Tài chính.

**Bảng 2.2 Kết quả thực hiện thu thuế TNDN các DN trong 5 năm (2015 - 2019)**

*Đơn vị tính: Trđ*

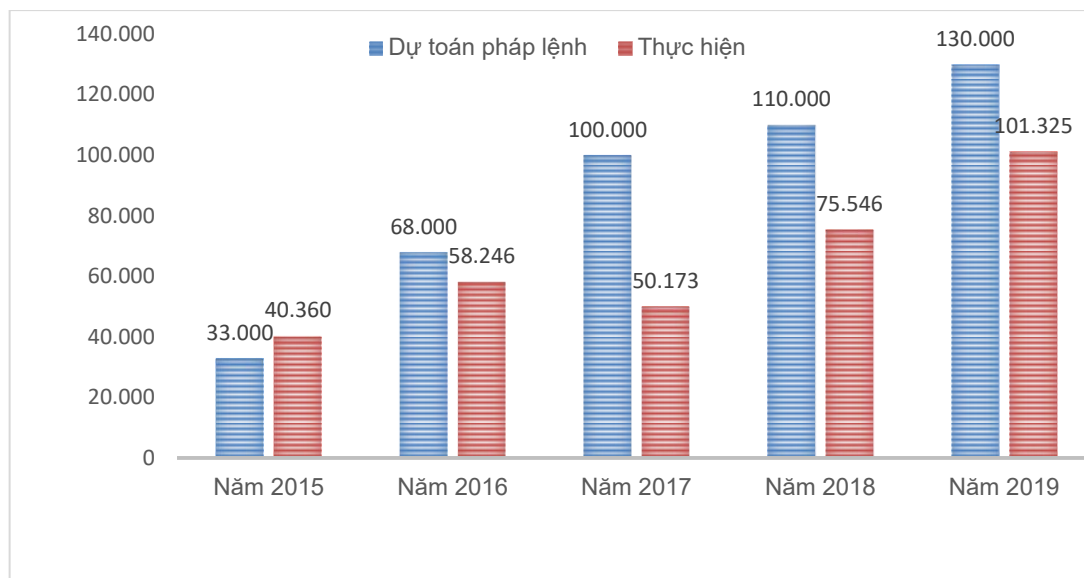
<b>Năm</b>	<b>Dự toán pháp lệnh</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Năm 2015</b>	33.000	40.360	122,30%
<b>Năm 2016</b>	68.000	58.246	85,66%
<b>Năm 2017</b>	100.000	50.173	50,17%
<b>Năm 2018</b>	110.000	75.546	68,68%
<b>Năm 2019</b>	130.000	101.325	77,94%

*(Nguồn: Thống kê kết quả thực hiện thu NSNN 2015-2019 – Chi cục thuế quận Lê Chân)*

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận không nhỏ đối tượng nộp thuế chưa chấp hành đầy đủ, không nộp đúng thời hạn ảnh hưởng đến số thu NSNN, đồng thời ảnh hưởng đến các chỉ tiêu phấn đấu của Chi cục, hơn hết là ảnh hưởng đến ý thức chấp hành, tinh thần tự giác của các đối tượng nộp thuế trên địa bàn quận Lê Chân.

Số thu từ thuế TNDN đối với DN hàng năm thực hiện được thường dưới mức dự toán thu. Đặc biệt trong những năm gần đây, tỷ lệ thực hiện dự toán thu thuế TNDN đối với DN có phần suy giảm. Xuất phát từ thực trạng khó khăn khi thực hiện thu thuế TNDN, càng phải quản lý chặt chẽ, hiệu quả hơn công tác quản lý thuế TNDN và công tác chống gian lận thuế TNDN của các DN để đảm bảo số thu cho NSNN.

*(Đvt: triệu đồng)*



**Biểu đồ 2.2: Biểu kết quả thu thuế TNDN DN giai đoạn 2015-2019**

Tăng cường công tác chống gian lận thuế TNDN của các DN trên địa bàn quận Lê Chân, cần tập trung tăng cường công tác kiểm tra thuế.

Trong môi trường quản lý thuế theo cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp, công tác kiểm tra, giám sát lại quá trình kê khai, tính thuế của các doanh nghiệp là hết sức quan trọng. Công tác kiểm tra thuế được tiến hành theo hai bước:

**Bước 1:** Cán bộ thuế thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế, khi phát hiện các yếu tố rủi ro về thuế thì yêu cầu giải trình. Đối với thuế TNDN, hàng quý sau khi các doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế theo quý, cán bộ thuế tiến hành kiểm tra, các chỉ tiêu kê khai trên hồ sơ khai thuế, đối chiếu doanh thu thuế thu nhập với doanh thu thuế GTGT trong kỳ, đối chiếu lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước, so với toàn ngành... nếu phát hiện những biểu hiện bất thường thì yêu cầu doanh nghiệp giải trình. Trường hợp doanh nghiệp không giải trình được những điểm nghi vấn thì được chuyển sang bước 2.

**Bước 2:** Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Bộ phận kiểm tra trình Lãnh đạo Chi cục ra quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Trong quá trình kiểm tra, cán bộ thuế xác định lại các

yếu tố liên quan đến việc ghi nhận doanh thu, ghi nhận chi phí, xác định lại những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ được ghi nhận khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, xác định lại những khoản được ưu đãi, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.... Kết thúc quá trình kiểm tra, những nội dung kiểm tra được ghi nhận vào biên bản. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm trốn thuế, gian lận thuế, bộ phận kiểm tra báo cáo Lãnh đạo Chi cục ra quyết định truy thu tiền thuế thiếu, tính phạt chậm nộp đối với tiền thuế thiếu và xử phạt vi phạm đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

## ***2.2.1 Hình thức gian lận thuế TNDN chủ yếu của các DN và các loại sai phạm về thuế***

### ***2.1.1.1. Gian lận về đối tượng nộp thuế***

Trong quá trình hoạt động, nhiều DN không huy động được nguồn vốn, cũng như không giải quyết được các khó khăn về mặt tài chính và nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, rất nhiều DN đã bỏ khỏi trụ sở kinh doanh đã đăng kí kinh doanh, không làm thủ tục giải thể, đóng mã số thuế.

Phần lớn các doanh nghiệp bỏ trốn, Chi cục không thể thu hồi nợ đọng thuế do không thể xác định được địa chỉ của chủ DN.

Sau khi nợ thuế hàng tỷ đồng, nhiều chủ doanh nghiệp ngoài quốc doanh tuyên bố... nghỉ kinh doanh. Sau đó, một doanh nghiệp khác cùng chủ lại được lập ra và tiếp tục điệp khúc “nợ thuế, đóng cửa, thành lập doanh nghiệp mới...”.

Với chu kỳ “thành lập - giải thể - thành lập...” này, có hàng trăm doanh nghiệp trên địa bàn đã lợi dụng để trốn thuế TNDN.

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế đóng góp rất lớn vào NSNN. Khi các doanh nghiệp bỏ trốn, ngừng hoạt động kinh doanh tác động không nhỏ tới việc đảm bảo thu NSNN.

**Bảng 2.3 : Bảng tình hình biến động của DN qua 5 năm 2015-2019**

*Dvt: Doanh nghiệp*

<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>Đang hoạt động</b>	1.256	1.532	1.926	2.385	2.776
<b>Ngừng hoạt động</b>	80	97	125	156	198
<b>Khác</b>	7	10	2	5	12
<b>Tổng số</b>	<b>1.353</b>	<b>1.639</b>	<b>1.957</b>	<b>2.547</b>	<b>2.987</b>

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác hoạt động Chi cục thuế Lê Chân)*

Qua bảng trên có thể thấy số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn trong 5 năm 2015-2019 ngày càng tăng. Năm 2015 số lượng DN đang hoạt động là 1.256 chiếm tỷ lệ 92.83% tổng số DN. Năm 2016, số DN đang hoạt động trên địa bàn quận Lê Chân là 1.532, chiếm 93,47% tổng số DN. Số lượng nhỏ DN ngừng hoạt động hay bỏ trốn có thể do thua lỗ hoặc không huy động được nguồn vốn kinh doanh trong thời gian dài. Năm 2017, số doanh nghiệp đang hoạt động là 1926 doanh nghiệp, chiếm 98,4% tổng số doanh nghiệp. Năm 2018, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động là 2385 doanh nghiệp, chiếm 92.53% tổng số doanh nghiệp. Năm 2019, số DN đang hoạt động là 2776 doanh nghiệp, chiếm 90.79% tổng số doanh nghiệp, tuy vậy số doanh nghiệp ngừng hoạt động/bỏ trốn trong giai đoạn này vẫn tăng dù chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ cho thấy các doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn về kinh tế.

### **2.2.1.2 Gian lận về doanh thu**

Một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh là doanh thu. Nó là nguồn thu của của các doanh nghiệp, là căn cứ để tính thu nhập chịu thuế, do đó có ảnh hưởng lớn đến số thuế TNDN phải nộp. Về nguyên tắc, các đơn vị tính thuế theo phương pháp kê khai phải phản ánh một cách trung thực, kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ



sách kế toán và hóa đơn chứng từ, trên nguyên tắc ghi nhận doanh thu tính thuế. Nhưng doanh nghiệp vẫn hay mắc phải các sai phạm về doanh thu tính thuế. Thông thường là kê khai giảm doanh thu.

Ví dụ về gian lận doanh thu thuế tại một số ngành nghề:

- Đối với hoạt động xây dựng trường hợp vi phạm phổ biến thường gặp là: tổng doanh thu tính thuế TNDN theo năm tài chính điều này xảy ra là do một phần nguyên nhân là các công trình xây dựng đã quyết toán nhưng người nộp thuế không kê doanh thu tính thuế TNDN kịp thời theo thời điểm công trình được quyết toán, hoặc có trường hợp người nộp thuế đã viết hóa đơn nhưng chỉ kê khai 01 loại doanh thu tính thuế TNDN tại thời điểm viết hóa đơn, hoặc nếu có kê khai doanh thu tính thuế TNDN ở hai năm tài chính khác nhau, hạch toán thiếu doanh thu và chi phí giá vốn của các công trình đã có nghiệm thu bàn giao.

Việc các DN kinh doanh về vật liệu xây dựng khi bán vật liệu xây dựng cho các hộ gia đình, cá nhân thường là không có hóa đơn nên dễ phát sinh các hoạt động mua bán hóa đơn.

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS phải căn cứ vào hợp đồng bán căn hộ, nhà thấp tầng theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng để xác định doanh thu tính thuế; cần đặc biệt quan tâm đối với từng dự án đang trong giai đoạn huy động vốn chưa thực hiện bán theo luật kinh doanh bất động sản để xác định chính xác thời điểm xác định doanh thu chịu thuế.

Ví dụ như Công ty TNHH TM&DV K.L kinh doanh vật liệu xây dựng kê khai thiếu doanh thu hoạt động tài chính dẫn tới tăng doanh thu chịu thuế 103.4 triệu đồng, truy thu 17,4 triệu đồng.

Thông qua công tác kiểm tra tại trụ sở đơn vị, Chi cục thuế đã phát hiện một số trường hợp sai phạm về ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp ngoài quốc doanh như:

- Ở một số doanh nghiệp thương mại mắc vi phạm: hạch toán vào doanh thu những khoản thu chưa đủ các yếu tố xác định là doanh thu như qui

định hoặc số doanh thu đã phản ánh trên sổ sách kế toán, báo cáo kế toán cao hơn so với doanh thu trên các chứng từ kế toán; doanh thu phản ánh trên sổ sách, báo cáo kế toán thấp hơn doanh thu thực tế; doanh thu bán hàng trả chậm nhưng chỉ hạch toán doanh thu khi thu được tiền bán hàng; chuyển một số doanh thu đã thực hiện trong kỳ sang kỳ sau để làm chậm việc nộp thuế và dự phòng rủi ro cho kỳ sau; một số doanh nghiệp bán hàng, không hạch toán doanh thu mà bù trừ thẳng vào hàng tồn kho hoặc nợ phải trả; qui đổi tỷ giá ngoại tệ (doanh thu xuất khẩu) thấp hơn so với thực tế. Điển hình của vi phạm trên được phát hiện qua công tác kiểm tra tại trụ sở Công ty TNHH Minh Thành ngành nghề kinh doanh thương mại xuất khẩu năm 2015 và 2016 đã hạch toán doanh thu trên sổ sách theo giá FOB (giá giao tại tàu ở cảng Hải Phòng) trong khi hàng được bán theo giá CFR (giá giao tại cảng người mua) với tổng chênh lệch doanh thu không được ghi nhận khi tính thuế là 958.179.595 đồng; hạch toán tỷ giá ngoại tệ thấp hơn giá bình quân liên ngân hàng 8.170.594 đồng; không ghi nhận doanh thu bán hàng nội địa bán cho khách hàng không lấy hóa đơn 79.936.642 đồng. Chi cục Thuế quận Lê Chân đã truy thu thuế TNDN 239.544.900 đồng, phạt vi phạm hành chính và chậm nộp 49.844.3865 đồng.

- Một số doanh nghiệp chưa tính tiền, chưa vào sổ các khoản tiền của doanh thu nhận trước, doanh thu bán chịu như Công ty TNHH Minh Tường, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng, qua đối chiếu giữa hợp đồng mua bán với sổ phải thu của khách hàng thấy: doanh nghiệp có nhận trước một khoản tiền hàng là 800.600.135 đồng nhưng lại không hạch toán vào doanh thu trong kỳ của doanh nghiệp

- Một số doanh nghiệp xuất vật tư để trao đổi, biếu tặng, xuất dựng nội bộ hay trả lương thưởng cho cán bộ công nhân viên nhưng không xuất hóa đơn bán hàng mà lại hạch toán thẳng vào chi phí trong kỳ hoặc xuất hóa đơn nhưng không hạch toán theo giá là giá cùng loại hoặc tương đương trên thị trường mà lại hạch toán đúng bằng giá nguyên liệu mua vào. Điển hình như

trường hợp Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và xây lắp Hải Đăng đã được kiểm tra như sau: kết quả kiểm tra tại đơn vị năm 2015 và năm 2016 cho thấy, doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra và doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế TNDN chênh lệch tăng so với báo cáo của đơn vị năm 2015 là 613.133.236 đồng và năm 2016 là 369.678.136 đồng. Nguyên nhân do đơn vị chưa xác định doanh thu của số lượng thành phẩm là gạch mà đơn vị đó xuất dùng nội bộ và xuất ủng hộ, hỗ trợ trong kỳ.

- Một số đơn vị thi công xây lắp không ghi nhận đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu theo đúng thời điểm phát sinh doanh thu khi kết thúc công trình hoặc hạn mục công trình hoặc thời điểm khách hàng thanh toán tiền hàng mà để đến khi công trình hoàn thành bàn giao mới thực hiện ghi nhận doanh thu. Ngược lại một số đơn vị sản xuất các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghiệp nặng như ngành đóng tàu, kết cấu thép có tính chất giống ngành xây dựng như sản phẩm có giá trị sản phẩm lớn có thời gian sản xuất của một sản phẩm kéo dài qua nhiều kỳ báo cáo tài chính, sản phẩm nhưng chỉ được xác định doanh thu lập hoá đơn giao cho khách hàng khi hoàn thành bàn giao để khách hàng mang đi đăng ký sử dụng với cơ quan chức năng thì bị nhầm lẫn xác định doanh thu theo tỷ lệ để phân bổ cho các kỳ báo cáo tài chính... Ở một số doanh nghiệp thực hiện các đơn đặt hàng theo lô hàng có giá trị thanh toán lớn và qua nhiều kỳ kế toán, khách hàng đã thanh toán trước tiền hàng, bên bán hàng đã lập hoá đơn ghi nhận doanh thu nhưng không thực hiện phân bổ doanh thu phù hợp với chi phí khi xác định thuế TNDN. Những sai phạm về thời điểm xác định doanh thu nêu trên mặc dù không dẫn đến thất thu về thuế GTGT cho Nhà nước nhưng đã gây sai phạm về thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, gián tiếp gây thất thu cho thuế TNDN do các doanh nghiệp lợi dụng chính sách ưu đãi về thuế TNDN về thời gian miễn, giảm thuế và thời gian được thực hiện chuyển lỗ.

- Để xác định được số thuế TNDN mà doanh nghiệp phải nộp thì cần phải xác định chính xác doanh thu tính thuế để tính thu nhập chịu thuế. Căn

cứ để xác định doanh thu là hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán. Một số doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, do chủng loại hàng hoá phong phú, đa dạng nên việc điều tra doanh số rất khó khăn. Các doanh nghiệp này không phản ánh đúng giá cả hàng hoá khi tiêu thụ, hàng hoá tiêu thụ nhiều phản ánh ít, có những trường hợp bán nợ chưa thu tiền không kê khai thuế mà ghi là hàng tồn kho để có thuế âm. Hoặc nhập hàng về đã bán với giá thực tế rất cao nhưng phản ánh trên hoá đơn thì chỉ phản ánh với giá thấp hơn nhiều.

### ***2.2.1.3 Gian lận về chi phí***

- Cùng với doanh thu thì chi phí được trừ cũng là một trong những căn cứ quan trọng để xác định thu nhập tính thuế. Việc hạch toán chi phí và xác định chính xác chi phí được trừ góp phần đảm bảo doanh nghiệp tính đúng số thuế TNDN phải nộp. Tuy nhiên, để làm giảm số thuế TNDN phải nộp, doanh nghiệp tìm mọi cách để tăng chi phí lên hay hợp thức hóa các khoản chi phí mà doanh nghiệp không thực tế chi ra, hoặc thực tế có chi ra nhưng không được pháp luật thuế công nhận.

- Qua thực tế cho thấy, đối với các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thương mại, hành vi gian lận thường là: Hạch toán và kê khai các khoản chiết khấu, giảm giá không đúng quy định. Xác định các nhà cung cấp nào được chiết khấu hoặc giảm giá do mua khối lượng lớn. Trong đó: Đối với việc hạch toán giá vốn có các hành vi, vi phạm sau đây: Không hạch toán giảm giá vốn tương ứng với hàng bán bị trả lại, Trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho không đúng quy định. Và đối với các doanh nghiệp sản xuất thì hành vi gian lận chi phí thường là : Theo dõi nguyên giá tài sản cố định, trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định. Hạch toán thẳng vào chi phí trong kỳ các khoản chi nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ, không được phản ánh tăng nguyên giá TSCĐ; Doanh nghiệp hạch toán chi phí tiêu hao NVL vượt định mức, hạch toán chi phí hàng hủy do hư hỏng kém phẩm chất không đúng quy định; Xác định chi phí phát sinh chỉ sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hay

các hoạt động khác (dùng cho phúc lợi; dùng cho cá nhân)

Ví dụ như Công ty TNHH CN T.M qua công tác kiểm tra phát hiện 14 hóa đơn không hợp pháp, yêu cầu giảm chi phí được trừ 79.6 triệu đồng, truy thu nộp NSNN 16.2 triệu đồng.

Qua công tác kiểm tra các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, một số sai phạm về ghi nhận chi phí ở doanh nghiệp đã được phát hiện như:

- Hạch toán vào chi phí SXKD những khoản chi không có chứng từ hoặc có chứng từ nhưng chứng từ không hợp lý, hợp lệ. Hạch toán vào chi phí những khoản chi không đúng bản chất chi phí như: các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật; các khoản chi phí kinh doanh, chi phí đi công tác nước ngoài vượt định mức quy định; các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.... Khai gian số lượng người lao động trong đơn vị để ghi nhận tăng chi phí tiền lương làm giảm lợi nhuận trước thuế. Hạch toán vào chi phí những khoản chi mà thực tế chưa phát sinh trong kỳ kế toán (trích trước chi phí không có cơ sở trích trước hợp lệ, ...).

- Hạch toán vào chi phí trong kỳ các khoản thực tế đã chi nhưng do nội dung, tính chất, độ lớn của khoản chi cần phân bổ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh (chi phí cần phân bổ cho kỳ sau nhưng không phân bổ mà hạch toán hết vào chi phí kỳ này, ...). Một số khoản thực tế đã chi nhưng vì chưa tập hợp đầy đủ chứng từ hoặc chứng từ bị thất lạc mà chưa phản ánh được những khoản chi này vào chi phí trong kỳ... Điển hình của những vi phạm trên được phát hiện qua kiểm tra tại Công ty CP Duy Anh năm 2015, đoàn kiểm tra đã phát hiện đơn vị khai man hồ sơ của 11 người lao động để ghi tăng chi phí tiền lương 528.000.000 đồng; ghi nhận chi phí các khoản phạt vi phạm hành chính, không có chứng từ hợp lệ 88.110.409 đồng. Chi cục thuế đã ra quyết định truy thu thuế TNDN là: 135.544.290 đồng; Số tiền phạt: 14.082.760 đồng.

- Đặc biệt, trong lĩnh vực XDCCB các doanh nghiệp khai khống các loại chi phí không có hoá đơn như đất, đá, cát, nhân công, tạo dựng một bộ phận

hành chính hết sức công kênh... Đây là những chi phí bất hợp lý mà doanh nghiệp kê khai với mục đích trốn thuế. Và đối với một số doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa các loại chi phí chủ yếu như nhiên liệu cho xe chạy doanh nghiệp cũng không xác định mức tiêu hao được chính xác, chi phí không tương ứng với doanh thu. Qua kiểm tra tại Công ty TNHH đầu tư Hải Hà năm 2015, với những thủ đoạn: kê khai khống tiền công người lao động 198.500.000 đồng; hạch toán chi phí mua cát san lấp nền không có hóa đơn 987.718.200 đồng, sử dụng hóa đơn mua nhiên liệu khống để hạch toán chi phí 4.315.000 đồng; trích khấu hao xe ô tô riêng của giám đốc vào chi phí 120.000.000 đồng. Chi cục Thuế quận Lê Chân đã ra quyết định truy thu thuế TNDN là: 288.317.304 đồng; Số tiền phạt: 43.627.937 đồng đối với hành vi kê khai tăng chi phí không hợp lý làm giảm số thuế phải nộp.

Đứng trên góc độ quản lý thuế, căn cứ tính thuế là yếu tố cơ bản để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời thuế cho NSNN. Tuy nhiên, việc quản lý căn cứ tính thuế gặp rất nhiều khó khăn mà chủ yếu là xuất phát từ phía NNT, vì việc xác định căn cứ tính thuế sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của họ. Chính vì thế, để đảm bảo tính hiệu quả trong quản lý căn cứ tính thuế, chi cục thuế quận Lê Chân đã tiến hành quản lý theo ba nhiệm vụ chủ yếu là: quản lý công tác kế toán doanh nghiệp, quản lý việc miễn giảm thuế và quản lý việc sử dụng hóa đơn chứng từ.

#### ***2.2.1.4 Gian lận qua nợ đọng thuế***

Chi cục đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm then chốt của năm, thu hồi được tiền thuế nợ có ý nghĩa rất lớn vừa đảm bảo được thực hiện dự toán thu, vừa tạo lập sự công bằng trong hoạt động sản xuất kinh doanh giữa các tổ chức, cá nhân kinh doanh tạo bình đẳng trong xã hội. Ngay từ đầu năm Cục thuế TP Hải Phòng đã giao chỉ tiêu thu hồi nợ thuế, Chi cục đã xác đây là nhiệm vụ trọng tâm cần đẩy mạnh công tác thu hồi nợ thuế ngay trong tháng, các khoản nợ

thuế kéo dài, phân đầu giảm tỷ lệ nợ đọng dưới 5% trên tổng số thu ngân sách và đảm bảo chỉ tiêu thu hồi nợ cao nhất. Với các biện pháp tổ chức thực hiện quyết liệt ngay từ ngày đầu, tháng đầu năm của Chi cục như chỉ đạo và giao chỉ tiêu thu hồi nợ thuế cho từng CBCC, phân tích tuổi nợ, phối hợp với các đội thuế gửi giấy mời, gửi thông báo, nắm bắt tình hình thực tế, khả năng tài chính cũng như xác minh tài khoản DN tại các Ngân hàng trên địa bàn; áp dụng đầy đủ trình tự các bước thu hồi nợ thuế.

Nguyên nhân của tình trạng nợ thuế là do hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục khó khăn, một bộ phận DN kinh doanh thua lỗ, phá sản, vay nợ ngân hàng lớn, dẫn đến không chấp hành nghiêm nghĩa vụ nộp NSNN. Bên cạnh đó, cũng còn có nhiều trường hợp cố tình chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước.

Mặt khác, việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế thuế hiệu quả chưa cao là do thiếu cán bộ, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng còn chưa kịp thời; một số ngân hàng chưa tích cực phối hợp hỗ trợ trích tiền từ tài khoản của DN để xử lý nợ thuế.

Ngoài ra, còn một số nguyên nhân khác như: các DN còn nợ thuế nhưng đã ngưng hoạt động, mất tích và hiện cơ quan Thuế chưa xác định được doanh nghiệp đó có còn tài sản để nộp tiền thuế hay không; một số DN đã phá sản nhưng không làm đầy đủ các thủ tục theo quy định nên chưa có đủ cơ sở xem xét xoá nợ thuế.

**Bảng 2.4: Kết quả công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ**

	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>Số phát hành thông báo nợ</b>	Thông báo	875	905	941	976	1.013
<b>QĐ cưỡng chế</b>	Quyết định	125	134	189	235	311
<b>Tổng thu nợ (tỷ đồng)</b>	Tỷ đồng	23,3	24,6	32,916	25.565	36.257

(Nguồn: Tổng kết công tác thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân giai đoạn 2015-2019)

Giai đoạn 2015-2019 tổng thu từ quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ có sự

gia tăng. Nguyên nhân của việc nợ đọng thuế TNDN tại các DN chủ yếu do hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục khó khăn, một bộ phận DN, cá nhân kinh doanh thua lỗ, phá sản, vay nợ ngân hàng lớn, dẫn đến không chấp hành nghiêm nghĩa vụ nộp NSNN. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng còn có nhiều trường hợp cố tình chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước. Kết quả năm 2019 đã lập và gửi 1013 lượt thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp, ban hành 311 Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với 23 DN. Năm 2017, tổng thu nợ đạt 32.916 tỷ đồng. Năm 2018, tổng thu nợ thuế đạt 25.565 tỷ đồng. Đến 31/12/2019 tổng số nợ thuế là 36.257 tỷ đồng đạt mức 2.42% trên tổng số thu ngân sách.

### ***2.2.2 Công tác chống gian lận thuế TNDN đối với DN***

Công tác quản lý thuế nói chung được thực hiện theo quy trình của Tổng cục thuế do đó có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các bước trong quy trình quản lý thu thuế cũng như sự phân công về chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng ban giúp cho công tác này đạt hiệu quả hơn.

***Về công tác thực hiện quản lý người nộp thuế:*** Trong những năm qua, công tác kiểm tra đăng ký thuế đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp, được thực hiện theo đúng quy trình của Tổng cục thuế quy định.

Bằng cách kiểm tra tất cả các hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ xin mua hóa đơn đồng thời với việc xuống trực tiếp kiểm tra tại doanh nghiệp về địa điểm kinh doanh, về trụ sở văn phòng, ngành nghề, loại hình kinh doanh, để so sánh đối chiếu với đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế từ đó đánh giá tình hình chấp hành pháp luật của người nộp thuế.

Trong giai đoạn 5 năm 2015-2019 có thể thấy các DN đăng ký thuế tăng dần tuy nhiên vẫn còn một số các doanh nghiệp chưa đăng ký thuế. Năm 2015, có 1216 DN đã đăng ký trên tổng số 1261 đạt tới 96,43%; Năm 2016 có 1.515 DN đã đăng ký trên tổng số 1.567 DN có 52 DN là chưa đăng ký thuế;



Năm 2017 có 1.898 DN đã đăng ký trên 1.961 DN đạt 96,79%. Năm 2018 có 2.371 DN đã đăng ký trên 2.432 DN đạt 97,49%. Năm 2019 có 2.970 DN đã đăng ký trên 3.025 DN đạt 98,18%. Có thể thấy số DN đăng ký thuế tăng dần, tỷ lệ DN đăng ký thuế trên tổng số doanh nghiệp cũng tăng dần, tuy nhiên vẫn còn tồn tại số doanh nghiệp chưa đăng ký thuế với cơ quan thuế.

**Bảng 2.5 : Tình hình đăng ký thuế DN trên địa bàn quận Lê Chân**

*Dvt: Doanh nghiệp*

Nội dung	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Đã ĐK	Chưa ĐK	Đã ĐK	Chưa ĐK	Đã ĐK	Chưa ĐK	Đã ĐK	Chưa ĐK	Đã ĐK	Chưa ĐK
<b>DN NQD</b>	1216	1512	1512	52	1898	63	2371	61	2970	55

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra thuế Chi cục thuế Lê Chân giai đoạn 2015-2019)*

**Về tình hình công tác kiểm tra:**

□ Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế: Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế được thực hiện thường xuyên đối với hồ sơ thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, chứng từ trong hồ sơ khai thuế, đánh giá sự tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế.

Công tác kiểm tra tại cơ quan thuế được cán bộ kiểm tra thực hiện theo các bước:

- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ khai thuế
- Kiểm tra số liệu, căn cứ tính thuế
- Phân tích, đánh giá rủi ro và trọng yếu
- Đề nghị người nộp thuế giải trình
- Hướng dẫn, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện yêu cầu giải trình
- Kiểm tra, xác thực thông tin giải trình
- Đánh giá tổng thể hồ sơ khai thuế và giải trình của người nộp thuế
- Đề xuất phương án xử lý
- Kết thúc kiểm tra

Hiện nay theo quy định của luật quản lý thuế thì các doanh nghiệp tự khai, tự tính, tự nộp thuế do vậy đòi hỏi tính tự giác cao của doanh nghiệp. Qua kiểm tra tờ khai thì hầu hết các doanh nghiệp đã kê khai chính xác các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế và nộp tờ khai đúng hạn chỉ còn một số ít các doanh nghiệp còn xảy ra tình trạng kê nhầm thuế suất, tính toán sai số thuế phải nộp. Công tác kiểm tra tờ khai đã phát hiện kịp thời những sai sót từ đó nhắc nhở và yêu cầu doanh nghiệp kê khai lại.

Số lượng hồ sơ được thực hiện kiểm tra tại bàn tăng dần qua mỗi năm và sau mỗi cuộc kiểm tra đã làm tăng thu đáng kể cho NSNN, điều này thể hiện Chi cục luôn cố gắng nâng cao số hồ sơ kiểm tra tại bàn, phấn đấu đạt yêu cầu đề ra.

Qua phân tích ta thấy, số thuế điều chỉnh tăng, giảm có xu hướng tăng qua các năm, một phần thể hiện kỹ năng và trách nhiệm của cán bộ quản lý nhưng qua đó cũng thể hiện chất lượng kê khai của người nộp thuế còn chưa cao.

Khi các công tác tuyên truyền hỗ trợ pháp luật thuế đến công dân rộng rãi, triệt để hơn, thì thực trạng trên cho thấy người nộp thuế vẫn chưa nâng cao ý thức về nghĩa vụ của mình, các hành vi trốn thuế phức tạp, tinh vi ngày càng tăng. Một bộ phận nhỏ là trình độ kế toán còn chưa đồng đều ở các vùng, dẫn đến những sai sót không đáng có. Nhiều người làm sai sẽ dẫn đến sai sót càng lớn. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến nguồn thu của NSNN, mà trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của người nộp thuế.

Từ kết quả kiểm tra cũng cho thấy, các nội dung thuế cần tập trung đẩy mạnh quản lý hơn nữa, có những nghi ngờ, phát hiện ra những vi phạm mà cần phải tiếp tục kiểm tra ở trụ sở doanh nghiệp để làm rõ thêm, kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

Công tác kiểm tra thuế tại bàn thực sự thể hiện được vai trò khi hạn chế tối đa việc thất thoát nguồn thu và đồng thời bảo vệ lợi ích hợp pháp cho người nộp thuế.

Hai đội kiểm tra, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế số 1 và số 2 đã tiến hành đôn đốc các doanh nghiệp nộp tờ khai thuế, kiểm tra tờ khai thuế và so sánh, phân tích, đối chiếu các thông tin kê khai của người nộp thuế qua các kỳ và cũng so sánh với các đơn vị cùng ngành nghề kinh doanh nhằm xác định mức độ ổn định và tuân thủ của người nộp thuế nhằm phát hiện kịp thời những bất thường, đồng thời yêu cầu người nộp thuế giải trình ngay.

***Kiểm tra tại trụ sở NNT:***

Thu thập thông tin về hoạt động của DN :

- + Xác định ngành nghề kinh doanh chủ yếu của DN tại thời kỳ kiểm tra để xác định nội dung kiểm, cách thức tiến hành kiểm tra cho phù hợp.
- + Xác định mô hình hoạt động của DN.
- + Cách theo dõi hoạt động, sổ sách, chứng từ của DN.

Công tác kiểm tra tại doanh nghiệp được tiến hành tại trụ sở người nộp thuế đối với các hồ sơ đã kiểm tra tại cơ quan thuế nhưng không đủ căn cứ ấn định thuế, doanh nghiệp không giải trình được, cơ quan thuế xuống cơ sở người nộp thuế để kiểm tra, xác minh.

Kiểm tra tại trụ sở NNT năm 2019: Số DN được kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế: 576 DN đạt 101% KH năm tăng 2.5% so với cùng kỳ, số tiền thuế truy thu và phạt 21.7 tỷ đồng, tăng 23.5% so với cùng kỳ, giảm khấu trừ 3 tỷ đồng, số đã nộp NSNN 43 tỷ đồng.

Ngay từ đầu năm, Chi cục đã xây dựng kế hoạch kiểm tra để quyết định thời gian, nhân lực cho cả quá trình kiểm tra thuế TNDN. Trong cơ chế tự khai tự nộp việc xây dựng kế hoạch kiểm tra phải dựa trên các phương pháp kiểm tra, đặc biệt là kỹ thuật phân tích rủi ro để lựa chọn đối tượng kiểm tra. Chẳng hạn như là có đột biến về doanh thu hoặc số thuế phải nộp biến động lớn, chi phí doanh nghiệp tăng cao...

- Trong công tác kiểm tra doanh thu cán bộ thuế chú trọng tới yếu tố kê khai giảm doanh thu như: Bỏ ngoài sổ sách kế toán một số khoản doanh thu

và thu nhập, hạch toán sai chế độ kế toán để che giấu doanh thu, ghi giá bán trên hóa đơn, sổ sách thấp hơn giá bán thực tế...

- Trong công tác kiểm tra chi phí cán bộ thuế chú trọng tới yếu tố kê khai tăng chi phí được trừ như: Mua bán chứng từ của doanh nghiệp ma để kê khai không chi phí, xác định chi phí sai định mức, phân bổ chi phí sai quy định, kê khai trùng để tăng chi phí TNDN...

Ứng dụng CNTT trong công tác kiểm tra: Tập trung vào xây dựng cơ sở dữ liệu về NNT, đảm bảo đầy đủ chính xác, có tính liên kết, đặc biệt là cơ sở dữ liệu về kinh tế đối với doanh nghiệp trọng điểm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra. Chi cục đã vận hành và khai thác các thông tin để quản lý thuế ứng dụng hiện đại: Phần mềm phân tích thông tin rủi ro của người nộp thuế (TPR), ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS).

CNTT đã giúp công tác quản lý thuế được thực hiện tốt hơn, phục vụ cho việc sử dụng và khai thác dữ liệu tập trung, thống nhất dữ liệu giữa các bộ phận trong cơ quan quản lý thuế, giảm chi phí về quản lý hồ sơ bằng giấy, giảm thời gian nhập hồ sơ, đảm bảo tính kịp thời và chính xác cao.

**Bảng 2.6: Tình hình kiểm tra hồ sơ khai thuế đối với DN địa bàn quận Lê Chân**

<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>Số hồ sơ kiểm tra</b>	<b>hồ sơ</b>	1.224	1.368	1.398	1.496	1.564
<b>Số hồ sơ chấp nhận</b>	<b>hồ sơ</b>	1022	1192	1078	1.116	1.082
<b>Số hồ sơ chờ giải trình</b>	<b>hồ sơ</b>	182	155	295	406	667
<b>Số hồ sơ điều chỉnh tăng</b>	<b>hồ sơ</b>	20	21	25	28	32
<b>Số tiền thuế điều chỉnh tăng</b>	<b>triệu đồng</b>	1529	3820	5340	10.403	17.405
<b>Số tiền giảm khấu trừ</b>	<b>triệu đồng</b>	209	620	901,2	1.992	3.648

(Nguồn: Tổng kết công tác thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân giai đoạn 2015-2019)

Qua công tác kiểm tra tại bàn của Chi cục thuế quận Lê Chân có thể thấy số hồ sơ kiểm tra qua các năm tăng dần (Năm 2015 là 1.224 hồ sơ đến năm 2019 là 1.564 hồ sơ), số hồ sơ điều chỉnh tăng giảm giai đoạn 2015-2019 cho thấy công tác quản lý các DN trên địa bàn đã đạt được kết quả cao. Cũng qua công tác kiểm tra đã thu thuế nộp NSNN tránh thất thu thuế.

**Bảng 2.7: Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở DN tại quận Lê Chân**

<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>Số đơn vị kiểm tra theo kế hoạch</b>	Đơn vị	350	401	450	510	525
<b>Số đơn vị đã kiểm tra thực tế</b>	Đơn vị	278	318	324	515	528
<b>Số thuế truy thu và phạt</b>	tỷ đồng	12,7	15,1	15,1	17.3	21.7
<b>Giảm thuế khấu trừ</b>	tỷ đồng	4,4	3,2	2,5	2	3
<b>Số thuế đã nộp NSNN</b>	tỷ đồng	25,2	38,3	28,2	40	43

(Nguồn: Tổng kết công tác thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân giai đoạn 2015-2019)

Số lượng DN trên địa bàn do Chi cục kiểm tra tại trụ sở của DN qua 5 năm 2015-2019 tăng từ 278 DN lên 528 DN cho thấy công tác kiểm tra tại trụ sở NNT ngày càng được siết chặt. Số thuế truy thu phạt qua các năm cũng tăng lên (Năm 2015 là 12.7 tỷ đồng, năm 2016 là 15.1 tỷ đồng, năm 2017 là 15.1 tỷ đồng, năm 2018 là 17.3 tỷ đồng, năm 2019 là 21.7 tỷ đồng) Số thuế nộp vào NSNN cũng tăng lên (Năm 2015 nộp NSNN 25,2 tỷ đồng, năm 2016 nộp NSNN 38.3 tỷ đồng, năm 2017 nộp NSNN 28.2 tỷ đồng, năm 2018 nộp NSNN 40 tỷ đồng, năm 2019 nộp NSNN 43 tỷ đồng).

+ Thuận lợi: Với việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, phần mềm hỗ trợ nộp hồ sơ khai thuế qua mạng giúp giảm tải công việc đối với cán bộ thuế, thông tin hồ sơ khai thuế được nhanh chóng thuận tiện, giảm chi phí và thời gian...

+ Khó khăn: công tác đơn đốc thuế chưa triệt để, chưa có biện pháp hữu

hiệu, tình trạng người nộp thuế đến kỳ kê khai thuế nhưng không nộp hồ sơ khai thuế vẫn còn tồn tại. Chưa kịp thời xử lý vi phạm chậm nộp hồ sơ kê khai thuế, đặc biệt là kê khai qua mạng. Cơ sở dữ liệu về NNT đã được triển khai thực hiện tuy nhiên còn chưa rà soát, cập nhật đầy đủ, chính xác...

***Về công tác quản lý hóa đơn:*** Hoá đơn là chứng từ theo quy định của Nhà nước, xác nhận khối lượng, giá trị của hàng hoá, dịch vụ mua, bán, trao đổi, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch mua, bán, trao đổi hàng hoá, dịch vụ... Vì vậy, việc quản lý, sử dụng hoá đơn cần phải được quản lý thống nhất để đảm bảo quyền lợi của tổ chức, cá nhân sử dụng cũng như quyền lợi của Nhà nước. Tuy nhiên tình trạng bán hàng hóa, dịch vụ không xuất hóa đơn; thành lập DN để mua bán hoá đơn, thu lời bất chính; không kê khai, kê khai không đúng nhằm trốn thuế, giảm số thuế phải nộp; sử dụng hóa đơn bất hợp pháp vẫn còn tồn tại.

**Bảng 2.8: Bảng tổng kết hóa đơn gửi đi xác minh tại Chi cục**

Đơn vị: Đồng

Năm	Gửi đi xác minh		Kết quả xác minh				Xử lý		
	Số lượng phiếu xác minh gửi đi	Số lượng HĐ cần xác minh	Số lượng phiếu đã xác minh	Số lượng HĐ đã xác minh	Chênh lệch tiền bán hàng	Chênh lệch thuế	Truy thu thuế	Phạt hành chính	Tổng cộng
<b>Năm 2015</b>	251	4966	167	745	624.990.000	62.499.000	63.958.000	17.000.000	80.958.000
<b>Năm 2016</b>	455	6183	190	4715	20.873.552.520	2.859.990.891	2.991.834.000	189.000.000	3.180.834.000
<b>Năm 2017</b>	337	6009	204	4066	9.668.178.770	966.817.877	1.023.620.000	100.000.000	1.123.620.000
<b>Năm 2018</b>	416	5754	215	5241	15.213.450.000	1.315.550.000	1.432.525.000	135.000.000	1.567.525.000
<b>Năm 2019</b>	348	7561	231	6671	18.124.665.500	1.682.570.000	1.754.652.000	158.000.000	1.912.652.000

(Nguồn: Tổng kết công tác thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân giai đoạn 2015-2019)

**Bảng 2.9: Bảng tổng kết hóa đơn nhận xác minh tại Chi cục**

Đơn vị: Đồng

Năm	Nhận xác minh		Kết quả xác minh				Xử lý		
	Số lượng phiếu xác minh gửi đến	Số lượng HĐ cần xác minh	Số lượng phiếu đã xác minh	Số lượng HĐ đã xác minh	Chênh lệch tiền bán hàng	Chênh lệch thuế GTGT	Truy thu thuế	Phạt hành chính	Tổng cộng
<b>Năm 2015</b>	271	1442	209	1775	626.300.000	389.430.000	419.239.000	27.000.000	446.239.000
<b>Năm 2016</b>	238	1787	210	1716	3.015.715.000	771.081.000	886.489.000	48.000.000	934.489.000
<b>Năm 2017</b>	291	1449	252	1299	2.946.360.000	294.636.000	312.490.000	22.000.000	334.490.000
<b>Năm 2018</b>	311	1526	289	1458	3.254.256.000	352.452.000	375.624.000	37.000.000	412.624.000
<b>Năm 2019</b>	305	1474	295	1407	3.054.265.000	425.650.000	440.562.000	29.000.000	469.562.000

(Nguồn: Tổng kết công tác thuế tại Chi cục Thuế quận Lê Chân giai đoạn 2015-2019)



Kết quả xác minh hóa đơn gửi đi trong 5 năm đã thu nộp NSNN nguồn thu đáng kể. Năm 2015, số lượng hóa đơn gửi đi cần xác minh là 4966 hóa đơn. Năm 2016, số lượng hóa đơn gửi đi cần xác minh là 6183 hóa đơn. Năm 2017, số lượng hóa đơn gửi đi cần xác minh là 6009 hóa đơn. Năm 2018, số lượng hóa đơn gửi đi cần xác minh là 6009 hóa đơn. Thu nộp NSNN. Con số này năm 2019 là 7561 hóa đơn. Theo đó số tiền truy thu và nộp phạt vào NSNN cũng có kết quả khả quan. Đặc biệt năm 2016 và năm 2019 có số tiền nộp NSNN lớn là 3.2 và 1.9 tỷ đồng.

Kết quả xác minh hóa đơn gửi đến trong 5 năm cho thấy số lượng hóa đơn gửi đi tương đối lớn khoảng 6204 hóa đơn. Sở dĩ HĐ đã xác minh năm 2016 lớn hơn so với HĐ cần xác minh là do cộng dồn tồn HĐ của năm trước. Thu nộp NSNN, năm 2015 đạt 419,2 triệu đồng từ truy thu thuế và phạt hành chính 27 triệu đồng. Năm 2016 đạt 886,5 triệu đồng từ truy thu thuế và phạt hành chính 48 triệu đồng. Năm 2017 đạt 312,5 triệu đồng thu thuế và phạt hành chính 22 triệu đồng. Năm 2018 đạt 375.6 triệu đồng thu thuế và phạt hành chính 37 triệu đồng. Năm 2019 đạt 440.6 triệu đồng thu thuế và phạt hành chính 29 triệu đồng.

**Về công tác quản lý nợ đọng và cưỡng chế nợ thuế:** Năm 2018 phát hành 2513 thông báo đôn đốc và phạt nộp chậm thuế NQD, ban hành thông báo quyết định sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế tới 438 DN nợ thuế NQD. Kết quả thu nợ đạt 8543 triệu đồng trong đó thuế NQD là 3557 triệu đồng. Năm 2019 phát hành 21.648 thông báo tiền thuế nợ với số tiền là chậm nộp 124,1 tỷ đồng, ban hành 22 quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tài khoản Ngân hàng đối với 14 DN và 2 quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Đề nghị cơ quan Công an quận hỗ trợ thu 40 hồ sơ nợ khó thu của các đơn vị bỏ kinh doanh. Đối chiếu điều chỉnh giảm nợ ảo 167 DN giảm nợ 10,1 tỷ đồng. Ban hành 1719 thông báo 07/QLN đối với DN. Ban hành 298 quyết định cưỡng chế tài khoản đối với 170 DN nợ với số tiền cưỡng chế 47,4 tỷ đồng, cưỡng chế hóa đơn với 14 DN

và đề nghị Cục thuế, Chi cục thuế liên quan cưỡng chế đối với 16 DN. Kết quả đạt được sau cưỡng chế 4,5 tỷ đồng. Thông báo công khai các DN nợ trọng điểm lên phương tiện thông tin đại chúng 16 DN, sau công khai đã nộp tiền thuế nợ vào NSNN là 8,8 tỷ đồng, có 8 DN công bố thông tin đã nộp ngay vào NSNN là 5,7 tỷ đồng.

### ***Về công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT:***

Để thực hiện tốt công tác chống gian lận thuế TNDN của các DN, thời gian qua Chi cục thuế quận Lê Chân đã tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối với người nộp thuế để các DN hiểu rõ và tự giác chấp hành chính sách pháp luật thuế. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ thu NSNN, Chi cục thuế đã xác định việc nâng cao nhận thức của người nộp thuế là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt công tác thu thuế tại địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu được giao. Do vậy, Chi cục thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, với phương châm mỗi cán bộ thuế là một tuyên truyền viên, tổ chức các buổi gặp mặt với những doanh nghiệp, đối tượng nộp thuế trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

Bên cạnh đó, Chi cục đã phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn quận đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách thuế trên các phương tiện truyền thông đại chúng như: phát thanh, truyền hình, tờ rơi, áp phích. Công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT luôn được Chi cục quan tâm chỉ đạo cùng với hoạt động có hiệu quả của bộ phận “một cửa” đã góp phần nâng cao ý thức tuân thủ NNT, tạo thuận lợi cho NNT trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Năm 2017, tổ chức 4 lớp tập huấn cho DN, 1 hội nghị đối thoại DN, truyền tải 73.366 lượt văn bản đến NNT, hướng dẫn giải đáp cho DN bằng văn bản 21 trường hợp, trực tiếp 623 trường hợp, qua điện thoại 483 trường hợp. Năm 2018, tuyên truyền trên đài truyền thanh phường 120 buổi, làm mới 10 bảng hiệu tuyên truyền “Tuyên ngôn ngành thuế”, gửi văn bản 3.045 lượt

DN, trả lời 42 văn bản cho NNT, hướng dẫn trực tiếp tại bộ phận một cửa 621 trường hợp, trả lời qua điện thoại 857 trường hợp, tổ chức đối thoại DN 4 buổi với tổng 300 trường hợp DN. Năm 2019, trả lời trực tiếp tại bộ phận một cửa 1057 lượt, qua điện thoại 896 cuộc, trả lời 55 công văn hỏi của NNT, tổ chức 6 lớp tập huấn cho 3.246 lượt DN và tổ chức 1 hội nghị với 200 DN. Năm 2017, tổ chức 4 lớp tập huấn cho DN, 1 hội nghị đối thoại DN, truyền tải 73.366 lượt văn bản đến NNT, hướng dẫn giải đáp cho DN bằng văn bản 21 trường hợp, trực tiếp 623 trường hợp, qua điện thoại 483 trường hợp.

## **2.3 Đánh giá công tác chống gian lận thuế TNDN**

### **2.3.1 Kết quả đạt được**

- Về quản lý NNT: Việc quản lý NNT hết sức quan trọng, nó là cơ sở để giúp Chi cục quản lý tốt tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của các DN. Hiện nay, tại Chi cục công tác này được chú trọng, quan tâm. Các cuộc kiểm tra địa chỉ kinh doanh được phối hợp chặt chẽ cùng Công an quận. Thường xuyên tổ chức gặp mặt trao đổi vướng mắc của các DN, hỗ trợ NNT trực tiếp và qua email từ đó cũng nâng cao ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của NNT.

Về quản lý thu nộp tính thuế: Các công tác kê khai kế toán thuế, kiểm tra thuế, công tác quản lý và cưỡng chế nợ tại Chi cục đã đạt được kết quả cao, góp phần không nhỏ trong công tác thu thuế TNDN vào NSNN, chống thất thu và ngăn chặn các hành vi gian lận thuế.

- Công tác kiểm tra, quản lý nợ đọng cưỡng chế nợ có sự phối hợp các cơ quan chính quyền đại phương đã đạt được kết quả tốt, tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của NNT được cải thiện. Các đội Kiểm tra thuế, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế Chi cục thuế rất chú trọng tới công tác giám sát việc thông báo phát hành hóa đơn, kê khai sử dụng hóa đơn, nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu sai phạm như: Sử dụng hóa đơn trước khi thông báo phát hành; Đơn vị cố tình có hành vi vi phạm về hóa đơn (sử dụng hóa đơn không kê khai thuế, sử dụng hóa đơn có số lượng lớn, tên hóa đơn xuất ra ghi đa dạng

mặt hàng có giá trị lớn nhỏ khác nhau).

- Chi cục thuế đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Nhờ vậy ý thức chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp cũng tăng lên.

- Công tác tổ chức, bồi dưỡng cán bộ thuế tại Chi cục thuế được chú ý hàng năm cán bộ thuế đều có cuộc thi nghiệp vụ thuế, lớp tập huấn chính sách mới do Cục thuế tổ chức do vậy trình độ của các công chức thuế được tăng lên, góp phần tăng cường hiệu quả công tác quản lý và chống thất thu thuế.

- Việc áp dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý thuế nên có thể quản lý được sát sao các hoạt động kinh doanh của người nộp thuế cũng như việc sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp. CNTT được áp dụng sâu vào công tác quản lý thuế tại Chi cục. các phần mềm hiện đại như: Ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS) và phần mềm phân tích thông tin rủi ro của người nộp thuế (TPR) đã góp phần giúp công tác quản lý tốt hơn. Giảm chi phí và thời gian cho cán bộ thuế cũng như NNT.

- Chi cục thuế được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của cấp trên cùng với đó là sự phối hợp hoạt động có hiệu quả với các cơ quan nhà nước khác như Ngân hàng, Công an, Quản lý thị trường trong việc quản lý thu thuế.

Trong các chỉ tiêu số thu từ khu vực doanh nghiệp từ năm 2015 đến năm 2016 Chi cục thuế quận Lê Chân luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, cụ thể năm 2015 thu ngân sách 597.455 triệu đồng đạt 156%, năm 2016 thu ngân sách 721.266 triệu đồng đạt 110%. Năm 2017 đến 2019 đều hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách.

Với tinh thần trách nhiệm, bám sát quy trình quản lý, đội thuế luôn theo dõi được tình hình các doanh nghiệp trên địa bàn, không để sót, chậm quản lý đối với các doanh nghiệp mới thành lập, các doanh nghiệp mới phát sinh đều hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc của các doanh nghiệp, 100% các doanh nghiệp mới đi vào hoạt động kinh doanh đều được hướng dẫn thực hiện công tác đăng ký, kê khai nộp thuế. Công tác kiểm tra thuế đã được tăng cường,

góp phần vào bình ổn thị trường, đặc biệt ở các đơn vị kinh doanh sắt thép, xăng dầu, xi măng. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT được nâng cao, chú trọng hơn, nên công tác thu thuế tiến hành được thuận lợi hơn và nâng cao được ý thức trách nhiệm của NNT.

### **2.3.2 Một số hạn chế, tồn tại**

□-□ Công tác tổng hợp, đánh giá phân tích nguồn thu hàng tháng tại các đội, các bộ phận chưa được quan tâm đúng mức, nhiều yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành thu thực hiện chưa đảm bảo thời gian, ảnh hưởng đến việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

- Triển khai thực hiện nộp thuế điện tử: Chưa hoàn thành chỉ tiêu về số chứng từ nộp điện tử, số thuế nộp điện tử.

- Công tác kiểm tra kê khai kế toán: công tác đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế chưa triệt để, chưa có biện pháp hữu hiệu, tình trạng người nộp thuế đến kỳ kê khai nhưng không nộp hồ sơ khai thuế vẫn tồn tại. Chưa kịp thời xử lý vi phạm chậm nộp hồ sơ khai thuế, đặc biệt các trường hợp kê khai qua mạng.

- Công tác quản lý nợ tuy có tiến triển nhưng số nợ vẫn tăng.

- Công tác kiểm tra: Kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT tăng cao so với 2018 nhưng vẫn chưa hoàn thành kế hoạch kiểm tra năm 2019.

- Ứng dụng quản lý thuế tập trung TMS thao tác phức tạp, chưa hỗ trợ kịp thời yêu cầu của người dùng tại các bộ phận. Việc khai thác dữ liệu trên ứng dụng phục vụ công tác tổng hợp, đánh giá chưa đáp ứng được yêu cầu.

#### ***Nguyên nhân của hạn chế:***

*Thứ nhất, về mặt chính sách.*

Nước ta còn đang trong quá trình cải cách chính sách thuế vì vậy trong giai đoạn này chính sách thuế còn thiếu sự ổn định, rõ ràng dẫn tới cách hiểu và áp dụng của cả cơ quan thuế và NNT đều có những điểm không đồng nhất và điều này tạo ra nhiều kẽ hở cho các hành vi gian lận thuế.

Chẳng hạn như: Việc chưa có qui định về việc lưu trữ sổ sách kế toán,

hồ sơ khai thuế dưới dạng dữ liệu (kết xuất dữ liệu từ phần mềm kế toán và các hồ sơ khai thuế điện tử) để cung cấp thông tin phục vụ cho công tác thanh, kiểm tra thuế; Các văn bản về chế tài xử lý hóa đơn còn chưa bắt kịp với các dạng vi phạm về sử dụng hoá đơn dẫn đến có biểu hiện nhờn luật; Chưa có hệ thống định mức bình quân theo ngành nghề, hệ thống tỷ suất lợi nhuận bình quân ngành, hệ thống giá...để làm cơ sở so sánh, ấn định thuế; Quy trình Kiểm tra thuế đang trong thời gian sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung chưa phù hợp nên trong quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn và bất cập; Vấn đề chuyển giá chưa được Luật hoá cụ thể, thiếu cơ sở pháp lý...

Hơn nữa, việc chưa có cơ chế, chính sách quản lý riêng cho khối các doanh nghiệp cũng tạo khó khăn cho cả cơ quan thuế và NNT, do đó tất yếu sẽ có nhiều sai phạm khi thực hiện pháp luật thuế. Ví dụ như theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện nay đã quy định thống nhất thời hạn nộp quyết toán thuế là 31/3 hàng năm đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động về mặt thời gian. Quy định về thời gian kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp theo Luật quản lý thuế thì chưa phù hợp đối với quy mô, tính chất của các loại hình kiểm tra do cơ quan thuế thực hiện đối với doanh nghiệp nhất là các cuộc kiểm tra toàn diện...

Bên cạnh đó, sự thay đổi hệ thống chính sách thuế cũng dẫn đến khó khăn cho cả cán bộ thuế và NNT trong việc cập nhật kịp thời những thay đổi để áp dụng đúng các quy định của pháp luật.

Trong pháp luật thuế cũng chưa có chế tài xử phạt nghiêm khắc cho các trường hợp cố tình không cung cấp tài liệu hoặc kéo dài thời gian cung cấp tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra.

*Thứ hai, về cơ sở dữ liệu, các ứng dụng công nghệ thông tin.*

Hệ thống cơ sở dữ liệu của NNT hiện nay về mặt cơ bản đã phục vụ thiết thực cho công tác kiểm tra thuế. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số vướng mắc như: Ứng dụng TPR hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch kiểm tra tuy nhiên việc kết xuất dữ liệu mất khá nhiều thời gian và phải kéo dữ liệu theo từng địa bàn

quản lý. Việc đánh giá rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm tra mới chỉ dựa trên thông tin nội bộ ngành, chưa có sự kết nối thông tin bên ngoài; Chưa có cơ chế và phương pháp hữu hiệu để thu thập phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đối với thông tin từ các cơ quan hữu quan và đặc biệt là trên các phương tiện truyền thông;...

*Thứ ba, về nguồn nhân lực quản lý thuế.*

Trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ còn hạn chế đã đến hiệu quả công việc chưa đáp ứng được nhu cầu đổi mới. Hơn nữa, khối lượng công việc hiện nay là rất lớn đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ và năng lực tốt.

Mặt khác, công tác đào tạo kỹ năng cho các bộ kiểm tra chưa được triển khai thường xuyên, chưa chủ động và thiếu tính chuyên sâu, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nâng cao cho cán bộ; Sự phối hợp giữa chức năng kiểm tra với chức năng quản lý nợ còn chưa chặt chẽ.

Nhận thức về hình thức kiểm tra của một số cán bộ còn chưa đổi mới, vẫn còn hiện tượng kiểm tra không tập trung theo dấu hiệu rủi ro, nhiều hồ sơ kiểm tra kéo dài thời gian. Vẫn còn quan niệm công tác kiểm tra tại trụ sở NNT là kiểm tra quyết toán thuế...

*Thứ tư, về công tác phối hợp với cơ quan công an và các đơn vị ngoài ngành.*

Sự phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan chức năng trong quản lý thu thuế chưa được thường xuyên, liên tục. Việc theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả phối hợp chưa đạt được yêu cầu cụ thể như: Chưa chủ động đề xuất các biện pháp giải quyết những vướng mắc khó khăn trong quá trình thực hiện phối hợp; Cơ quan Công an yêu cầu cung cấp hồ sơ còn chung chung, thiếu trọng tâm, dàn trải nhiều năm nên công tác cung cấp hồ sơ tài liệu cho cơ quan Công an gặp nhiều khó khăn; Chế độ trao đổi thông tin đối với các trường hợp đã được cung cấp hồ sơ chưa rõ ràng nên cơ quan Thuế không có cơ sở để đánh giá hiệu quả công tác. Một số vụ việc đã đề nghị cơ quan Công an phối hợp điều tra xử lý còn tồn đọng chưa được phía cơ quan công an, trả lời, thông báo kết quả.

### *Thứ năm, về ý thức tuân thủ pháp luật của NNT*

Nếu chỉ nói các nguyên nhân trên mà không nói đến bản thân các doanh nghiệp thì chưa đủ, vì đây là bộ phận chủ thể chủ yếu của hành vi gian lận thuế. Ngoài một số doanh nghiệp có hành vi sai phạm trong thực hiện pháp luật thuế do chưa nắm bắt, cập nhật được các văn bản pháp luật về thuế, kế toán thì còn có một bộ phận các doanh nghiệp mặc dù rất am hiểu về chính sách thuế, chính sách kế toán nhưng cố ý gian lận để làm lợi cho bản thân doanh nghiệp, đây là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng gian lận thuế. Có thể nói nếu mỗi đối tượng đều có ý thức tự giác trong việc chấp hành pháp luật và chính sách thuế của Nhà nước, thì gian lận thuế nói chung và gian lận thuế TNDN nói riêng sẽ gần như không tồn tại.

- Ý thức tự giác, tự nguyện của các doanh nghiệp trong việc kê khai, nộp thuế mặc dù được nâng lên nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn cố tình tìm mọi cách để trốn thuế. Tình trạng các doanh nghiệp khi không được đôn đốc nhắc nhở thì không nộp tờ khai vẫn còn nhiều, tình trạng dây dưa nợ đọng tiền thuế còn khá phổ biến.

- Bên cạnh đó, tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán ở các doanh nghiệp hiện nay còn rất sơ sài, chưa chú ý đến việc tổ chức công tác kế toán hợp lý và khoa học phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh, các kế toán viên thông thường là kiêm nhiệm, trình độ kế toán còn hạn chế cho nên nhiều chỉ tiêu trong tờ khai còn ghi sai, ghi thiếu, bỏ sót doanh thu còn khá nhiều.

Ngoài ra, việc cơ quan thuế chưa được trao quyền lực đủ mạnh để quản lý thuế như: Cơ quan thuế không có chức năng điều tra do đó không đủ căn cứ để xác định việc mua bán hàng hóa, doanh thu bỏ ngoài sổ sách là có thật hay không nên việc xử lý còn thiếu tính đồng bộ, khó có thể đi sâu để kết luận sai phạm ... cũng là nguyên nhân gián tiếp làm gia tăng gian lận thuế ở các doanh nghiệp.



## **Tiểu kết chương 2**

Trong chương 2 đã giới thiệu đặc điểm của địa bàn nghiên cứu là quận Lê Chân, chi cục thuế quận Lê Chân, tổ chức bộ máy của chi cục thuế quận Lê Chân, tổng kết kết quả thu NSNN tại chi cục trong 5 năm 2015 – 2019. Đánh giá thực trạng công tác chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân, các hình thức gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp chủ yếu của quận là: gian lận về đối tượng nộp thuế, gian lận về doanh thu, gian lận về chi phí, gian lận qua nợ đọng thuế. Đánh giá công tác chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp về các mặt thực hiện quản lý người nộp thuế, về công tác kiểm tra, công tác quản lý hóa đơn, quản lý nợ đọng và cưỡng chế nợ thuế, công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế. Sau khi tiến hành đánh giá thực trạng công tác chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi cục thuế quận Lê Chân, bài viết cũng tổng kết các nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp tại chi cục. Từ những nguyên nhân được nêu ra này sẽ làm căn cứ đưa ra các biện pháp chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp tại chương 3.

### CHƯƠNG 3

## BIỆN PHÁP CHỐNG GIAN LẬN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP

### **3.1. Mục tiêu, yêu cầu chung của công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các DN trên địa bàn quận Lê Chân**

#### *a. Mục tiêu:*

- Giám sát chặt chẽ được nguồn thu lớn và trọng điểm, góp phần đảm bảo nguồn thu từ thuế tập trung một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời, thường xuyên, ổn định cho Ngân sách quốc gia. Ở Việt Nam cũng như hầu hết các nước khác, số thu đóng góp lớn nhất từ một số lượng tương đối ít doanh nghiệp lớn, nhất là những NNT không chỉ nộp nghĩa vụ thuế mà còn nộp thuế cho những NNT khác thông qua cơ chế khấu trừ tại nguồn. Do đó, việc thực hiện tốt công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp là một trong những cách tối ưu nhất để tối đa hóa số thu.

- Nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả trong công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp.

- Tạo ra sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp

- Chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp lấy công tác kiểm tra, quyết toán thuế là công việc chủ yếu. Công tác quản lý thuế TNDN đối với DN từ chế độ quản lý NNT tự khai, tự tính, tự nộp thuế theo thông báo thuế sang cơ chế tự khai, tự tính, tự nộp thuế đồng nghĩa với việc cho phép các doanh nghiệp tự chủ hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN. Song trong điều kiện ý thức chấp hành pháp luật của các DN này chưa cao, các cơ quan thuế không thể lơ lỏng công tác kiểm tra.

- Thực hiện tốt Chiến lược phát triển ngành Thuế giai đoạn 2011-2020; Tiếp tục tổ chức thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chỉ đạo của Chính phủ tại

Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 về những nhiệm vụ, biện pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020, tạo mọi điều kiện thuận lợi để NNT phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh.

***b. Yêu cầu:***

- Nhận diện được những thủ đoạn trốn thuế, tránh thuế của người nộp thuế để có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu chống thất thu NSNN.

- Phát hiện những bất hợp lý về chính sách để đề xuất, chỉnh sửa kịp thời phù hợp với thực tiễn.

- Phải thấy được những vấn đề tồn tại trong cơ chế hành thu, bộ máy tổ chức thu thuế để xây dựng phương hướng nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế đối với các đối tượng nộp thuế trong thời gian tới.

- Kịp thời triển khai những kế hoạch đã được xây dựng và nghiêm túc xử lý các sai phạm một cách kịp thời và có hiệu quả.

**3.2. Một số biện pháp chống gian lận thuế TNDN đối với DN trên địa bàn quận Lê Chân**

Để có thể đạt được mục tiêu đẩy lùi gian lận thuế nói chung cũng như gian lận thuế TNDN nói riêng của các DN trên địa bàn quận Lê Chân, thì cần thực hiện đồng bộ các giải pháp dưới đây.

***3.2.1 Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế***

Mục tiêu của quản lý thuế trong tình hình hiện nay là tăng tính tuân thủ tự nguyện của thuế chứ không phải đưa ra những hình thức xử phạt các đối tượng trốn thuế và tránh thuế. Do đó, ngoài các nhiệm vụ như: theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc đối tượng nộp thuế, cơ quan thuế còn có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất để đối tượng nộp thuế tự giác, chủ động thực hiện nghĩa vụ thuế của mình. Đó chính là chức năng tuyên truyền pháp luật thuế và hỗ trợ NNT.

Do đó, những việc chủ yếu phải làm của tuyên truyền, hỗ trợ NNT để chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê

Chân bao gồm: Đẩy mạnh và đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ NNT. Việc tuyên truyền phải được thực hiện sâu rộng với nhiều loại hình, phương thức phong phú, đa dạng và đảm bảo phủ kín thông tin liên quan đến hoạt động của cơ quan thuế rộng khắp trên toàn địa bàn quản lý thuế đồng thời cần chú trọng việc định hướng dư luận. Công tác hỗ trợ NNT phải được triển khai ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực thông qua việc phân loại NNT và đổi mới phương thức, mở rộng các kênh hỗ trợ NNT; Chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt cơ chế “một cửa” tại bộ phận hỗ trợ NNT của cơ quan thuế

- *Thứ nhất*, tăng cường bộ máy tuyên truyền, hỗ trợ: chính sách, pháp luật thuế trong thời gian vừa qua có nhiều nội dung mới, khối lượng công việc trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ là khá lớn, trong khi nguồn nhân lực còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng so với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Nội dung tuyên truyền còn hạn chế, hình thức chưa đa dạng, phong phú, chuyên nghiệp.

- *Thứ hai*, tích cực triển khai các đề án phục vụ công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT, như Đề án: "Xây dựng tiêu thức phân loại NNT", Đề án: "Xây dựng cơ chế tham vấn các đại lý thuế, NNT và các bên liên quan về thủ tục hành chính, chính sách thuế để đổi mới và hoàn thiện pháp luật thuế", Đề án "Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế với đại lý thuế", "Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ NNT"... để đáp ứng được nhiệm vụ tuyên truyền, hỗ trợ NNT một cách khoa học và hiệu quả nhất.

- *Thứ ba*, nâng cao chất lượng của hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ngành, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cũng như hệ thống mạng của Ngành được ổn định, khắc phục lỗi của một số chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, ổn định trong hệ thống các mẫu biểu kê khai thuế... để hướng dẫn NNT thuận tiện và hiệu quả.

- *Thứ tư*, tăng cường tuyên truyền, cảnh báo gian lận, vi phạm chế độ chính sách thuế nhằm chủ động trong việc ngăn chặn các hành vi gian lận và

sai phạm, tội phạm về thuế, để tạo sự bình đẳng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao tính tuân thủ trong việc thực thi pháp luật thuế. Tuyên dương kịp thời thành tích của các tổ chức, cá nhân có ý thức chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, đóng góp số thu lớn cho NSNN; đồng thời cũng lên án mạnh mẽ các hành vi trốn thuế, gian lận thuế, không thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân trong công tác chống trốn lậu thuế. Đây mạnh công tác xã hội hoá hoạt động hỗ trợ NNT thuế, xây dựng chiến lược phát triển hệ thống đại lý thuế

- *Thứ năm*, tích cực tổ chức các chương trình, hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ về thuế, chính sách thuế một cách bài bản và hiệu quả, như: "Tuần lễ lắng nghe ý kiến NNT", các "Hội nghị đối thoại với các DN", "Thuế với học đường", "Chính sách thuế và cuộc sống", tuyên dương khen thưởng các DN, NNT tiêu biểu trong việc chấp hành, thực thi tốt pháp luật thuế, có đóng góp tích cực cho NSNN... Thông qua các buổi gặp gỡ, hội thảo cơ chi cục thuế giải thích cho các doanh nghiệp hiểu về chính sách cũng như chủ trương của đảng, nhà nước trong lĩnh vực thuế. Hiện nay hệ thống các văn bản pháp luật về thuế tương đối nhiều do vậy để cho cuộc hội thảo, giải đáp có hiệu quả thì cần phải: Tiến hành hội thảo theo chuyên đề; Thông báo về cuộc hội thảo, gặp gỡ trên các phương tiện thông tin đại chúng, tiến hành phát trước tài liệu cho doanh nghiệp và đề nghị doanh nghiệp phải tìm hiểu trước để hội thảo tập chung giải đáp các vướng mắc chứ không phải các doanh nghiệp đến nghe cán bộ thuế đọc lại các văn bản đó.

- *Thứ sáu*, đối với các DN mới thành lập vấn đề thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước còn hạn chế khi đó cơ quan thuế có thể cử cán bộ xuống hướng dẫn cho các doanh nghiệp này về cách lập tờ khai, cách ghi hóa đơn, chứng từ... hoặc hàng quý tổ chức các buổi hội nghị hướng dẫn cho các doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp thực hiện cho đúng.

- *Thứ bảy*, ngoài ra để nâng cao tinh thần làm việc của cán bộ tuyên truyền cũng nên có khen thưởng đối với những cán bộ có thành tích tốt, hoàn

thành nhiệm vụ. Tuy nhiên một vấn đề được đặt ra là để có thể đánh giá một cách chính xác hiệu quả làm việc của cán bộ cần có tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc ví dụ như: thời gian tư vấn, số lượng doanh nghiệp tư vấn, tỷ lệ câu hỏi tư vấn không được trả lời hoặc cần phúc đáp... các tiêu chí này sẽ được sử dụng làm căn cứ để đánh giá, phân loại cán bộ tuyên truyền qua đó để thực hiện việc thưởng, phạt thỏa đáng nhằm tạo động lực khuyến khích cán bộ làm việc.

### ***3.2.2 Tăng cường công tác quản lý hóa đơn, chứng từ***

Hiện nay hóa đơn GTGT đang là chứng từ duy nhất để xác định các khoản thuế phải nộp của các DN trên địa bàn quận Lê Chân, đang là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, cũng là căn cứ để kê khai thuế TTĐB và thuế TNDN, song do tình trạng sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để thực hiện các hành vi gian lận thuế GTGT đã và đang diễn ra rất phức tạp nên cần phải có cơ chế quản lý chặt chẽ hơn nữa việc sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp thậm chí phải có thêm các chứng từ hỗ trợ để quản lý tốt hơn, hạn chế các vi phạm.

Để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hoá đơn chứng từ ở các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân nhằm quản lý chặt chẽ hơn doanh thu tính thuế trong kỳ, Chi cục thuế phải quản lý tốt hoá đơn chứng từ của đơn vị bằng các hành động sau:

- Hàng tháng, quý tập trung nhân lực đôn đốc, kiểm tra, kiểm soát tình hình kê khai thuế (đặc biệt là thuế GTGT, TNDN hàng tháng, quý), đảm bảo chắc chắn số DN đã nộp tờ khai để kịp thời phát hiện các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, không kịp thời số thuế phải nộp để có các biện pháp chấn chỉnh, xử lý (kiên quyết xử lý 100% các trường hợp vi phạm).

- Tiếp tục duy trì, hỗ trợ các đơn vị kê khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, triển khai, thực hiện ứng dụng quản lý thuế tập trung TMS, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ kiểm tra thuế trong việc động viên hướng

dẫn, hỗ trợ các DN mới thành lập thực hiện kê khai thuế qua mạng, các DN đang hoạt động thực hiện nộp thuế điện tử.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng hoá đơn, duy trì việc báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn, thanh quyết toán hoá đơn của doanh nghiệp sử dụng hoá đơn.

- Thống kê và thông báo kịp thời danh sách các doanh nghiệp di chuyển, bỏ trốn khỏi địa bàn kinh doanh, không thanh quyết toán hoá đơn nhằm ngăn chặn hiện tượng tiêu cực.

- Phối hợp tích cực với các ngành liên quan (Phòng tài chính, Tòa án nhân dân, Công an Quận, Quản lý thị trường), kiểm tra, đối chiếu hoá đơn, phát hiện, xử lý các trường hợp sử dụng hoá đơn giả, mua bán hoá đơn bất hợp pháp trên thị trường...

- Đối với việc đưa doanh nghiệp sang diện rủi ro cao về thuế đề nghị các đơn vị khi đưa DN sang đối tượng này phải nghiên cứu rõ từng doanh nghiệp để khi chuyển sang rủi ro doanh nghiệp không thắc mắc khiếu kiện do cơ quan thuế chưa thông báo trước...

- Cán bộ làm công tác quản lý ấn chỉ và các bộ phận liên quan có trách nhiệm nhập và gửi kịp thời thông tin về hóa đơn, biên lai vào chương trình quản lý ấn chỉ để đưa lên trang thông tin điện tử ngành Thuế để tránh những vi phạm của doanh nghiệp do lỗi của cơ quan thuế.

- Phối hợp thường xuyên giữa bộ phận quản lý ấn chỉ, bộ phận kiểm tra, thanh tra để kịp thời phát hiện những sai phạm của doanh nghiệp trong việc in, thông báo phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn để có biện pháp xử lý chấn chỉnh kịp thời tránh để sai phạm lớn; Nghiên cứu kỹ quy trình quản lý ấn chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-TCT ngày 12/8/2015 của Tổng cục thuế để thực hiện việc cấp, bán hóa đơn lẻ đúng quy định.

- Tăng cường kiểm tra nội bộ về thực hiện quy trình quản lý hóa đơn ấn chỉ đối với các đơn vị trong ngành và công tác kiểm tra về hóa đơn kết hợp với kiểm tra, thanh tra thuế qua đó phát hiện ngăn chặn kịp thời và đình chỉ sử

dụng hóa đơn đối với các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp như: Sử dụng hóa đơn chưa có giá trị sử dụng, sử dụng hóa đơn hết giá trị sử dụng, mua bán hóa đơn, sử dụng hóa đơn lập khống...

- Tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho các doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp mới thành lập về việc sử dụng hóa đơn, chứng từ và các tài liệu kèm theo.

- Đối với DN không nộp tờ khai thuế đầy đủ, kịp thời hoặc có tờ khai nhưng nhiều tháng không phát sinh doanh số thì phải tiến hành kiểm tra tại cơ sở; Đối với các doanh nghiệp tạm nghỉ hoặc bỏ kinh doanh phải tiến hành tổ chức kiểm tra tình hình sử dụng hóa đơn, chứng từ. Trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn, không kinh doanh nữa qua kiểm tra nếu thấy còn hóa đơn chưa sử dụng nhưng không khai báo và nộp cho cơ quan thuế thì phải tiến hành thu hồi và thông báo ngay cho các cục, các chi cục thuế khác đồng thời đăng thông tin trên các phương tiện truyền thông để các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh khác biết.

- Cần nhanh chóng áp dụng CNTT vào việc sử dụng, đối chiếu hóa đơn. Một vấn đề quan trọng là phải đẩy nhanh triển khai nâng cấp chương trình quản lý hoá đơn trên máy tính để phục vụ việc đối chiếu chéo hóa đơn trên toàn quốc nhằm khắc phục tình trạng đối chiếu thủ công như hiện nay, hạn chế tới mức thấp nhất sự thất thoát NSNN. Hơn nữa, Chi cục thuế quận Lê Chân cần siết chặt quản lý hơn việc sử dụng hóa đơn tự in, doanh nghiệp đang sử dụng hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in có hành vi vi phạm về hóa đơn bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, gian lận thuế sẽ không được tiếp tục sử dụng hóa đơn đã in. Theo đó, cần quy định rõ hơn các loại hành vi vi phạm về hóa đơn: Tạo hóa đơn, phát hành hóa đơn, lập hóa đơn, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn...Đồng thời tăng cường kiểm tra, đối chiếu để phát hiện và xử lý các hành vi gian lận về hóa đơn.

### ***3.2.3 Tăng cường công tác kiểm tra***



**- Đối với việc kiểm tra tại cơ quan thuế**

Trong cơ chế quản lý mới hiện nay thì kiểm tra tại Chi cục thuế quận Lê Chân sẽ được thực hiện chủ yếu, hạn chế kiểm tra tại trụ sở NNT nhằm mục đích không gây ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế. Chính vì vậy Chi cục thuế cần tập trung lực lượng, đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế nhằm phát hiện, xử lý những trường hợp kê khai sai, kê khai thiếu thuế phải nộp đảm bảo công tác kiểm tra thiết thực, có hiệu quả hơn, tránh kiểm tra kiểu hình thức. Cụ thể như sau:

Đối với hồ sơ khai thuế tháng: Thực hiện kiểm tra rủi ro tại Chi cục thuế quận Lê Chân đối với các DN đã được phê duyệt, các doanh nghiệp trong các lĩnh vực ngành nghề có nhiều rủi ro về kê khai thuế như: các DN kinh doanh bất động sản, 100% doanh nghiệp kinh doanh ô tô, xe máy, nhà hàng ăn uống, khách sạn, dịch vụ đặc biệt. để loại trừ trường hợp kê khai không đúng quy định nhằm tăng số thu cho NSNN

Làm rõ nguyên nhân các doanh nghiệp hàng tháng kê khai không có số thu nộp ngân sách hoặc số nộp thấp so với tháng trước, so với cùng kỳ năm trước.

Đối với hồ sơ khai thuế TNDN quyết toán năm: chủ động nắm bắt, thu thập đầy đủ các thông tin về chỉ số tăng trưởng kinh tế theo lĩnh vực ngành, yếu tố trượt giá, các thông tin của doanh nghiệp qua công tác kiểm tra của năm trước, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kê khai thuế TNDN cùng kỳ năm trước... thực hiện phân tích, đánh giá nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai bất hợp lý để có biện pháp đấu tranh yêu cầu doanh nghiệp kê khai điều chỉnh số thuế TNDN tạm nộp các quý bảo đảm sát và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, nhằm tăng số doanh nghiệp có số thuế TNDN tạm nộp hàng quý đồng thời tăng số thuế TNDN bình quân quý sau cao hơn quý trước, tăng số phải nộp thêm sau quyết toán.

### **- Đối với việc kiểm tra tại trụ sở NNT**

Tập trung triển khai công tác kiểm tra tại trụ sở NNT trên địa bàn quận Lê Chân theo kế hoạch đã được phê duyệt và theo chuyên đề: chống thất thu thuế, chống chuyên giá, hoàn thuế...; tập trung kiểm tra khu vực doanh nghiệp có doanh thu lớn, nợ thuế lớn. Tiếp tục kết hợp kiểm tra việc tạo, quản lý, sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp để phát hiện kịp thời các dấu hiệu vi phạm; đặc biệt chú trọng kiểm tra các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân thuộc nhóm hay vi phạm về hóa đơn để chấn chỉnh, xử lý kịp thời. Tiến hành kiểm tra đối với doanh nghiệp giải thể để xử lý nhanh các doanh nghiệp đã nghỉ bỏ kinh doanh. Đẩy mạnh kiểm tra sau hoàn thuế...

Để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra tại trụ sở NNT cần có những phương pháp, nội dung cụ thể sau:

- Đối với doanh nghiệp vi phạm về đăng ký thuế thì thông qua Sở kế hoạch đầu tư để nắm danh sách các doanh nghiệp mới ra kinh doanh. Phối hợp với cơ quan pháp luật như Viện kiểm sát, Công an để tăng cường kiểm soát hoạt động của các DN mới thành lập.

- Đối với DN không chấp hành chế độ hóa đơn, vi phạm chế độ hạch toán kế toán: có thể thông qua tài sản của doanh nghiệp ở Ngân hàng để xác nhận doanh số từ đó xác định số thuế. Tuy nhiên việc thâm nhập vào các ngân hàng thương mại để kiểm tra số lượng tiền vào, ra làm căn cứ xác định thuế của các doanh nghiệp còn đang gặp nhiều khó khăn, các ngân hàng chưa tạo điều kiện thực sự cho cơ quan thuế kiểm tra. Do đó, nhà nước cần có chế tài rõ ràng và phù hợp hơn để tạo điều kiện cho công tác kiểm tra.

- Đối với việc kiểm tra thuế TNDN có gian lận hoặc vi phạm thì cơ quan thuế có thể đề xuất xây dựng tỷ lệ lãi của doanh nghiệp trên cơ sở điều tra khảo sát các doanh nghiệp khác có SXKD cùng lĩnh vực, ngành nghề, quy mô tương tự nhưng có mở sổ sách đúng quy định, lấy đó làm căn cứ để đối chiếu với số thuế TNDN phải nộp từ đó có thể đánh giá chính xác hơn về tình hình vi phạm của DN.

- Đối với DN sử dụng các biện pháp gian lận kế toán để trốn thuế, giảm thuế thì phương pháp kiểm tra là:

Kiểm tra thành phẩm tồn kho cuối năm so sánh với đầu năm, với các năm trước để từ đó có thể xác định được giá trị hàng hóa tiêu thụ trong kỳ.

Kiểm tra chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp: kiểm tra các chứng từ gốc, phiếu chi, lệnh chi xem có hợp lý, hợp pháp không, các số liệu ghi trên có chính xác không, chú ý các khoản phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác cần thiết phải đi đối chiếu xác minh.

Kiểm tra chi phí khác: đối với những khoản chi này cần bóc tách rõ những khoản chi, khoản nào đúng chế độ quy định, khoản nào chi sai, khoản nào chi bất thường. Đặc biệt quan tâm đến các khoản phát sinh ở cuối niên độ kế toán trước và đầu niên độ kế toán sau để xác định thời gian phát sinh chi phí, tránh hiện tượng chuyển chi phí sang năm sau vì động cơ cục bộ của đơn vị.

Kiểm tra vật tư hàng hóa mua: thông qua các hợp đồng mua hàng để xác định giá cả, chi phí mua vật tư, đối chiếu sổ kho với sổ kế toán, kiểm tra công nợ.

Kiểm tra vật tư hàng hóa sử dụng vào sản xuất hoặc xuất bán: kiểm tra giữa hiện vật và giá trị của vật tư xuất vào sản xuất, hàng hóa vật tư tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ xem có phù hợp không.

Kiểm tra tính hợp lý của các yếu tố về khấu hao tài sản cố định, tiền lương, chi khác. Có thể đem đối chiếu với định mức của nhà nước, đối chiếu với doanh nghiệp có cùng sản xuất kinh doanh cùng mặt hàng.

Đối với đơn vị dây dưa chậm nộp thuế, chiếm dụng vốn NSNN cần phối hợp với đội QLNT để có biện pháp cưỡng chế, thu hồi nợ đọng phù hợp.

#### ***- Đối với nghiệp vụ kiểm tra thuế***

Ngoài ra, Chi cục thuế có thể vận dụng kết hợp nhiều phương pháp để công tác kiểm tra thuế đạt được kết quả tốt nhất:

- Tổ chức tập huấn rút kinh nghiệm trong công tác Kiểm tra một cách

thường xuyên và có định hướng lâu dài.

- Kế hoạch kiểm tra phải được tiến hành một cách chặt chẽ, có khoa học, có trọng tâm, trọng điểm đối với từng ngành nghề, từng loại hình doanh nghiệp phù hợp với tình hình phát triển chung của nền kinh tế thị trường đầy biến động.

- Kết luận kiểm tra phải dựa trên những chứng cứ thực tế đã thu thập. Kết luận vi phạm phải theo điều khoản cụ thể Luật thuế quy định.

- Giải quyết dứt điểm, đôn đốc thực hiện nghiêm túc các quyết định, xử lý kiến nghị sau khi kiểm tra một cách thỏa đáng, đúng với nguyên tắc của pháp luật.

- Kết hợp chặt chẽ các phòng ban trong xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát đôn đốc thực thi các quyết định, xử lý sau kiểm tra.

- Các cán bộ thuế phải hướng dẫn doanh nghiệp kê khai trung thực. Như vậy, sẽ tránh được nhiều rủi ro và giúp minh bạch tình hình tài chính của doanh nghiệp, một điều kiện quan trọng để nâng mức tín nhiệm của nhân dân, các nhà đầu tư

- Công tác kiểm tra về thuế phải thực hiện tốt các bước trong quy trình kiểm tra.

Công tác kiểm tra về thuế nhất thiết phải qua các bước công việc là chọn đối tượng để kiểm tra, chuẩn bị các thủ tục hành chính để tiến hành kiểm tra; tiến hành kiểm tra; kết thúc kiểm tra và lưu hồ sơ, xử lý khiếu nại. Các bước công việc này có mối quan hệ mật thiết và gắn bó với nhau trong quá trình tiến hành kiểm tra, do vậy không được coi nhẹ mọi bước công việc nào trong công tác kiểm tra thuế.

Trong việc chọn đối tượng kiểm tra, cần phải tổ chức nghiên cứu, nắm vững thông tin về đối tượng chuẩn bị tiến hành kiểm tra như: mô hình và phương pháp tổ chức hoạt động kinh doanh của đơn vị, đặc điểm ngành nghề kinh doanh và chế độ hóa đơn chứng từ hạch toán tại đơn vị, hình thành chấp hành chính sách, chế độ thuế củ đơn vị... từ đó xác định mục tiêu và xây

dụng đề cương kiểm tra. Đây là một bước quan trọng trong công tác kiểm tra và nếu làm tốt công việc này thì hiệu quả của công tác kiểm tra sẽ được nâng lên rất nhiều cả về mặt thời gian và chất lượng công việc.

Trong bước tiến hành kiểm tra sau khi xem xét các chứng từ, sổ sách kế toán và hồ sơ do đơn vị xuất trình, đoàn kiểm tra cần vận dụng phương pháp tiến hành đơn giản, nhanh nhất, đạt hiệu quả cao, cần đi đúng trọng tâm, trọng điểm, tránh sa lầy vào những công việc vụn vặt. Công tác kiểm tra phải đi từ tổng hợp đến chi tiết, từ vấn đề đơn giản đến phức tạp, phải có văn bản pháp quy để đối chiếu, so sánh giữa thực tế và chế độ quy định.

Sau khi kết thúc việc tiến hành công tác kiểm tra tại đơn vị phải lập biên bản xác nhận đầy đủ các nội dung đã kiểm tra, có nhận xét kết luận và kiến nghị giải pháp xử lý. Đoàn kiểm tra cần tổ chức đúc rút kinh nghiệm để phát huy tác dụng trong các đợt kiểm tra khác và đặc biệt lưu ý các đề xuất kiến nghị của cơ sở về chính sách chế độ và qua thực tế nắm bắt, thấy những bất cập trong chính sách chế độ để từ đó có những kiến nghị cần thiết nhằm sửa đổi, bổ sung chính sách chế độ ngày càng hoàn thiện hơn. Cuối cùng, cần phải sắp xếp hồ sơ, tài liệu kiểm tra để đưa vào lưu trữ theo quy định, cần lưu ý sắp xếp theo thứ tự và ghi mục lục để thuận tiện cho việc bàn giao sử dụng hoặc tìm kiếm trong trường hợp cần xem xét xử lý khiếu nại hay tổng hợp báo cáo.

- Từng bước nâng cao trình độ trang thiết bị cũng như hiện đại hoá các phương tiện tiếp nhận và xử lý thông tin.

- Cần phải sử dụng các phương tiện hiện đại để hỗ trợ trong việc rút ngắn thời gian cũng như đảm bảo tính chính xác, khách quan trong công tác kiểm tra.

- Chi cục cần làm tốt công tác phân loại đối tượng để kiểm tra. Theo đó, đối tượng nộp thuế nào có tình vi phạm luật thuế hoặc vi phạm có hệ thống thì phải được kiểm tra thường xuyên; đối tượng nào vô tình vi phạm luật thuế thì cần được hướng dẫn, tuyên truyền chu đáo.

- Vận dụng đúng đắn và hợp lý các hình thức kiểm tra thường xuyên và đột xuất; kiểm tra tổng hợp và kiểm tra chuyên đề. Có như vậy mới đối phó được với các thủ đoạn gian lận đa dạng và ngày càng tinh vi của đối tượng nộp thuế.

- Về kiểm tra tờ khai thuế TNDN: Căn cứ vào kết quả kiểm tra quyết toán thuế năm trước, căn cứ vào quy mô hoạt động (số vốn, số lao động, địa thế kinh doanh) căn cứ vào mức độ phát triển trong năm tới cần chủ động tiến hành kiểm tra, rà soát việc kê khai thuế trên tờ khai thuế của các doanh nghiệp để yêu cầu DN khai lại số thuế tạm nộp trong năm với mục tiêu thu sát thực tế phát sinh, khai thác thêm nguồn thu đảm bảo thực hiện dự toán được giao.

Về công tác kiểm tra bước 1 tờ khai tự quyết toán thuế: Các nhóm công tác cần đôn đốc các doanh nghiệp nộp báo cáo quyết toán thuế theo đúng thời hạn.

Thực hiện ngay việc kiểm tra quyết toán để yêu cầu nộp ngay các khoản thuế còn thiếu. Do số lượng các doanh nghiệp do một người quản lý là khá nhiều, các doanh nghiệp thường nộp tờ khai vào thời điểm cuối cùng hoặc quá thời hạn nộp tờ khai nên việc kiểm tra tờ khai thuế bước một tại cơ quan thuế chưa được chặt chẽ.

Vì vậy, cần đề ra một mức thưởng nhất định để khuyến khích các DN lớn nộp tờ khai trước thời hạn. Việc các doanh nghiệp nộp tờ khai trước thời hạn như vậy sẽ có nhiều thời gian cho các cán bộ thuế kiểm tra tờ khai thuế bước một được chính xác hơn. Đồng thời phải tăng cường cán bộ cho các nhóm có như vậy thì kết quả kiểm tra tờ khai quyết toán thuế TNDN tại cơ quan thuế sẽ được nâng lên. Cần có chế tài khuyến khích đối với các cán bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

*\* Tăng cường kiểm tra doanh thu*

Doanh thu là căn cứ quan trọng ảnh hưởng tới việc xác định số thuế phải nộp của doanh nghiệp. Nhưng trong thực tế các doanh nghiệp thường kê khai doanh thu không đúng với tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh của

doanh nghiệp, các doanh nghiệp thường tìm cách để làm giảm doanh thu nhằm trốn, lậu thuế. Do vậy một trong những cách để hạn chế tình trạng thất thu thuế doanh nghiệp là kiểm tra chặt chẽ doanh thu để xác định doanh thu tính thuế của doanh nghiệp.

Để công tác quản lý xác định doanh thu có hiệu quả thì cơ quan thuế cần:

- Quản lý chặt chẽ hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan tới doanh thu kỳ đang tính. Cần kiểm tra số lượng hàng hóa, vật liệu mua vào, đối chiếu với hàng tồn kho, định mức tiêu hao để xác định chính xác số lượng sản phẩm, hàng hóa sản xuất, tiêu thụ trong kỳ cũng như nguyên liệu đã dùng để sản xuất các hàng hóa, dịch vụ đó. Ngoài ra đối với các doanh nghiệp sản xuất trong một số trường hợp ta cũng có thể điều tra về chi phí tiền điện, dựa vào định mức cũng như tình hình sản xuất của doanh nghiệp để xem doanh nghiệp có gian lận, giấu hay trốn doanh thu hay không.

- Tăng cường kiểm tra, đối chiếu số liệu trên hồ sơ khai thuế với các loại sổ sách như sổ nhật ký bán hàng, các loại sổ chi tiết.

- Kiểm kê đột xuất hàng hóa tồn kho thực tế cũng là một biện pháp để đấu tranh về doanh thu bán hàng thực tế với doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó cũng cần đối chiếu với doanh thu của các kỳ trước đó để xem có sự biến động về doanh thu không. Nếu doanh thu biến động lớn trong khi các khoản chi phí cũng như quy mô không đổi thì cần phải chú ý kiểm tra ngay. Để làm được các điều này đòi hỏi cán bộ thuế phải là người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ cũng như kinh nghiệm trong công tác mới có thể đấu tranh với doanh nghiệp để có thể bật ra được các doanh thu trốn thuế của doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp phải tự giác chấp hành kê khai đúng thực tế bán hàng.

*\* Tăng cường kiểm tra các khoản chi phí được trừ*

Cùng với doanh thu chi phí được trừ là bộ phận quan trọng trong việc

xác định thuế TNDN phải nộp của doanh nghiệp do vậy các doanh nghiệp cùng với việc tìm cách khai giảm doanh thu là khai tăng các khoản chi phí được trừ. Chính vì vậy cùng với việc kiểm tra doanh thu cần phải tiến hành kiểm tra các khoản chi phí được trừ. Để công tác kiểm tra này đạt kết quả tốt thì cơ quan thuế cần phải:

- Xem xét tình hình kế toán của đơn vị như: hình thức kế toán, phương pháp kế toán. để có thể xác định các định khoản, nếu doanh nghiệp có vi phạm thì có thể phát hiện được. Muốn thực hiện tốt được thì đòi hỏi cán bộ thuế phải am hiểu về kế toán, về cách thức hạch toán chi phí.

- Khi kiểm tra nếu thấy có các khoản chi phí mà có sự đột biến thì cần phải chú ý quan tâm xem xét vì khi doanh nghiệp đã ổn định sản xuất, ổn định thị trường thì các khoản chi phí này rất ít biến động mà nếu có thì biến động rất ít.

- Nếu phát hiện phát sinh một số khoản chi mà năm trước không có thì cũng cần phải quan tâm. Thông thường chỉ khi doanh nghiệp mở rộng thị trường, chuyển đổi lĩnh vực đầu tư thì mới có khả năng xuất hiện các khoản chi mới hoặc các khoản chi trước kia doanh nghiệp giấu đi đến nay bị phát hiện.

- Chỉ có khoản chi nào có đầy đủ hóa đơn, chứng từ có hạch toán vào sổ sách, có liên quan đến doanh thu trong kỳ tính thuế thì mới cho hạch toán vào các khoản chi phí được trừ khi xác định thuế. Ngoài ra những khoản chi mặc dù có đầy đủ chứng từ theo quy định nhưng cũng không cho khấu trừ như tài sản cố định đã khấu hao hết, tiền thưởng cho người lao động nhưng không có trong hợp đồng.

### ***3.2. Tăng cường công tác quản lý thu nộp, nợ đọng thuế***

Chú trọng công tác quản lý nợ thuế theo Luật định, làm đủ các Quy trình, cụ thể là:

Trước hết, cần thực hiện việc phân loại nợ và phân tích nguyên nhân nợ



đến từng doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân theo các tiêu chí: nợ do khó khăn kinh tế (tác động của khủng hoảng), nợ do ý thức chấp hành luật, nợ do mất tích, bỏ trốn, phá sản hay nợ do lỗi chủ quan của cơ quan thuế để có biện pháp xử lý phù hợp và kịp thời theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, xây dựng và thực hiện tốt cơ chế phối hợp với các ngành liên quan như Kho bạc, Ngân hàng trong việc theo dõi hạch toán và truyền dữ liệu kịp thời, đầy đủ nhằm theo dõi chính xác tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của từng doanh nghiệp ; cơ quan thuế cần thực hiện phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn trong việc đôn đốc, thu hồi nợ đọng và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế có liên quan; Phối hợp với các cơ quan báo đài đưa tin lên các phương tiện thông tin đại chúng những tổ chức, cá nhân cố tình dây dưa nợ thuế, nợ thuế lớn, thời gian nợ thuế kéo dài.

Thêm vào đó, việc bổ sung, sửa đổi thống nhất các quy định trong công tác quản lý nợ cũng cần phải được thực hiện, đó là: triển khai nghiên cứu và ban hành sổ tay nghiệp vụ hướng dẫn công tác quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp. Xây dựng quy trình quản lý nợ thuế đối với doanh nghiệp theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa và tích hợp cao.

Cuối cùng, về xử lý các đối tượng dây dưa, chậm nộp thuế: Đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân số thuế nợ đọng lớn do bất khả kháng, tình hình SXKD của đơn vị gặp nhiều khó khăn. Cán bộ thuế có thể xem xét để báo cáo cấp trên về tình trạng thực tế của đơn vị, đề xuất với cấp trên các phương án như: khoan nợ, miễn, giảm thuế,... nhằm giúp đơn vị tháo gỡ những khó khăn trước mắt, tạm thời giảm bớt những căng thẳng về vốn cho đơn vị.

Đối với những DN có đủ khả năng tài chính nhưng cố tình dây dưa, nợ đọng tiền thuế nhằm chiếm dụng vốn của NSNN, cơ quan thuế cần nghiêm khắc lập lệnh thu, xử phạt hành chính theo luật định, tránh tình trạng tái diễn gây ảnh hưởng đến số thuế nộp vào NSNN.

\* Để xử lý nhanh gọn các khoản nợ thuế tại Chi cục Thuế quận Lê

Chân thì cần phải:

- Giao kế hoạch thu nợ cho từng cán bộ quản lý thu nợ theo từng tháng, quý và cả năm, đồng thời làm cơ sở đánh giá phân loại cán bộ, phân tích, đánh giá và đề xuất các biện pháp thu nợ và cưỡng chế nợ thuế đảm bảo số nợ không vượt quá 5% tổng thu NSNN.

- Triển khai, thực hiện công tác thu nợ theo đúng quy trình của TCT. Tập trung đôn đốc thu nợ ngay trong tháng đầu, quý đầu năm.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình nợ thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn. Thực hiện phân loại nợ đúng theo quy định đối với từng khoản nợ phù hợp với tính chất, đặc điểm nợ của doanh nghiệp, từ đó có biện pháp xử lý nợ phù hợp với từng doanh nghiệp theo chính sách hiện hành.

- Cương quyết thực hiện áp dụng cưỡng chế thuế nợ thuế đối với người nộp thuế cố tình chây ì không thực hiện nộp thuế vào NSNN (những đơn vị có đủ điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thuế) bằng các biện pháp cưỡng chế phù hợp theo quy định của luật quản lý thuế.

- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan như kê khai, kế toán thuế, kiểm tra nhằm xử lý triệt để các nhóm nợ chờ điều chỉnh, chờ xử lý và nhóm nợ khó thu kịp thời. Phối hợp đề xuất tranh tra, kiểm tra đối với các đơn vị nợ thuế lớn kéo dài, để có biện pháp xử lý theo quy định.

- Hàng tháng, quý, 6 tháng đầu năm đáng giá, phân tích kết quả thu nợ, từ đó rút kinh nghiệm trong công tác quản lý thu, đề xuất các giải pháp thu cho tháng, quý tiếp theo góp phần hoàn thành dự toán NSNN.

### ***3.2.5 Nâng cao năng lực của cán bộ thuế và phối hợp hoạt động với các ban ngành chức năng khác***

#### ***- Nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ thuế***

Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, đào tạo cán bộ, nhất là trong việc chấn chỉnh việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật công tác. Để nâng cao trình độ cán bộ thuế, hàng năm tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm... cung cấp

thông tin, giải đáp kịp thời những vấn đề vướng mắc của cán bộ thuế, đặc biệt là sau khi triển khai, ban hành Luật, nghị định, thông tư mới. Từ đó, mới có thể giải đáp cho NNT một cách chính xác, hiệu quả nhất.

Có sự quan tâm, động viên kịp thời về đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức thuế. Thực hiện khen thưởng, biểu dương đối với những tập thể, cá nhân xuất sắc những gương điển hình tiên tiến trong Chi cục thuế.

Thực hiện phát động phong trào thi đua sâu rộng trong phạm vi toàn Chi cục Thuế đảm bảo quyết tâm triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác thuế ngay từ những ngày đầu, tháng đầu, quý đầu của năm.

Hàng năm tổ chức kiểm tra, các cuộc thi về kiến thức thuế cho cán bộ, công chức, viên chức thuế. Nhằm khuyến khích, động viên và bắt buộc cán bộ, công chức, viên chức phải thường xuyên học tập, nghiên cứu, trau dồi kiến thức quản lý thuế hiện đại. Bên cạnh đó, để đánh giá đúng trình độ công chức, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả nhân lực của ngành. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức có hiệu quả, nhằm nâng cao trình độ cán bộ, công chức toàn Chi cục, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính thuế, công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Tổ chức thi đua sáng tạo ra những biện pháp quản lý thuế nói chung, quản lý thuế TNDN đối với doanh nghiệp nói riêng. Tuyên dương, trao thưởng với những ý tưởng có hiệu quả, thực tế và khả thi nhằm khuyến khích toàn ngành đưa ra sáng kiến góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNDN đối với doanh nghiệp.

Thực hiện các chính sách cán bộ: bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng, luân chuyển, luân phiên, bố trí lại cán bộ, công chức. Bên cạnh khen thưởng với những cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cần có biện pháp nghiêm trị thích đáng với những cá nhân vi phạm kỷ luật, lạm dụng chức quyền, làm sai quy định của pháp luật, tham ô, tham nhũng...

Cử sinh viên, cán bộ thuế đi du học ở những nước thành công trong quản lý thuế để học hỏi kinh nghiệm.

**- Tăng cường cơ chế kiểm tra nội bộ**

Tình trạng gian lận thuế của các doanh nghiệp NQD có một phần nguyên nhân từ các cán bộ thuế. Để góp phần xây dựng lực lượng quản lý thuế ngày càng trong sạch vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả cần phải có cơ chế giám sát chặt chẽ hoạt động các cán bộ thuế trong nội bộ Chi cục thuế. Hiện nay công tác này đang được bộ phận kiểm tra nội bộ tại Chi cục thuế quận Lê Chân thực hiện hiệu quả. Các biện pháp tăng cường cơ chế kiểm tra nội bộ mà Chi cục Thuế quận Lê Chân đã đề ra, đó là: Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, tập trung kiểm tra những đơn vị phát sinh nhiều đơn thư khiếu tố, những bộ phận, những khâu công việc còn nhiều rủi ro. Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đúng quy định của Luật khiếu nại, tố cáo; Tiếp tục chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật phòng, chống tham nhũng, luân chuyển địa bàn quản lý các cán bộ thuế...

Trong điều kiện hệ thống quản lý hành chính nói chung và quản lý thuế nói riêng ở Việt Nam đang thực hiện cải cách mạnh mẽ, thì tăng cường công tác kiểm tra nội bộ là không thể thiếu để khắc phục triệt để tình trạng gây khó khăn cho các cá nhân, tổ chức khi thực hiện chính sách pháp luật thuế.

**- Tăng cường phối hợp hoạt động với các ban ngành chức năng khác**

*Thứ nhất*, tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin giữa Chi cục Thuế với Công an quận Lê Chân về các vấn đề, thông tin liên quan đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm đặc biệt là tội phạm về thuế.

*Thứ hai*, Kiến nghị với cơ quan Công an khi thu thập tài liệu phục vụ điều tra, xác minh cần cụ thể, rõ ràng, có trọng tâm. Khi có yêu cầu phối hợp hai cơ quan cần khẩn trương đáp ứng yêu cầu một cách nhanh nhất, tạo điều kiện tối đa cho phía yêu cầu.

*Thứ ba*, tổ chức phối hợp đấu tranh với các hành vi trốn thuế, đưa ra xử

lý hình sự đối với các vụ trốn thuế lớn; Chủ động phát hiện các vụ trốn thuế để chuyển cơ quan công an xử lý.

*Thứ tư*, tăng cường phối hợp với các cơ quan ban ngành như Hải quan, Kho bạc nhà nước, Ngân hàng nhà nước, các Ngân hàng thương mại trên địa bàn quận Lê Chân... để nắm bắt thông tin, tình hình hoạt động của các DN, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật thuế trên địa bàn.

### **3.2.6 Một số biện pháp khác**

#### **- Nâng cao tính tuân thủ luật thuế của NNT**

Một trong những mục tiêu của Chương trình cải cách và hiện đại hoá ngành Thuế là ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế. Điều này, không chỉ tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho doanh nghiệp mà còn giúp Chi cục thuế nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ cho người nộp thuế và hạn chế sự gian lận thuế.

Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020 xác định, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và áp dụng thuế điện tử là một trong những nhiệm vụ quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế. Theo đó, việc ứng dụng CNTT sẽ làm giảm ít nhất 50% chi phí tuân thủ pháp luật thuế cho người nộp thuế; tự động hoá ít nhất 90% khối lượng công việc trong tất cả các chức năng quản lý thuế đối với cơ quan thuế; Đồng thời, giúp loại bỏ thủ tục giấy tờ và sự tiếp xúc giữa NNT với cơ quan thuế. Thực hiện nhiệm vụ đó, trong những năm qua, ngành Thuế đã đẩy mạnh thực hiện ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thuế, bước đầu đã mang lại nhiều kết quả thiết thực. Cụ thể:

- *Thứ nhất*, ngành Thuế ứng dụng CNTT vào hoạt động tuyên truyền thuế.

- *Thứ hai*, ngành Thuế đẩy mạnh thực hiện ứng dụng CNTT kết hợp giữa mã số Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế tại bộ phận “một cửa” đã giảm

đáng kể thủ tục và thời gian kê khai cho NNT.

- *Thứ ba*, đã triển khai ứng dụng CNTT vào kê khai thuế trên cơ sở sử dụng công nghệ mã vạch hai chiều nhằm hỗ trợ người nộp thuế kê khai thuế nhanh chóng và chính xác.

- *Thứ tư*, ứng dụng CNTT trong trao đổi thông tin giữa ngành Thuế với hệ thống Kho bạc, Hải quan, Tài chính và Ngân hàng đã hỗ trợ cho NNT giảm thủ tục và thời gian nộp thuế.

**- *Đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng***

Do hiện nay thanh toán bằng tiền mặt đang là hình thức thanh toán chủ yếu và phổ biến trong quan hệ mua bán trao đổi hàng hóa và thanh toán nợ, đây là một trong các yếu tố làm cơ quan thuế rất khó khăn trong việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế của người nộp thuế. Trong khi đó thanh toán qua ngân hàng là một hình thức thanh toán không những đảm bảo tiện lợi và an toàn cho người giao dịch mà còn giúp cho không chỉ cơ quan thuế mà các cơ quan Nhà nước khác có thể thực hiện chức năng kiểm tra kiểm soát của mình. Vì vậy đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng là một biện pháp quan trọng trong việc nâng cao công tác kiểm tra thuế của cơ quan thuế.

Để thực hiện được giải pháp này, cần phải có một số điều kiện và thời gian nhất định, cụ thể là:

- Hệ thống dịch vụ ngân hàng thương mại trên địa bàn phải được cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ, mở rộng các dịch vụ tiện ích, đa dạng hóa các hình thức thanh toán, tạo sự thuận lợi, dễ dàng cho người sử dụng, đặc biệt là cho các cá nhân, thể nhân, pháp nhân, là những người nộp thuế cho ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện triển khai công tác tuyên truyền để mọi người dân và các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế thấy được lợi ích của việc thanh toán qua ngân hàng và để nâng cao chất lượng phục vụ của ngân hàng trong khâu làm trung gian thanh toán, tạo thành thói quen của người dân và các tổ chức, dần dần sẽ xóa bỏ hình thức thanh toán bằng tiền mặt – một hình thức mà tại các

nước tiên trên thế giới không còn sử dụng.

**- Tăng cường giáo dục ý thức của người dân khi mua hàng, xác nhận các chứng từ khi mua hàng hóa, dịch vụ**

Một thực tế hiện nay là người dân, những người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ cuối cùng không có thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng (hóa đơn muốn nói đến ở đây là hóa đơn hợp pháp do Tổng cục thuế ban hành hoặc hóa đơn tự in của doanh nghiệp đã được cơ quan thuế chấp nhận). Đây là một kẽ hở mà DN có thể lợi dụng để thực hiện các hành vi trốn thuế hoặc chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước, gây thất thu ngân sách, mất công bằng trong cạnh tranh và gây khó khăn cho công tác kiểm tra thuế của cơ quan thuế.

Để giải quyết vấn đề trên, cùng với việc nâng cao dân trí, tăng cường tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật; cũng cần có các biện pháp khuyến khích thậm chí ràng buộc các cá nhân trong việc lấy hóa đơn GTGT khi mua hàng. Cần áp dụng các biện pháp quản lý hóa đơn gắn liền với cơ chế nghĩa vụ bắt buộc với bên bán hàng, tính tiện dụng khi triển khai thực hiện và quyền lợi của người mua hàng để tạo thành thói quen, hành vi tự nhiên khi sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

### **Tiểu kết chương 3**

Trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu chung về công tác chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân, chương 3 đã đề xuất một số biện pháp chống gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận. Các biện pháp đưa ra bao gồm: Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; Tăng cường quản lý hóa đơn chứng từ; tăng cường công tác kiểm tra đối với việc kiểm tra tại cơ quan thuế, đối với việc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, đối với nghiệp vụ kiểm tra thuế; tăng cường công tác quản lý thu nộp, nợ đọng thuế; Nâng cao năng lực của cán bộ thuế đồng thời phối hợp với các ban ngành chức năng khác như nâng cao năng lực, trình độ của người nộp thuế, tăng

cường cơ chế kiểm tra nội bộ. Bên cạnh đó một số biện pháp khác cũng được kiến nghị như: nâng cáo tính tuân thủ luật thuế của người nộp thuế, đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng và tăng cường giáo dục ý thức của người dân khi mua hàng và xác nhận chứng từ khi mua hàng hóa – dịch vụ.



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Cùng với sự phát triển của kinh tế đất nước trong thời kì đổi mới kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đã phát huy mạnh mẽ theo đường lối, chiến lược của Đảng và Nhà nước. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước, quan điểm này đã nói lên tầm quan trọng của thuế đối với hình thành và phát triển bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, phát huy tốt vai trò thúc đẩy nền kinh tế phát triển để thực hiện chương trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước. Trong đó nguồn thu từ thuế TNDN có vai trò quan trọng, góp phần tăng nguồn thu cho NSNN Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh có tiềm năng lớn cả số lượng và quy mô kinh doanh, đồng thời là khu vực đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước, số lượng DN ngày càng tăng lên và nhiều DN đã thực hiện hành vi gian lận, trốn lậu thuế, vi phạm pháp luật thuế nhằm trục lợi bất chính, ảnh hưởng đến số thu NSNN và tinh thần chấp hành pháp luật thuế. Pháp luật nói chung và pháp luật thuế nói riêng đều phải được tôn trọng, mọi cá nhân, tổ chức đều phải tuân theo và không có ngoại lệ. Tình trạng gian lận thuế TNDN của các doanh nghiệp trong đó có các doanh nghiệp là hành vi cố tình làm trái pháp luật cần được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh.

Thực tế nghiên cứu thời gian qua cho thấy tình hình thực hiện công tác quản lý thu thuế nói chung và chống gian lận thuế TNDN nói riêng đối với các DN của Chi cục thuế quận Lê Chân giai đoạn 2015-2019 đã đạt được một số kết quả nhất định, Chi cục Thuế quận Lê Chân luôn hoàn thành dự toán thu được giao, từng bước thực hiện cải cách và hiện đại hoá ngành thuế góp phần tăng nguồn thu cho địa phương. Tuy nhiên, tình trạng nhiều doanh nghiệp không đăng ký kê khai nộp thuế, nợ đọng thuế kéo dài, kê khai doanh thu không đúng thực tế, tình trạng gian lận, trốn thuế TNDN còn diễn ra. Cơ quan thuế còn thiếu biện pháp chống gian lận thuế. Công tác tuyên truyền, hướng

dẫn đối với người nộp thuế còn chưa đạt được yêu cầu thực tế, chưa có nhiều biện pháp tuyên truyền phù hợp, có hiệu quả. Công tác, kiểm tra còn chưa hiệu quả, chưa áp dụng quy trình, kỹ thuật phân tích rủi ro trong công tác này.

Luận văn đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng tới việc chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân, công tác quản lý đối tượng nộp thuế, quản lý đăng ký kê khai thuế, công tác quản lý thuế TNDN, công tác kiểm tra thuế, phân tích vào các tồn tại để tìm ra nguyên nhân làm ảnh hưởng đến công tác chống gian lận thuế TNDN nói riêng, công tác quản lý thuế nói chung đối với các doanh nghiệp. Luận văn đã đề xuất 6 nhóm biện pháp để tăng cường công tác chống gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân gồm (i) Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, (ii) Tăng cường công tác quản lý hóa đơn, chứng từ, (iii) Tăng cường công tác kiểm tra, (iv) Tăng cường công tác quản lý thu nộp, nợ đọng thuế, (v) Nâng cao năng lực của cán bộ thuế và phối hợp hoạt động với các ban ngành chức năng khác, và (vi) Một số biện pháp khác.

## **2. Kiến nghị**

Qua nghiên cứu thực trạng, nguyên nhân gian lận thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn quận Lê Chân, tôi xin đưa ra một số kiến nghị:

### *a) Đối với Nhà nước*

- Hệ thống chính sách thuế phải bao quát hết đối tượng nộp thuế, quy định cụ thể trong Luật mức thuế ưu đãi, thời gian miễn, giảm thuế, điều kiện ưu đãi. Cần có cơ chế quản lý thuế TNDN rõ ràng đặc biệt là vấn đề xử lý vi phạm trong các văn bản quy phạm pháp luật. Cần nhận thức hết phạm vi điều chỉnh của từng sắc thuế và nguồn thu sẽ phát sinh trong quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường.

- Để phát huy hiệu quả công tác kiểm tra trong việc chống gian lận thuế TNDN cũng như chống gian lận thuế nói chung, thì nên trao quyền điều tra

cho cơ quan thuế. Theo quy định hiện hành cơ quan thuế khi kiểm tra phát hiện thấy đối tượng nộp thuế gian lận thuế, trốn thuế, cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì cần chuyển cho cơ quan công an điều tra. Điều này không những làm gián đoạn, chậm tiến độ mà còn làm hiệu quả chống gian lận thuế và gây thất thu lớn cho NSNN. Bởi lẽ, trong khi kiểm tra thuế có phát hiện các dấu hiệu vi phạm thông báo cho cơ quan công an thì quá trình điều tra thu thập thông tin, chứng cứ, dữ liệu cũng mất thời gian dài đến vài tháng thậm chí vài năm (do cơ quan Công an thiếu chuyên môn trong lĩnh vực thuế và phải tiến hành lại từ đầu).

Tuy nhiên, để cơ quan thuế có thể thực hiện tốt chức năng này thì cần xây dựng đào tạo lực lượng cán bộ điều tra am hiểu về các quy phạm pháp luật có kỹ năng nghiệp vụ điều tra hình sự, xây dựng các quy định giới hạn quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ điều tra thuế để tránh tình trạng lợi dụng chức quyền của cơ quan thuế.

*b) Đối với chính quyền địa phương*

- Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh ổn định, có chính sách thu hút đầu tư từ nhiều nguồn để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng thu nhập cho các tầng lớp dân cư, qua đó tạo nguồn thu bền vững và ổn định cho ngân sách địa phương.

- Chỉ đạo các Ban ngành phối kết hợp cơ quan thuế trong công tác quản lý thu thuế nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác thu ngân sách, xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan thuế và các cơ quan khác: Tài chính, Kho bạc, Hải quan, Sở Kế hoạch - Đầu tư.

*c) Đối với Cơ quan thuế*

Để đảm bảo tính chuyên sâu, chuyên nghiệp và phù hợp với thông lệ quốc tế, tổ chức bộ máy ngành thuế có thể sẽ tiến tới phương thức tổ chức quản lý theo các nhóm đối tượng để phù hợp với mức độ tuân thủ của từng nhóm đối tượng quản lý thuế, kết hợp với quản lý theo chức năng để phát huy

được hết sức mạnh của bộ máy quản lý thuế. Theo đó, chia đối tượng thành các nhóm quản lý thuế chính, bộ phận Quản lý doanh nghiệp lớn, bộ phận quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với mức độ tuân thủ thuế của mỗi nhóm. Trong mỗi nhóm đối tượng lại được phân chia theo các chức năng quản lý chính. Việc chuyển đổi từng bước từ mô hình quản lý thuế theo chức năng sang tổ chức quản lý thuế theo các nhóm đối tượng cần được thực hiện đồng bộ với việc đổi mới phân cấp quản lý thuế giữa cơ quan thuế các cấp theo hướng: Tổng cục Thuế quản lý tập trung các doanh nghiệp lớn; Cục Thuế quản lý các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Chi cục Thuế chủ yếu quản lý các sắc thuế điều tiết vào thu nhập của thể nhân....

Nghiên cứu hình thành bộ phận quản lý các Đại lý thuế tại Tổng cục Thuế để hỗ trợ các đại lý thuế phát triển để xã hội hoá công tác hỗ trợ thuế, giảm áp lực cho cơ quan thuế, vừa tạo được tính tuân thủ thuế cao hơn trong xã hội.

Xây dựng và đưa vào vận hành các Trung tâm xử lý dữ liệu tập trung tại 3 miền: Bắc, Trung, Nam thay cho mô hình quản lý dữ liệu riêng rẽ ở dưới các địa phương các cơ quan thuế như hiện nay nhằm tập trung cơ sở dữ liệu, thống nhất trong toàn ngành.

- Xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ công chức có trình độ, năng lực đáp ứng với công cuộc đổi mới, đặc biệt chú trọng về trình độ tin học và ngoại ngữ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục chính sách, mở rộng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, chú trọng các phương tiện thông tin đại chúng, truyền hình, truyền thanh, báo chí, xây dựng website của ngành.

- Tổ chức tốt các biện pháp quản lý thu thuế như: quản lý đối tượng nộp thuế, đối tượng tính thuế và tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, đẩy mạnh và kiện toàn các quy trình nghiệp vụ trong quản lý thuế nhằm hạn chế thất thu cho ngân sách.

- Hoạt động kiểm tra nội bộ có ý nghĩa rất quan trọng, nó có thể gọi là

cơ chế kiểm soát hành vi, cử chỉ của cán bộ thuế, của cơ quan thuế. Tuy nhiên, hiện nay bộ phận kiểm tra nội bộ mới chỉ có chức năng kiểm tra nội bộ mà chưa có chức năng thanh tra, điều này làm hạn chế việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra kiểm tra nội bộ. Do đó, theo tôi nên xây dựng bộ phận thanh tra nội bộ hoặc trao quyền thanh tra nội bộ cho bộ phận kiểm tra nội bộ.

Tiếp tục thực hiện đề án 30 của Chính phủ về đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuế. Rà soát lại những thủ tục cũ gây phiền hà, rườm rà để kiến nghị lên cấp trên thực hiện sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế mới. Triển khai và hoàn thiện kết nối thông tin, cổng thông tin điện tử, nối thông tin giữa các ngành Thuế - Hải quan - Kho bạc - Tài chính để cung cấp dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế ngày càng tốt hơn, phục vụ yêu cầu của người nộp thuế được thuận lợi, nhanh chóng, giảm thời gian, chi phí trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng và phát triển kỹ thuật quản lý rủi ro trong công tác thanh tra, kiểm tra, phân loại người nộp thuế, các khoản nợ thuế ở mức độ cao hơn và hiệu quả tốt hơn. Trước mắt cần thực hiện mở rộng ứng dụng phần mềm phân tích rủi ro của người nộp thuế để nâng cao hiệu quả thu thuế của đối tượng nộp thuế. Tiến hành xây dựng và triển khai phần mềm ứng dụng kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, nâng cấp ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra thuế, thu nợ thuế theo quy trình quản lý nợ thuế.

Chi cục Thuế chỉ đạo và có biện pháp tổ chức rà soát, đánh giá mức độ chính xác của dữ liệu của cơ quan thuế, tiến hành các biện pháp xác minh thông tin để sửa đổi, bổ sung thông tin dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, bằng mọi hình thức đa dạng, phong phú, sâu rộng, để người nộp thuế nắm vững nội dung chính sách thuế TNDN, các thủ tục hành chính thuế, quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế, trên cơ sở đó tự giác tờ khai đầy đủ số thuế phát sinh nộp và NSNN. Trong đó, tập trung tuyên truyền về các nội dung trọng điểm của luật thuế TNDN như các khoản

chi được trừ khi tính thu nhập chịu thuế, xác định doanh thu tính thuế... và đẩy mạnh công tác đối thoại với người nộp thuế. Đồng thời, tổ chức các chương trình, hội nghị tôn vinh các doanh nghiệp, doanh nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, vừa sản xuất kinh doanh giỏi vừa thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN.

Chú trọng tổng hợp đầy đủ các thông tin liên quan đến công tác thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp thu và chỉ đạo giải quyết kịp thời đối với những vấn đề mà dư luận phản ánh đúng, đồng thời nhanh chóng tuyên truyền, hỗ trợ đối với những phản ánh chưa đúng, trong đó tập trung nghiên cứu quy chế quy định rừ thời hạn phải phản hồi các ý kiến mà dư luận đưa ra đối với từng loại vụ việc, đối với những vấn đề mà báo chí phản ánh có sức lan toả rộng thì phải có phản hồi ngay.

*d) Đối với doanh nghiệp*

- Phải có ý thức tự giác, tự nguyện trong việc kê khai, nộp thuế.
- Chú ý đến việc tổ chức công tác kế toán hợp lý và khoa học phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh, sử dụng kế toán viên phải có kinh nghiệm trong công tác.

Thông qua việc phân tích những nét chính về thực trạng, các hình thức gian lận thuế TNDN của các doanh nghiệp cũng như việc đưa ra một số biện pháp nhằm tăng cường chống gian lận trên, tôi hi vọng những gì mình đã trình bày có thể đáp ứng phần nào yêu cầu của thực tế hiện nay.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư 78/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp* ban hành ngày 18 tháng 06 năm 2014.
2. Chi cục thuế Quận Lê Chân (2015), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Lê Chân năm 2015*.
3. Chi cục thuế Quận Lê Chân (2016), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Lê Chân năm 2016*.
4. Chi cục thuế Quận Lê Chân (2017), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Lê Chân năm 2017*.
5. Chi cục thuế Quận Lê Chân (2018), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Lê Chân năm 2018*.
6. Chi cục thuế Quận Lê Chân (2019), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Lê Chân năm 2019*.
7. Chi cục thuế Quận Hải An (2019), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Hải An năm 2019*.
8. Chi cục thuế Quận Hồng Bàng (2019), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Hồng Bàng năm 2019*.
9. Chi cục thuế Quận Kiến An (2019), *Báo cáo tổng kết năm công tác thuế chi cục thuế quận Kiến An năm 2019*.
10. Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoa (2009). *Giáo trình quản lý tài chính công*. Nhà xuất bản Tài Chính.
11. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). *Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính*, ban hành ngày 19 tháng 7 năm 2013.
12. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). *Nghị định số 129/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế*, ban hành

ngày 16 tháng 10 năm 2013.

13. Chính phủ (2013). *Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp* ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2013.
14. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014). *Nghị định 91/2014/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung một số điều tại các nghị định, quy định về thuế* ban hành ngày 1 tháng 10 năm 2014.
15. Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). *Nghị định 12/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế* ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015.
16. Lê Trung Dũng (2015). *Tăng cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi*, luận văn thạc sĩ trường Đại học Đà Nẵng.
17. Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Luật Tài chính ngân hàng*, NXB Công an nhân dân.
18. Lê Văn Hải (2010), *Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và giải pháp chống chuyển giá ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, ngành Luật Kinh tế, Khoa Luật - Đại học Quốc Gia Hà Nội.
19. Nguyễn Minh Hằng (2008). *Giáo trình Luật tài chính công*. Nhà xuất bản giáo dục.
20. Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Văn Hiệu (2017). *Giáo trình Thuế*. Học viện Tài chính, Nhà xuất bản Tài chính.
21. Chu Thị Ngọc (2014). *Xử lý vi phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ luật học, khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Nguyễn Đăng Nguyên (2013). *Một số giải pháp hạn chế hành vi gian lận thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp tại quận 5*. Luận văn thạc sĩ trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.



23. Lê Thị Minh Phượng (2019). *Hoàn thiện thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính.
24. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008). *Luật số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008 của Quốc hội về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp*.
25. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). *Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006*.
26. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012*.
27. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). *Luật thuế TNDN 71/2014/QH13 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2015/QH13*.
28. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). *Luật thuế số 32/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*.
29. Đinh Dũng Sỹ (2012). *Giáo trình Luật tài chính Việt Nam*. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
30. Viện đại học mở (2012). *Giáo trình luật Tài chính và Luật Ngân hàng*. Nhà xuất bản Công an Nhân dân, tài liệu đào tạo từ xa.